

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH**

TRẦN THỊ LAN THẢO

**GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

TP. Hồ Chí Minh - Năm 2006

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH**

TRẦN THỊ LAN THẢO

**GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

Chuyên ngành : **Thương mại**
Mã số : **60.34.10**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS ĐOÀN THỊ HỒNG VÂN**

TP. Hồ Chí Minh - Năm 2006

MỤC LỤC



NỘI DUNG

	Trang
<i>Danh mục các bảng biểu</i>	
<i>Mở đầu</i>	
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỀ ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI	1
1.1 Đầu tư trực tiếp nước ngoài và những khái niệm có liên quan	1
<i>1.1.1 Khái niệm về đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	1
<i>1.1.2 Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	1
1.2 Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài	3
<i>1.2.1 Đối với nước xuất khẩu vốn đầu tư</i>	3
<i>1.2.2 Đối với nước tiếp nhận vốn đầu tư</i>	3
<i>1.2.3 Trong điều kiện hội nhập ở Việt Nam</i>	4
1.3 Tình hình FDI tại Việt Nam giai đoạn 1988-2005	5
<i>1.3.1 Bối cảnh ra đời của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</i>	5
<i>1.3.2 Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến thu hút FDI ở Việt Nam</i>	6
<i>1.3.3 Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt nam từ 1988 - 6/2006</i>	9
<i>1.3.4 Hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm qua</i>	12
1.4 Nghiên cứu kinh nghiệm thu hút FDI của một số địa phương	14
<i>1.4.1 Kinh nghiệm thu FDI của một số địa phương trong nước</i>	14
<i>1.4.2 Bài học rút ra cho việc thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long</i>	18
Kết luận chương 1	19
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG	20
2.1 Giới thiệu về tỉnh Vĩnh Long	20
<i>2.1.1 Những lợi thế và bất lợi trong thu hút FDI trên địa bàn Vĩnh Long</i>	20
<i>2.1.2 Những nét lớn về tình hình phát triển KTXH ở tỉnh Vĩnh Long</i>	21

2.2 Phân tích tình hình FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thời gian qua	24
2.2.1 <i>Tình hình chung về thu hút FDI từ năm 1993-6/2006</i>	24
2.2.2 <i>Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề, lĩnh vực</i>	26
2.2.3 <i>Hình thức đầu tư</i>	28
2.2.4 <i>Cơ cấu đầu tư theo đối tác nước ngoài</i>	29
2.2.5 <i>Tình hình thu hút FDI trong Khu công nghiệp và tuyến công nghiệp</i>	30
2.2.6 <i>Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long</i>	32
2.3 Phân tích tác động của FDI đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Vĩnh Long	34
2.3.1 <i>Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Vĩnh Long</i>	34
2.3.2 <i>Đóng góp cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh</i>	34
2.3.3 <i>Đóng góp cho kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh</i>	35
2.3.4 <i>Góp phần tăng ngân sách nhà nước cho tỉnh</i>	36
2.3.5 <i>Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động</i>	37
2.3.6 <i>Thúc đẩy tăng nhanh năng lực sản xuất, tạo thêm nhiều ngành nghề, tăng sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm, doanh nghiệp</i>	38
2.3.7 <i>Góp phần phát triển cơ cấu hạ tầng kỹ thuật</i>	38
2.3.8 <i>Góp phần vào việc đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính</i>	39
2.3.9 <i>Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực ở tỉnh</i>	40
2.3.10 <i>Những tác động tiêu cực trong đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	40
2.4 Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	42
2.4.1 <i>Phân tích các yếu tố bên trong</i>	42
2.4.2 <i>Phân tích các yếu tố bên ngoài</i>	51
Kết luận Chương 2	58
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG	59
3.1 Mục tiêu, quan điểm và cơ sở đề xuất các giải pháp	59
3.1.1 <i>Mục tiêu đề xuất các giải pháp</i>	59

3.1.2 <i>Quan điểm đề xuất các giải pháp</i>	59
3.1.3 <i>Cơ sở đề xuất các giải pháp</i>	59
3.2 Các giải pháp đẩy mạnh thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	62
3.2.1 <i>Thực hiện tốt công tác quy hoạch các dự án FDI</i>	62
3.2.2 <i>Nâng cao năng lực và tác phong của cán bộ làm công tác FDI tại các cơ quan quản lý nhà nước</i>	66
3.2.3 <i>Đẩy mạnh hơn nữa công tác xúc tiến đầu tư</i>	69
3.2.4 <i>Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa cơ sở hạ tầng</i>	74
3.2.5 <i>Thực hiện tốt chính sách "5 sẵn sàng"</i>	75
3.2.6 <i>Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cải cách các thủ tục hành chính về đầu tư nước ngoài</i>	79
3.2.7 <i>Tạo lập thị trường hấp dẫn đầu tư</i>	81
3.2.8 <i>Các giải pháp khác</i>	83
Kiến nghị các đơn vị có liên quan	84
Kết luận chương 3	86
Kết Luận	87
Danh mục tài liệu tham khảo	
Phụ lục	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giai đoạn 2001 - 2005 vừa qua, tốc độ tăng trưởng (GDP) của tỉnh Vĩnh Long tăng bình quân 8,60%/năm cao hơn bình quân cả nước, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, trong đó công nghiệp chiếm 15,49%, dịch vụ chiếm 31,13%, nông nghiệp chiếm 53,38%. Tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ VIII, đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Chính phủ đã đánh giá: *"...Vĩnh Long thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng trong bối cảnh rất khó khăn của một tỉnh có diện tích tự nhiên nhỏ nhất nhưng mật độ dân số lại là cao nhất của các tỉnh ĐBSCL....Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh còn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân của các tỉnh trong khu vực, tốc độ tăng trưởng khá nhưng thiếu vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm..."*⁽¹⁾.

Chính vì thế mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ VIII (2005 - 2010) đã phấn đấu đưa tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hàng năm 14%, cơ cấu GDP đến năm 2010: nông nghiệp - thủy sản 38%; công nghiệp - xây dựng 25% và dịch vụ 37%. Đồng thời phải huy động các nguồn vốn của toàn xã hội cho đầu tư phát triển, bình quân hàng năm tăng 23% trở lên (theo giá hiện hành), phấn đấu trong 5 năm (2005 - 2010) huy động vốn đầu tư toàn xã hội là 28.200 tỷ đồng. Trước thực tế như trên, việc đề ra **"Giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2006 - 2010"** là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên thời gian qua cho đến nay tỉnh Vĩnh Long đã và đang ra sức kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhưng tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn còn rất hạn chế, cụ thể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài ra đời (năm 1987) mãi cho đến năm 1993 tỉnh Vĩnh Long mới thu hút được dự án FDI đầu tiên và cho đến nay (6/2006) gần 20 năm, cũng chỉ mới thu hút được 12 dự án FDI, trong đó chỉ còn 10 dự án còn hiệu lực hoạt động, đa số lại là các dự án nhỏ nên chưa tác động mạnh đến phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Mà hiện nay Việt Nam đã gia nhập WTO, nguồn vốn FDI đang có xu hướng chảy vào nước ta, vì thế từng địa

⁽¹⁾Nguồn: Trích bài phát biểu của đ/c Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Chính phủ tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ VIII

phương đang ra sức thu hút FDI về cho mình càng nhiều càng tốt. Đó cũng chính là lý do để tác giả chọn viết đề tài này.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Vấn đề cơ bản mà đề tài mong muốn là đánh giá thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Vĩnh Long, cũng như phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI, để từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và những tác động kinh tế xã hội có liên quan. Tuy nhiên trong phạm vi đề tài này, chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài từ năm 1993 đến 6/2006 kèm theo các giải pháp và kiến nghị, những vấn đề khác chỉ được giải quyết khi có liên quan.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở những số liệu thu thập được từ Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Vĩnh Long, Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long, Cục Thuế Vĩnh Long, từ báo, đài. Luận văn còn thu thập số liệu qua phiếu khảo sát điều tra trực tiếp và gián tiếp đến các doanh nghiệp FDI ở tỉnh Vĩnh Long và những người am hiểu về lĩnh vực đầu tư nước ngoài.

Phương pháp chính được sử dụng trong đề tài là phương pháp thống kê, tổng hợp và phân tích. Luận văn còn sử dụng các tài liệu, công trình nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

5. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo. Nội dung của luận văn gồm:

Chương 1: Cơ sở khoa học để đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Chương 2: Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Vĩnh Long

Chương 3: Giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2006 - 2010

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.1 ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN

1.1.1 Khái niệm về đầu tư trực tiếp nước ngoài

Luật đầu tư nước ngoài được ban hành vào ngày 29/12/1987, và từ đó đến nay Luật đầu tư nước ngoài đã qua năm lần sửa đổi, bổ sung đó là các năm 1990, 1992, 1996, 2000 và gần đây nhất là ngày 29/11/2005 Luật Đầu tư nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành nhằm xóa bỏ một số biệt lệ không cần thiết, hướng tới thiết lập một mặt bằng pháp lý thống nhất cho doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Theo Luật Đầu tư năm 2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì:

- Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.
- Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư.

Căn cứ vào nội dung của Luật này, nhà nước Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam nhằm tăng cường hợp tác hơn nữa với các nước trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền và tuân thủ pháp luật Việt Nam, bình đẳng cùng có lợi.

1.1.2 Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

Căn cứ vào Luật Đầu tư thì đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua 6 hình thức đầu tư được hiểu như sau:

- ***Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (A business co-operation contract)***

Là hình thức đầu tư được ký giữa các nhà đầu tư nước ngoài nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập pháp nhân.

- ***Hình thức doanh nghiệp liên doanh (A joint Venture Enterprise)***

Là doanh nghiệp do hai bên hoặc nhiều bên hợp tác thành lập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh hoặc hiệp định ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước ngoài hoặc là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam hoặc do doanh nghiệp liên doanh hợp tác với nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở hợp đồng liên doanh.

• Hình thức doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài

Là doanh nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư 100% vốn tại Việt Nam. Như vậy, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài và do tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập, tự quản lý và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh

Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, được thành lập và hoạt động kể từ ngày được cấp giấy phép đầu tư

• Hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (Built – Operate - Transfer)

Là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước Việt Nam.

• Hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (Built – Transfer - Operate)

Là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam; Chính phủ Việt Nam dành cho nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận.

• Hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (Built - Transfer)

Là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ Việt Nam tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hoặc thanh toán cho nhà đầu tư theo thỏa thuận trong hợp đồng BT.

1.2 VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Đầu tư trực tiếp nước ngoài có vị trí rất quan trọng góp phần tăng trưởng và phát triển kinh tế không chỉ riêng đối với các nước tiếp nhận đầu tư mà còn đối với bản thân các nước xuất khẩu tư bản.

1.2.1 Đối với nước xuất khẩu vốn đầu tư

➤ Nhờ xuất khẩu tư bản, các công ty xuyên quốc gia có điều kiện nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giúp hạ giá thành sản phẩm và nâng cao tỷ suất lợi nhuận của vốn đầu tư

➤ Mở rộng phạm vi ảnh hưởng sang nhiều quốc gia nhằm khẳng định sức mạnh về kinh tế và nâng cao uy tín về chính trị trên trường quốc tế

➤ Các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia lợi dụng cơ chế quản lý thuế ở các nước khác nhau, mà tổ chức đầu tư ở nhiều nước khác nhau, qua đó thực hiện “chuyển giá” nhằm trốn thuế, tăng lợi nhuận cho công ty

➤ Đầu tư vốn ra nước ngoài giúp các chủ vốn đầu tư phân tán rủi ro do tình hình kinh tế chính trị trong nước bất ổn định

➤ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, ổn định và duy trì sản xuất ở một trình độ cao, trong đó đáng chú ý là khai thác được nguyên liệu giá rẻ từ các nước tiếp nhận đầu tư

➤ Đầu tư ra nước ngoài sẽ giúp thay đổi cơ cấu nền kinh tế trong nước theo hướng hiệu quả hơn, thích nghi hơn với sự phân công lao động khu vực và quốc tế

1.2.2 Đối với nước tiếp nhận vốn đầu tư

➤ Đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn vốn quan trọng làm tăng vốn đầu tư, giúp các nước tiếp nhận đầu tư cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội, phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng

➤ Nước tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể tiếp cận công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý và trình độ kinh doanh từ nước ngoài

- Tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng, chất lượng tốt, giá cả hợp lý, thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của khách hàng
- Góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lao động ở các nước đầu tư và nhận đầu tư, đồng thời cũng là cơ hội tốt nhất để những người lao động ở các nước nhận đầu tư có điều kiện tiếp nhận khoa học công nghệ, rèn luyện kỹ năng lao động và năng lực tổ chức quản lý ở một trình độ cao
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một ngành nào đó không chỉ có tác dụng làm cho ngành đó ở nước nhận đầu tư phát triển mà còn có tác dụng kích thích các ngành liên quan phát triển và tác động dây chuyền kích thích sự phát triển của cả nền kinh tế
- Làm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước từ các khoản thuế và thu lợi nhuận, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, mở thêm một số ngành dịch vụ phục vụ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- Là phương thức quan trọng làm tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng nguồn ngoại tệ góp phần hỗ trợ cán cân thanh toán, sẽ giúp ổn định kinh tế vĩ mô và đẩy nhanh quá trình hội nhập hợp tác giữa nước tiếp nhận đầu tư với các nước khác trên thế giới. Nguồn lực quan trọng này chính là nhân tố bảo đảm cho các nước chậm phát triển và đang phát triển có điều kiện rút ngắn khoảng cách cách biệt, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

1.2.3 Trong điều kiện hội nhập ở Việt Nam

Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 150 của WTO, điều đó mang lại cả cơ hội lẫn thách thức cho nền kinh tế Việt Nam. Đối với thu hút vốn đầu tư nước ngoài, hội nhập kinh tế quốc tế đem lại cho chúng ta nhiều thuận lợi như huy động các nguồn vốn từ bên ngoài vào; tiếp cận và chuyển giao những thành tựu khoa học và công nghệ đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới, kỹ năng quản lý, tiếp thị tiên tiến; tạo sức ép cạnh tranh trong nước nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ trong nước; mạng lưới thông tin và giao thông vận tải bao phủ toàn cầu giúp giao lưu thuận tiện hơn; mở ra nhiều cơ hội nâng cao trình độ lao động, tiếp cận thông tin qua đó phát triển vốn con người; đồng thời sẽ có cơ hội tiếp cận thị trường thế giới, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu...

Tuy nhiên, trong tiếp nhận FDI cũng như trong hoạt động thương mại, không thể để cho một tập đoàn nước ngoài nào độc quyền kinh doanh trên đất nước ta, tạo điều kiện cho họ chi phối, thao túng nền kinh tế, làm cho nền kinh tế của ta lệ thuộc nhiều vào thị trường thế giới. Bằng mọi cách tạo ra sự cạnh tranh giữa các đối tác nước ngoài trong làm ăn với Việt Nam, nhằm tạo lợi thế, giúp các doanh nghiệp trong nước vươn lên, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển.

1.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1988 - 6/2006

1.3.1 Bối cảnh ra đời của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Ngày 23/12/1987, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (gọi tắt là Luật đầu tư 1987) tạo nên môi trường pháp lý đầu tiên cho hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ra đời trong bối cảnh sau:

1.3.1.1 Bối cảnh thế giới

Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã ra đời trong bối cảnh quốc tế sau:

➤ Sự phát triển của giao lưu thương mại quốc tế đã làm mô hình “Kinh tế đóng” trở nên lỗi thời và xu hướng phát triển “Kinh tế mở” theo hướng mở rộng tất cả các cánh cửa ở cả hai chiều cho xuất nhập khẩu hàng hóa, tư bản, dịch vụ, công nghệ-kỹ thuật, lao động...

➤ Sự phát triển nhanh đến chóng mặt của các phương tiện giao thông, liên lạc, kỹ thuật điện toán đặc biệt là các lĩnh vực điện tử - tin học phục vụ cho đời sống và sản xuất... đã đặt những người làm kinh tế vào thế phải cạnh tranh khốc liệt để vươn tới sự hoàn hảo của kỹ thuật và giảm tối đa chi phí.

➤ Thể chế chính trị, kinh tế, xã hội của nhiều quốc gia trong những thập kỷ vừa qua đã có những thay đổi quan trọng phù hợp với nền kinh tế mở, với các thông lệ quốc tế, đảm bảo được lợi ích của chủ đầu tư nước ngoài.

Các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam không thoát ra khỏi guồng vận động của thế giới, do vậy không thể đứng yên nhìn mọi việc thay đổi mà phải bắt tay tham gia vào quá trình đổi mới. Đó là con đường tất yếu để phát triển và đi tới phồn vinh.

1.3.1.2 Bối cảnh nền kinh tế Việt Nam

Sau 30 năm chiến tranh giành độc lập dân tộc, Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới: hòa bình, xây dựng và phát triển. Trong những năm đầu sau chiến tranh (1976-1986), mặc dù Việt Nam đã nhận được nguồn viện trợ khá lớn từ các nước XHCN đặc biệt là Liên Xô (khoảng 1 tỷ rúp mỗi năm) nhưng phần lớn các khoản viện trợ này đã bị sử dụng lãng phí, kém hiệu quả. Trong bối cảnh đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) đã khẳng định sự bức thiết phải tiến hành công cuộc đổi mới trên toàn bộ các phương diện kinh tế - xã hội, trong đó có đổi mới căn bản các hoạt động kinh tế đối ngoại, thu hút nguồn đầu tư nước ngoài và tăng cường xuất khẩu.

Luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đã dựng lên một khuôn khổ pháp lý phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về kinh tế đối ngoại.

1.3.2 Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến thu hút FDI ở Việt Nam

1.3.2.1 Tình hình chính trị xã hội ổn định:

Ổn định là điều kiện tiên quyết để đảm bảo các cam kết của chính phủ đối với các nhà đầu tư về sở hữu vốn đầu tư, các chính sách ưu tiên đầu tư và định hướng phát triển (cơ cấu đầu tư) của nước nhận đầu tư

Trong những năm qua, tình hình chính trị - xã hội nước ta tiếp tục ổn định, an ninh được đảm bảo, uy tín của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao. Việc nước ta khẳng định tiếp tục thực hiện đổi mới, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị cấp cao Á - Âu trong năm 2004 đã tác động tích cực đến tâm lý của các nhà đầu tư. Hiện nay, việc Việt Nam tổ chức Hội nghị APEC lần thứ 14 và Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO đã khiến môi trường đầu tư trở nên rất hấp dẫn.

1.3.2.2 Xây dựng chính sách, pháp luật rõ ràng, minh bạch:

Năm 1977, để tạo cơ sở pháp lý tăng cường sự hợp tác với các nước XHCN, khai thác tiềm năng kinh tế của Việt Nam, Chính phủ đã ban hành điều lệ hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Đến ngày 29/12/1987 Luật đầu tư nước ngoài được ban hành. Từ đó đến nay Luật đầu tư nước ngoài đã qua năm lần sửa đổi, bổ sung và gần đây nhất là năm 2005 Luật đầu tư tiếp tục hoàn chỉnh theo hướng minh bạch hơn và phù hợp hơn với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống các văn bản có liên

quan đến hoạt động đầu tư cũng tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện như: Luật đất đai sửa đổi, Bộ Luật lao động sửa đổi, Luật xây dựng, Luật Thủy sản, Luật kế toán, Luật thuế TNDN... Cùng với một số văn bản pháp luật quan trọng được ban hành như: Quyết định 146/2003/QĐ-TTg về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam; Quyết định 53/2004/QĐ-TTg về khuyến khích đầu tư tại khu công nghệ cao...

“Song song với việc hoàn thiện khung pháp lý và cải thiện thể chế kinh tế để từng bước hình thành thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh cải cách hành chính. Việc giảm thiểu các thủ tục hành chính không cần thiết, xóa bỏ giấy phép con và sự can thiệp của các cơ quan hành chính vào công việc kinh doanh cụ thể của các nhà đầu tư sẽ làm môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi hơn. Nhiều tỉnh, thành phố đang nỗ lực xây dựng và hoàn thiện “cơ chế một cửa”, “cơ chế giao ban” giữa các bộ, ngành liên quan để giải quyết nhanh những vấn đề vướng mắc của doanh nghiệp khi vượt quá thẩm quyền của một bộ, ngành cụ thể đang được triển khai có hiệu quả, giúp nhiều nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn để yên tâm sản xuất, kinh doanh”, trích lời nguyên Phó Thủ Tướng Vũ Khoan ⁽²⁾

1.3.2.3 Cơ sở hạ tầng đảm bảo cho đầu tư phát triển:

Cơ sở hạ tầng bảo đảm sự vận hành liên tục, thông suốt các luồng của cải vật chất, các luồng thông tin và dịch vụ. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng và dịch vụ sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi, giảm những chi phí phát sinh cho các hoạt động đầu tư.

Cơ sở hạ tầng ở nước ta trong những năm qua đã được cải thiện rõ rệt. Ngành viễn thông, công nghiệp đóng tàu trên biển phát triển đáng kể. Khối lượng vận tải đường bộ, đường sắt và vận tải biển, hàng không đều tăng lên. Tuy nhiên vẫn còn kém so với nhiều nước trong khu vực. Các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư Nhật đã cho rằng chi phí dịch vụ, giá cả ở nước ta vẫn còn cao so với các nước trong khu vực và nếu Chính phủ Việt Nam không áp dụng các biện pháp tích cực để cải thiện giá cả các dịch vụ cơ sở hạ tầng thì có thể là các nhà đầu tư nước ngoài sẽ chuyển hướng sang những quốc gia khác ở Châu Á mà cụ thể là Trung Quốc. Do đó đẩy mạnh các giải pháp hoàn thiện cơ sở hạ tầng là một bước đi rất cần thiết trong cuộc cạnh tranh thu hút vốn FDI của Việt Nam trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

1.3.2.4 Chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư:

Khuyến khích về tài chính luôn chiếm vị trí quan trọng để hấp dẫn đầu tư, bao gồm các mức thuế ưu đãi, thời hạn miễn giảm thuế, ưu đãi tín dụng, lệ phí,.....

⁽²⁾ Thời gian qua nước ta đã có nhiều cố gắng cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, chủ động và sáng tạo đề ra các cơ chế chính sách sát với thực tế, thường xuyên đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn. Đồng thời hoàn tất lộ trình áp dụng cơ chế một giá, hỗ trợ nhà đầu tư giảm chi phí sản xuất.

Đối với những ưu đãi về thuế, về tiền thuê đất, về thời hạn của dự án được Chính phủ quy định chung nhưng thời gian qua xảy ra tình trạng các địa phương đua nhau đưa ra các chính sách riêng để cạnh tranh thu hút đầu tư, gây tác động xấu đến môi trường đầu tư, ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia. Chính vì thế, mà Quyết định 1387/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2005 về đình chỉ hiệu lực thi hành các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư trái luật do UBND các tỉnh, thành phố ban hành nhằm chấn chỉnh lại các chính sách ưu đãi đầu tư.

Như vậy, trước những lộ trình cải cách được dần thực thi thì môi trường kinh doanh sẽ tạo nên sức hấp dẫn mới cho cả nền kinh tế Việt Nam trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

1.3.2.5 Công tác xúc tiến đầu tư

Thực hiện Nghị định số 09 của Chính phủ và Chỉ thị 19 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2001 trở lại đây, công tác vận động, xúc tiến đầu tư tiếp tục được cải thiện, đa dạng về hình thức như kết hợp trong khuôn khổ các chuyến thăm của Lãnh đạo cấp cao Đảng, Chính phủ Việt Nam tại Nhật Bản, Hoa Kỳ, Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc qua hội thảo, tiếp xúc, trao đổi. Việc gắn chặt hơn các hoạt động ngoại giao với hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại đã có tác động tích cực đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các ngành, các địa phương tổ chức nhiều cuộc hội thảo, xúc tiến đầu tư ở trong và ngoài nước, thể hiện sự chuyển biến tích cực về nhận thức của chính quyền các địa phương trong việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển⁽³⁾. Có thể nói việc tổ chức thành công Diễn đàn hợp tác đầu tư và triển lãm đầu tư nước ngoài vào tháng 11/2005

⁽³⁾ Trích báo cáo của Thủ tướng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Bính

đã thu hút mối quan tâm của hàng trăm tập đoàn, công ty lớn của nước ngoài, góp phần quảng bá hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mặc dù rất lạc quan về tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài hiện nay, nhưng theo ông Phan Hữu Thắng, Cục trưởng Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa nhận rằng công tác xúc tiến đầu tư vẫn chưa được đầu tư tương xứng, đã nhiều năm nay vấn đề thu hút vốn đầu tư nước ngoài rất được coi trọng nhưng vẫn chưa có quỹ cho công tác xúc tiến đầu tư. *“Chúng tôi chưa dám nghĩ đến chuyện vận động hành lang như các nước thường làm, mà chỉ dám nghĩ đến việc làm sao đủ tiền để in ấn tài liệu giới thiệu về chính sách, hình ảnh, môi trường đầu tư của Việt Nam. Không đủ tiền để tổ chức hội thảo, hội nghị kêu gọi đầu tư ở nước ngoài đâu. Những chuyến đi nước ngoài thường là đi với các nguyên thủ quốc gia, lãnh đạo Nhà nước rồi kết hợp làm luôn. Ở những nước như Thái Lan, Malaysia,.... một khi phát hiện ra nhà đầu tư mới có ý định thôi là họ đeo bám, thuyết phục ngay từ đầu. Chúng tôi thì không có tiền để làm việc tiếp cận, đeo bám, vận động như vậy. Mà trong bối cảnh cạnh tranh như hiện nay, không làm như vậy chúng ta sẽ thua. Không có bột sao gột nên hồ được”* lời ông Phan Hữu Thắng ⁽⁴⁾

Công tác xúc tiến đang được các tỉnh phía Nam ngày càng quan tâm, nhưng việc triển khai hoạt động trên thực tế còn rất nhiều khó khăn, vẫn còn tình trạng mỗi người nghĩ xúc tiến đầu tư theo một kiểu, có lãnh đạo còn coi xúc tiến đầu tư là công việc của bộ phận làm xúc tiến, chứ không phải là hoạt động marketing của địa phương. Công tác xúc tiến đầu tư còn bị vướng bởi cơ chế và còn nhiều bất cập. Trong khi đó, Việt Nam đang phải chịu sức ép cạnh tranh lớn trong thu hút vốn đầu tư với các nước trong khu vực ⁽⁵⁾

1.3.3 Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam từ 1988 - 6/2006

Sau khi Luật đầu tư nước ngoài được ban hành tháng 12/1987 tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và số dự án cấp giấy phép đều tăng qua các năm. Tính tới tháng 6/2006 đã có 7.320 dự án được cấp phép với tổng số vốn đầu tư là 54.238,9 triệu USD. Điều này được thể hiện ở bảng 1-1 sau đây:

(4) Trích từ Báo thanh niên số 11(3307), thứ ba ngày 11/1/2005

(5) Nguồn: Website Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bảng 1-1: Tình hình đầu tư FDI được cấp phép ở Việt Nam từ năm 1988-6/2006

ĐVT: triệu USD

Năm	Số dự án cấp phép	Vốn đăng ký	Vốn đầu tư bình quân trên 1 dự án
1988	37	321,8	8,7
1989	68	525,5	7,73
1990	108	735	6,8
1991	151	1.275	8,44
1992	197	2.027	10,3
1993	274	2.589	9,45
1994	367	3.746	10,21
1995	408	6.848	16,78
1996	387	8.979	23,2
1997	358	4.894	13,67
1998	285	4.138	16,04
1999	311	1.568	5,04
2000	389	2.018	5,19
2001	550	2.592	4,71
2002	802	1.621	2,02
2003	748	1.899,6	2,54
2004	743	2.200	2,96
2005	798	4.002	5,01
6/2006	339	2.260	6,66
Tổng cộng	7.320	54.238,9	7,4

Nguồn: Số liệu thu thập từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trong giai đoạn 1988 - 2005, tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam có những chuyển biến rõ nét, số dự án tăng qua các năm, tuy vậy số dự án năm 1997 giảm đi 29 dự án so với năm 1996, năm 1998 giảm 73 dự án so với năm 1997 và các năm sau này số dự án bắt đầu tăng trở lại. Mặc dù 3 năm 1996, 1997,

1998 số dự án giảm nhưng thu hút được vốn đầu tư cao hơn các năm khác, trong đó năm 1996 là năm thu hút được nhiều vốn đầu tư nhất đạt 8.979 triệu USD, đạt bình quân 23,2 triệu USD/dự án. Sau khi khủng hoảng kinh tế Châu Á qua đi, những năm sau đó tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam đang dần hồi phục với số lượng dự án đăng ký hàng năm tăng lên nhưng số vốn đầu tư bình quân lại càng ngày càng giảm và vẫn còn kém so với trước khi cuộc khủng hoảng xảy ra, cụ thể như năm 2002 là năm thu hút được nhiều dự án nhất với 802 dự án nhưng vốn đầu tư bình quân trên 1 dự án chỉ đạt 2,02 triệu USD, đạt thấp nhất so với các năm qua. Có rất nhiều cách để giải thích về sự giảm sút đầu tư nước ngoài này, không loại trừ nguyên nhân là cuộc khủng hoảng tài chính ở khu vực Châu Á. Nhưng nhìn chung lại, dưới cặp mắt đánh giá của những nhà đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư ở nước ta trong những năm này kém hấp dẫn hơn so với một số nước trong khu vực như Myanmar, Trung Quốc....nên có lẽ không thu hút được nhiều dự án đầu tư lớn. Bắt đầu năm 2005 tình hình thu hút FDI có bước phát triển trở lại tăng cả về số dự án và vốn đăng ký đầu tư, số dự án cấp mới là 798 dự án với 4.002 triệu USD và vốn bổ sung đạt gần 1.895 triệu USD. Như vậy, năm 2005 thu hút FDI đạt gần 6 tỷ USD, tăng trên 25% so với năm 2004. Có thể nói năm 2005 thật sự là năm khởi sắc của FDI kể từ năm 1998. Trong 6 tháng đầu năm 2006 vốn đầu tư FDI tiếp tục tăng khá, đạt 339 dự án với 2.260 triệu USD vốn đăng ký, tăng 21% về vốn và tăng 5% về số dự án so với cùng kỳ năm trước. Đây được xem là dấu ấn báo hiệu một làn sóng mới của FDI tại Việt Nam, sau làn sóng thứ nhất trong giai đoạn 1991-1997.

Theo số liệu của Cục đầu tư nước ngoài tính đến ngày 31/12/2005 tổng số dự án đầu tư còn hiệu lực ở Việt Nam là 6.030 dự án với tổng vốn đầu tư là 51.017,9 triệu USD, vốn pháp định là 22.684,9 triệu USD

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam phân bổ không đều giữa các ngành và vùng lãnh thổ. Chủ yếu tập trung ở vùng Đông Nam Bộ (TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu) với 3.772 dự án và 28.663 triệu USD vốn đầu tư; Đồng Bằng Sông Hồng (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh) với 915 dự án và 11.928 triệu USD vốn đầu tư (xem phụ lục 1)

Với tổng số 6.030 dự án được cấp giấy phép đầu tư còn hiệu lực, thì công nghiệp chiếm 4.053 dự án, chiếm 67,2% trong tổng số dự án với tổng vốn đầu tư là 31.040,9 triệu USD chiếm về cơ cấu là 60,8%; Nông, lâm nghiệp 789 dự án với tổng vốn đầu tư là 3.774,8 triệu USD và dịch vụ 1.188 dự án với tổng vốn đầu tư là 16.202,1 triệu USD. Như vậy, các ngành công nghiệp thu hút được nhiều dự án FDI nhất với tổng số vốn lớn nhất cả về vốn đăng ký, vốn pháp định hay vốn thực hiện (xem phụ lục 2)

Đến ngày 31/12/2005 đã có 75 nước và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Trong số các nước đầu tư vào Việt Nam, đến nay dẫn đầu vẫn là các nước Châu Á như Đài Loan, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, trong đó Đài Loan có 1.422 dự án là quốc gia có số dự án đầu tư nhiều nhất tại Việt Nam. Các nước Châu Âu vẫn chưa đầu tư nhiều vào Việt Nam, đặc biệt là Mỹ, Anh (xem phụ lục 3)

Các hình thức đầu tư vào Việt Nam chủ yếu vẫn là hình thức 100% vốn nước ngoài với 4.504 dự án, chiếm 74,69% trong tổng số dự án; kế đến là hình thức liên doanh với 1.327 dự án, chiếm 22,01% trong tổng số dự án; còn các hình thức khác thì số dự án chiếm không đáng kể (xem phụ lục 4)

Tuy nhiên với những gì đạt được, đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng đã mang lại nhiều hiệu quả cho nền kinh tế nước ta

1.3.4 Hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm qua

1.3.4.1 Hiệu quả kinh tế

Ở nước ta, bên cạnh nguồn vốn trong nước đóng vai trò quyết định, vốn đầu tư nước ngoài là một trong những nguồn vốn quan trọng. Trong nguồn vốn nước ngoài, vai trò của FDI trong những năm qua đã được khẳng định, đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước. Khu vực này hiện chiếm hơn 14% GDP. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì giai đoạn 1996 - 2000 thu từ khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 6%-7% nguồn thu ngân sách quốc gia, chưa kể ngành dầu khí. Riêng năm 2005 nguồn thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt mức cao nhất kể từ khi ban hành luật đầu tư nước ngoài đến nay, chiếm 12% tổng thu ngân sách nhà nước.

Tính chung từ năm 1997 đến nay vốn FDI chiếm khoảng 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đã bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, góp phần khai

thác, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nước, tạo ra thế và lực phát triển mới cho nền kinh tế.

Năm 2005 các doanh nghiệp FDI đã chiếm khoảng 40% sản lượng công nghiệp; chiếm 80% ô tô, máy giặt, tủ lạnh, điều hòa, nhiệt độ, máy tính, chiếm 60% sản lượng thép cán, chiếm 76% dụng cụ y tế chính xác, chiếm 30% xi măng.... Tốc độ tăng trưởng sản lượng công nghiệp FDI hàng năm khoảng 20% bằng 1,3 lần tốc độ tăng trưởng của công nghiệp nói chung. Các doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (kể cả dầu thô). Như vậy, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước và cho tăng trưởng kinh tế ⁽⁷⁾. Ngoài các ngành công nghiệp, phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn kéo theo nhiều ngành dịch vụ khác, góp phần nâng cao tỷ trọng các ngành dịch vụ lên.

Việc sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại ở các dự án FDI tạo sự kích thích các doanh nghiệp nội địa phải đầu tư đổi mới công nghệ để tạo được những sản phẩm có khả năng cạnh tranh với sản phẩm của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài trên thị trường nội địa cũng như xuất khẩu. Điều đó góp phần đáng kể và quan trọng để Việt Nam nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ, từ đó rút ngắn khoảng cách về khoa học và công nghệ so với các nước trong khu vực và các nước phát triển trên thế giới.

Đầu tư nước ngoài đặc biệt có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển ngoại thương của đất nước, góp phần đẩy nhanh tiến độ hội nhập kinh tế quốc tế.

1.3.4.2 Hiệu quả xã hội

Với hàng ngàn dự án có mặt trong nhiều lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế, các dự án FDI đã giải quyết công ăn việc làm cho một lực lượng lao động rất lớn, làm giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta, điều đó được thể hiện ở bảng 1-2 như sau:

Bảng 1-2: Số lượng lao động trong khu vực FDI ở Việt Nam

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	6/2006
Lao động KV FDI (ngàn người)	379	439	472	691	740	870	1.067

Nguồn: số liệu thu thập từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Như vậy lực lượng lao động làm việc ở khu vực FDI tăng dần qua từng năm, góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm cho nguồn lao động dồi dào ở nước ta. Đồng thời các dự án FDI thông qua tiền lương trả cho người lao động đã phần nào

Cải thiện đời sống cho người lao động - Website Bộ Kế hoạch Đầu tư

Với môi trường làm việc hiện đại, khoa học của các công ty FDI đã tạo ra phong cách làm việc tích cực cho người lao động Việt Nam, góp phần nâng cao tay nghề cho người lao động.

Các dự án FDI đã đóng góp vai trò quan trọng đối với quốc gia, thể hiện vai trò không thể thiếu ở nhiều lĩnh vực quan trọng của đất nước như: dầu khí, công nghiệp nặng, công nghiệp mới... Tuy nhiên, với những hiệu quả đạt được thì khu vực FDI cũng mang lại nhiều hậu quả đối với quốc gia như: ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt..., các dự án FDI lấn áp thị phần đối với các doanh nghiệp trong nước, “chảy máu” chất xám sang khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Tóm lại: Nhìn lại gần 20 năm thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài của Việt Nam, từ 1988 đến nay, có thể khẳng định rằng, chủ trương của Đảng và Nhà nước hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có thu hút FDI là một chủ trương đúng đắn và phù hợp với xu thế của thời đại.

1.4 NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

1.4.1 Kinh nghiệm thu hút FDI của một số địa phương trong nước:

Công tác thu hút FDI trong thời gian qua phát triển đáng kể, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn bộc lộ một số tồn tại làm hạn chế đến khả năng thu hút FDI không như mong đợi. Mà hiện nay tình hình thu hút FDI ở tỉnh Vĩnh Long còn rất yếu kém nên việc nghiên cứu kinh nghiệm của một số địa phương thành công cũng như một số địa phương chưa thành công trong thu hút FDI là rất cần thiết.

1.4.1.1 Kinh nghiệm thành công

Ở nước ta hiện nay ngày càng có nhiều tỉnh, thành phố thành công trong việc thu hút FDI, tuy nhiên luận văn này chỉ nghiên cứu kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương

và TP. Hồ Chí Minh là 2 địa phương được xem là có bước đột phá đầu tiên trong thu hút FDI rất cần được học tập.

a. Kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương

Bình Dương trước đây là một tỉnh thuần nông, đến nay là địa phương thu hút được nhiều dự án với 1.148 dự án (tính đến 6/2006), kinh nghiệm có thể rút ra trong thu hút FDI là:

- Chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, gặp gỡ các nhà đầu tư để xúc tiến, mời gọi đầu tư và nhất là luôn quan tâm theo dõi giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư. Đây là nhân tố quan trọng đóng góp sự thành công thu hút FDI thời gian qua của tỉnh Bình Dương.

- Công tác quy hoạch định hướng kêu gọi đầu tư cũng được chuẩn bị kỹ, đề ra được mục tiêu, biện pháp thực hiện cụ thể bao gồm: đầu tư cơ sở hạ tầng như giao thông, điện, nước, viễn thông... hạ tầng các khu dân cư tập trung đô thị gắn liền với quy hoạch các khu công nghiệp tập trung, các cụm quy hoạch công nghiệp, sẵn sàng đón nhận mời gọi các nhà đầu tư.

- Thực hiện cơ chế một cửa thông thoáng, công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài được thực hiện triệt để, giảm bớt phiền hà cho các nhà đầu tư, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư cấp phép thuận lợi và nhanh chóng...

- Điểm nổi bật ở tỉnh Bình Dương là đã tận dụng mối quan hệ bạn hàng, trong đó các doanh nghiệp FDI đã đầu tư tại Bình Dương chủ động mời gọi các bạn hàng đến đầu tư tại Bình Dương đã làm cho dòng FDI đổ vào tỉnh ngày càng tăng

b. Kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh

Mặc dù vị trí địa lý và tiềm năng kinh tế của TP Hồ Chí Minh có nhiều điểm khác so với Vĩnh Long, nhưng hiện nay TP HCM được xem là trung tâm thương mại của cả nước, do đó công tác thu hút đầu tư nước ngoài sẽ có nhiều điểm mà tỉnh Vĩnh Long cần phải học tập kinh nghiệm như là:

- Thực hiện dịch vụ hành chính công đối với doanh nghiệp theo cơ chế “một cửa tại chỗ”, đây là cơ chế mà mọi thủ tục hành chính có liên quan đến doanh nghiệp như: cấp giấy phép đầu tư; thủ tục thuê đất; giấy phép hạn ngạch xuất nhập khẩu; giấy

chứng nhận xuất xứ hàng hóa; cấp giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài....do một cơ quan thực hiện.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, thuận lợi hoá cho nhà đầu tư, với phương châm như vậy đã giúp TP Hồ Chí Minh mặc dù giá thuê đất cao, giá nhân công và các loại dịch vụ đắt nhưng vẫn có sức hút với các nhà đầu tư, đặc biệt các tập đoàn kinh tế lớn có trình độ công nghệ cao.

- TP Hồ Chí Minh coi trọng công tác xúc tiến thương mại và đầu tư dưới nhiều hình thức đa dạng, bên cạnh đó đẩy mạnh xuất khẩu.

- Cán bộ lãnh đạo là những người có năng lực, có bằng cấp cao, đúng chuyên môn được đào tạo bài bản.

- Bên cạnh đó, TP Hồ Chí Minh còn có chương trình 5 sẵn sàng về: đất đai - nhân lực - thông tin - viễn thông - hỗ trợ nhà đầu tư và thành lập Trường cao đẳng thuộc Ban quản lý KCN, KCX để cung cấp nhân lực trong các KCN.

1.4.1.2 Những kinh nghiệm chưa thành công trong thu hút FDI

Vĩnh Long là tỉnh đi sau trong thu hút FDI nên việc nhận dạng những tồn tại, hạn chế trong thu hút FDI ở một số tỉnh, thành phố là rất cần thiết để Vĩnh Long có thể khắc phục những yếu kém trong thu hút FDI.

a. Hoạt động FDI ở Hải Phòng những năm qua cũng bộc lộ một số tồn tại nhất định như: cơ cấu đầu tư theo ngành và đối tác còn bất hợp lý; chất lượng dự án chưa cao, một số dự án có trình độ công nghệ trung bình, thậm chí lạc hậu và theo hình thức gia công và lắp ráp là chính; số các doanh nghiệp kinh doanh có lãi không nhiều, vẫn còn một số dự án thua lỗ kéo dài; một số dự án có vấn đề tranh chấp về lao động, chưa quan tâm xử lý môi trường...⁽⁸⁾, chính vì thế những năm qua tình hình thu hút FDI ở Hải Phòng chưa phát huy được hiệu quả.

b. Cần Thơ là thành phố nằm giáp với Vĩnh Long nhưng tình hình thu hút FDI hiện nay thua một số tỉnh trong khu vực ĐBSCL như Long An, Kiên Giang...Do vậy nguyên nhân gây cản trở thu hút FDI tại Cần Thơ cần phải được rút kinh nghiệm, đó là do các yếu tố sau:

- Cơ sở hạ tầng còn yếu kém, chưa xứng tầm với thành phố trực thuộc Trung ương nên chưa thu hút được nhiều dự án FDI.

⁽⁸⁾ PGS-TS Đan Đức Hiệp “Báo đầu tư”, ra ngày 11/5/2005

- Công tác xúc tiến đầu tư, marketing yếu kém, không chuyên nghiệp nên chưa giới thiệu đúng hết tiềm năng của Thành phố Cần Thơ.

- Cán bộ làm công tác trong các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa thật sự chuyên nghiệp, nên cũng tạo nên khó khăn không nhỏ trong hạn chế thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố.

- Thủ tục hành chính mặc dù chính quyền thành phố đã và đang có nhiều biện pháp cải tiến nhưng kết quả đạt được chưa cao. Nhìn chung, thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, chưa thật sự là “một cửa tại chỗ”...

c. Sự hạn chế trong xây dựng chiến lược thu hút FDI ở khu vực ĐBSCL

ĐBSCL là vùng đất trù phú ở vùng hạ lưu và cửa ngõ ra biển Đông của sông Mekong, nên có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế, với mức đóng góp khoảng 18% GDP của cả nước. Đây là vùng kinh tế sản xuất nông nghiệp thủy sản hàng hóa lớn nhất của nước ta. Tuy vậy, một thực tế đáng buồn là nguồn vốn FDI vào đây còn quá ít, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của vùng. Tính đến cuối tháng 5/2006 các tỉnh ĐBSCL mới chỉ thu hút được 215 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký 1.577,29 triệu USD (trong khi cả nước thu hút được 53.636,42 triệu USD)⁽⁹⁾. Hạn chế thu hút FDI ở ĐBSCL là do các nguyên nhân như sau:

➤ Theo các nhà đầu tư nước ngoài thì ngoài yếu tố về hạn chế hạ tầng kỹ thuật, giao thông, ưu đãi đầu tư...thì công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư còn rất yếu, môi trường đầu tư cũng như những tiềm năng kinh tế của vùng đất này chưa được giới thiệu rộng rãi đến nhà đầu tư

➤ Các chính sách ưu đãi giữa các tỉnh trong khu vực ĐBSCL chưa có sự thống nhất với nhau, dẫn đến tình trạng là nhà đầu tư cứ so sánh, băn khoăn khi quyết định đầu tư. Bên cạnh đó còn có trường hợp là ở các địa phương thì lãnh đạo tỉnh mời gọi rất nhiệt tình nhưng cán bộ cấp dưới thì gây khó đã làm nản lòng các nhà đầu tư.

➤ Các tỉnh ĐBSCL chủ yếu chỉ tập trung vào kêu gọi các dự án dựa trên tiềm năng nông, thủy sản như: các dự án chế biến, nuôi trồng nông thủy sản. Trong khi đó còn nhiều tiềm năng ở vùng này chưa được các địa phương khai thác như:

- ĐBSCL có hơn 100 triệu lượt người sử dụng các phương tiện giao thông nhưng các địa phương ít quan tâm đến kêu gọi đầu tư ở lĩnh vực khai thác tuyến giao thông hoặc các dự án nâng cấp bến bãi, phương tiện...

- ĐBSCL có khoảng 66% lao động không chuyên nên các dự án đầu tư về đào tạo lao động chất lượng cao, kỹ thuật viên... sẽ rất hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài.

- ĐBSCL có cảnh quan sinh thái tốt hơn nhiều so với Thái Lan nhưng chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch, trong khi ngành “công nghiệp không khói” này cần lực lượng lao động khổng lồ.

1.4.2 Bài học rút ra cho việc thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Nghiên cứu kinh nghiệm thành công và những hạn chế của các địa phương trong nước, chúng tôi rút ra các bài học sau đây:

- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là chủ trương của Đảng và Nhà nước ta nhằm thu hút nguồn lực từ khu vực này vào việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế để thu hút được nguồn vốn FDI vào tỉnh là rất khó khăn, vì vậy để thu hút được nguồn vốn FDI một cách có hiệu quả, trước tiên lãnh đạo tỉnh cần phải chỉ đạo quán triệt tư tưởng về ý nghĩa của công tác thu hút FDI để các ngành, các cấp, các thành phần kinh tế cũng như mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội đều tích cực hưởng ứng và hợp tác; đồng thời phải có sự chỉ đạo nhất quán từ cấp trên đến cấp dưới.

- Muốn nâng cao khả năng cạnh tranh để tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thì tỉnh phải cải thiện môi trường đầu tư thật hấp dẫn như: đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt quan tâm xây dựng các khu công nghiệp; Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thông thoáng, thật sự là “một cửa tại chỗ”; Nâng cao trình độ nguồn nhân lực, bao gồm: cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, lực lượng lao động có tay nghề;...

- Để dành thế chủ động trong thu hút đầu tư nước ngoài, tỉnh cần xây dựng một chiến lược phát triển kinh tế thật cụ thể phù hợp với tiềm năng phát triển kinh tế của địa phương, trên cơ sở đó hoạch định các dự án phù hợp và cần thiết để kêu gọi đầu tư.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và đề ra các giải pháp hỗ trợ các nhà đầu tư trước và sau khi các dự án đầu tư đã đi vào hoạt động.

⁽⁹⁾ Nguồn: Thời báo Ngân hàng số 77, ra ngày 27/6/2006

- Xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư đạt hiệu quả cao, đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong thời đại ngày nay, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là vấn đề được hầu hết các quốc gia quan tâm. Đầu tư trực tiếp nước ngoài có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vì thế mà các quốc gia kể cả các nước đang phát triển cũng như các nước phát triển đều tìm nhiều biện pháp để thu hút đầu tư. Trong phạm vi quốc gia thì các địa phương, vùng, miền cũng cố gắng tạo cơ hội tốt nhất để thu hút FDI về cho địa phương mình.

Tỉnh Vĩnh Long cũng không nằm ngoài chiến lược là thu hút FDI cho phát triển kinh tế - xã hội, nhưng là tỉnh đi sau và yếu kém nên phải nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề liên quan đến FDI để đề xuất các giải pháp mang lại hiệu quả là việc làm cần thiết hơn bao giờ hết. Chính vì vậy, trong chương này tập trung giải quyết các vấn đề như sau:

- ♦ Những hiểu biết liên quan đến FDI như khái niệm, các hình thức FDI, vai trò của FDI
- ♦ Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI ở Việt Nam, tình hình thu hút FDI cũng như hiệu quả của FDI đối với công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam
- ♦ Kinh nghiệm thu hút FDI ở một số địa phương của Việt Nam, trên cơ sở đó rút ra bài học kinh nghiệm trong thu hút FDI của Vĩnh Long

Từ những vấn đề lý luận được trình bày trong chương này sẽ là cơ sở để tiến hành nghiên cứu các vấn đề thực tiễn trong các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

2.1 GIỚI THIỆU VỀ TỈNH VĨNH LONG

2.1.1 Những lợi thế và bất lợi trong thu hút FDI trên địa bàn Vĩnh Long

Lợi thế:

Tỉnh Vĩnh Long là một trong 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, là một trong 64 tỉnh, thành phố của cả nước. Tỉnh Vĩnh Long nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long với dân số trên 1 triệu người, diện tích 147.520 ha, chiếm khoảng 0,44% diện tích của cả nước. Vĩnh Long cách TP.Hồ Chí Minh 135 km theo đường quốc lộ 1A, phía Bắc giáp tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre, phía Tây giáp tỉnh Cần Thơ và Đồng Tháp, phía Đông giáp tỉnh Trà Vinh. Vĩnh Long nằm trong vùng chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít chịu ảnh hưởng thiên tai, lũ lụt, do vậy sản xuất và đời sống có phần thuận lợi hơn các tỉnh trong khu vực.

Là tỉnh nằm trên trục giao thông quan trọng cả thủy lẫn bộ nối các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, thành phố Cần Thơ với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền đông Nam bộ, có Quốc lộ 1A đi ngang qua tỉnh, Quốc lộ 80 và 57 chạy trong địa bàn tỉnh tạo điều kiện thuận lợi về giao thông để phát triển sản xuất và các loại hình dịch vụ khác. Tỉnh được kẹp giữa hai con sông lớn nhất vùng: sông Tiền và sông Hậu, là những yếu tố quan trọng trong giao lưu kinh tế, vận chuyển hàng hóa, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và thu hút vốn đầu tư với các vùng, các nước trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra với hệ thống đường bộ, đường giao thông thủy thuận lợi, nối kết các đơn vị kinh tế trong tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển thương mại, giao lưu kinh tế, văn hóa trong tỉnh và với các tỉnh khác trong nước.

Tiếp giáp với các tỉnh Tiền Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Bến Tre, và Trà Vinh nên Vĩnh Long trở thành trung tâm của vùng nông sản và thủy sản dồi dào nhất khu vực miền Tây nam bộ. Hầu hết diện tích của tỉnh có nước ngọt quanh năm, hàng năm được bồi đắp một lượng phù sa của sông Tiền và sông Hậu nên đất đai rất màu mỡ, khí

hậu ôn hòa, thích hợp cho các cây trồng nhiệt đới, đặc biệt là bưởi Năm roi, cam, quýt, nhãn, xoài, chôm chôm...cùng những loại thủy sản nước ngọt như tôm càng xanh, cá ba sa, cá tra...Vĩnh Long còn được biết đến với nhiều ngành nghề truyền thống nổi tiếng như gạch ngói, gốm sứ, chằm nón, thêu đan, dệt chiếu...mà sản phẩm đã có mặt nhiều nơi trên thế giới. Đặc biệt còn có nguồn tài nguyên, khoáng sản cát sông với trữ lượng từ 120 - 150 triệu m³ để cung cấp cho sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và nguồn đất sét với trữ lượng có thể khai thác được trên 100 triệu m³ để sản xuất gạch ngói và gốm mỹ nghệ xuất khẩu.

Bên cạnh những lợi thế đó, Vĩnh Long còn có những bất lợi tự nhiên như:

◆ Vùng đất tỉnh Vĩnh Long nói riêng và ĐBSCL nói chung là vùng đất mới (so với các vùng đất khác) được tạo nên bởi phù sa từ sông Tiền và sông Hậu của sông mẹ Mê Kông, cho nên nền đất yếu, chi phí xử lý móng trong xây dựng nhà cao tầng, những cơ sở sản xuất có độ rung cao...rất lớn (có thể chiếm đến 50% trị giá công trình). Điều này làm cho chi phí đầu tư vào đất cao (có thể tiền thuê đất và chi phí đền bù giải tỏa thấp so với các vùng khác).

◆ Mặc dù tỉnh đã từng bước phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng nhìn chung Vĩnh Long vẫn là tỉnh nông nghiệp, lợi thế tự nhiên của tỉnh thuận lợi cho việc phát triển trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản, diện tích đất nông nghiệp chiếm 79,2% trong tổng diện tích của tỉnh. Mà hiện nay lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ít hấp dẫn các nhà đầu tư vì rủi ro cao.

◆ Vĩnh Long nằm giữa thành phố Cần Thơ và thành phố Mỹ Tho nên phần nào bị yếu thế hơn trong thu hút đầu tư.

2.1.2 Những nét lớn về tình hình phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh Vĩnh Long

2.1.2.1 Các chỉ tiêu phát triển chủ yếu

Bảng 2-1: Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Vĩnh Long

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	6/2006 ^(*)
GDP(%)	6,51	6,21	7,88	8,12	9,63	10,65	10,84%

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2005

() Báo cáo 6 tháng đầu năm 2006 của UBND tỉnh Vĩnh Long*

➤ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của tỉnh trong các năm qua tương đối tốt như năm 2000 tốc độ tăng 6,51%, đến các năm sau đó tăng lên đáng kể, năm 2003 là 8,12%, năm 2004 là 9,63% và tiếp tục đến năm 2005 là năm cuối thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế 5 năm 2000 - 2005 nên tốc độ tăng trưởng GDP đạt 10,65% cao nhất trong các năm qua. Mặc dù cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước (7,6%) nhưng tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh chỉ cao hơn tỉnh An Giang (9,90%) và đứng hạng thứ 12 trong số 13 tỉnh, thành ĐBSCL. Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm 2006 kinh tế Vĩnh Long có bước phát triển, với tốc độ tăng trưởng khá (10,84%), cao hơn mức tăng trưởng bình quân của cả nước và các tỉnh, thành trong khu vực ĐBSCL (10,30%). Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vĩnh Long đứng hàng thứ 4 sau TP Cần Thơ (14,73%), tỉnh Trà Vinh (13,86%) và Cà Mau (10,98%).

➤ GDP bình quân đầu người trong các năm qua có tăng lên đáng kể, cụ thể năm 2000 GDP bình quân đầu người đạt 284 USD/người, đến năm 2003 đạt 360 USD/người, năm 2004 là 412 USD/người và năm 2005 GDP bình quân đầu người tiếp tục tăng, ước đạt 490 USD/người. Điều đó cho thấy thu nhập bình quân đầu người đã dần được nâng cao, góp phần cải thiện mức sống của người dân trong tỉnh.

➤ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng giảm dần tỷ trọng khu vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và các ngành dịch vụ như trong bảng 2-2.

Bảng 2-2: Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh

Khu vực	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005
Tổng GDP (%)	100	100	100	100	100
Nông-lâm-ngư nghiệp	57,53	57,19	54,84	55,16	53,38
Công nghiệp-xây dựng	12,55	12,68	14,00	14,22	15,49
Dịch vụ	29,92	30,30	31,16	30,62	31,13

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2005

Trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Vĩnh Long, tỷ trọng khu vực nông nghiệp-thủy sản ngày càng giảm nhưng tốc độ giảm không đáng kể. Các ngành công nghiệp-xây dựng và dịch vụ ngày càng vươn lên nhưng tỷ trọng vẫn chưa cao hơn khu vực nông nghiệp-thủy sản. Điều đó cho thấy tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn còn chậm,

các ngành công nghiệp và dịch vụ chưa khẳng định vị trí chủ chốt của mình trong cơ cấu phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa. Đây được coi là khó khăn cho khả năng thu hút đầu tư nước ngoài ở các lĩnh vực công nghiệp nặng và công nghệ cao. Vì vậy, việc đề ra các giải pháp thu hút đầu tư nước ngoài ở các lĩnh vực công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, nông sản, thủy sản... là rất cần thiết và mang ý nghĩa thực tiễn cao.

2.1.2.2 Tình hình xuất nhập khẩu

Bảng 2-3: Tình hình xuất nhập khẩu của tỉnh

Kim ngạch xuất nhập khẩu	2001	2002	2003	2004	2005
-Xuất khẩu (triệu USD)	56,3	42,2	81,7	95,5	160
-Nhập khẩu (triệu USD)	6,2	12,5	12,3	21,3	23,7

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2005

➤ Hoạt động xuất nhập khẩu có nhiều chuyển biến, thị trường truyền thống được củng cố, thị trường mới từng bước được mở rộng (kể cả trong và ngoài nước). Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 18,83%. Hàng hóa xuất khẩu ngày càng phong phú, đa dạng, khối lượng ngày càng tăng như: gạo, thủy sản đông lạnh, capsule, giày da, may mặc, dầu nhớt, gốm sứ, nấm rom muối... Từ năm 2003 hoạt động xuất nhập khẩu tăng lên đáng kể, đặc biệt năm 2005 kim ngạch xuất khẩu đạt 160 triệu USD tăng 67,5% so với năm 2004, là những dấu hiệu khả quan cho sự tăng trưởng và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

➤ Nhập khẩu trung bình hàng năm trên 12 triệu USD, chủ yếu nhập nguyên vật liệu dược, xăng dầu, phụ liệu giày dép, máy móc, thiết bị. Kim ngạch nhập khẩu có tăng lên qua các năm đặc biệt từ năm 2004, 2005. Tuy nhiên nhập khẩu máy móc trang thiết bị phục vụ cho sản xuất không cao, theo số liệu thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2005 kim ngạch nhập khẩu của máy móc, thiết bị chỉ chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả tỉnh. Điều này cũng có nghĩa là khả năng tăng cường máy móc, công nghệ phục vụ cho sản xuất của tỉnh chưa được chú trọng trong điều kiện trình độ kỹ thuật và công nghệ của tỉnh còn rất hạn chế.

2.1.2.3 Lao động và việc làm

Theo số liệu thống kê năm 2005, dân số trung bình là 1.055 ngàn người, ở thành thị 157 ngàn người và nông thôn 898 ngàn người. Lao động trong độ tuổi là 713 ngàn người, chiếm 67,58% dân số của tỉnh; số lao động đang làm việc có 610 ngàn người, chiếm 85,5%; tỷ lệ thất nghiệp 14,5%. Lao động trẻ chiếm tỷ lệ 56,6% (15-30 tuổi).

Những năm qua chương trình đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm chuyển biến tích cực. Mặt bằng dân trí, trình độ tay nghề của người lao động được nâng lên, tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật đạt 18,2% vào năm 2005. Xã hội hóa ngày càng cao công tác đào tạo và dạy nghề. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động trong nông nghiệp. Đến nay toàn tỉnh có 5 trung tâm dạy nghề của tỉnh và 5 trung tâm dạy nghề của các huyện, thị, ngoài ra còn có các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đã cung cấp lực lượng lao động dồi dào. Xuất phát từ lợi thế của mình từ xưa đến nay Vĩnh Long được xem là một trong những trung tâm đào tạo nhân lực ở ĐBSCL. Hàng năm, tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 25.000 đến 28.000 người/năm.

2.2 PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG THỜI GIAN QUA

2.2.1 Tình hình chung về thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long từ 1993-6/2006

Từ năm 1993 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long bắt đầu thu hút và hình thành nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-TW ngày 18 tháng 11 năm 1996 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 11/CT-TU ngày 20 tháng 6 năm 1997 của Tỉnh ủy Vĩnh Long “V/v tổ chức thực hiện Nghị quyết 01/NQ-TW của Bộ Chính trị về mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại 5 năm 1996-2000”, Quyết định số 2642/2003/QĐ-UB ngày 19 tháng 8 năm 2003 về việc quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư của tỉnh Vĩnh Long. Cùng với đường lối đổi mới và mở cửa thì chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta ngày càng được rộng mở và từng bước tạo môi trường thông thoáng, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Từ đó đã có những tác động tích cực và ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Bảng 2-4: Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn phân theo nguồn vốn

TỶ TRỌNG NGUỒN VỐN (%)	Năm 1995	Năm 2000	Năm 2005
- Vốn nhà nước (%)	14,97	36,36	27,43
- Vốn ngoài quốc doanh (%)	84,9	63,43	70,34
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (%)	0,13	0,22	2,24

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2000, năm 2005

Qua bảng trên cho thấy việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Vĩnh Long có bước phát triển, năm 2000 chỉ chiếm 0,22% tỷ trọng nguồn vốn toàn xã hội, đến năm 2005 vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng lên đáng kể, chiếm 2,24% tỷ trọng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Tuy nhiên, với số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long so với các tỉnh khác và của cả nước thì còn rất khiêm tốn chưa thật sự có vai trò đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, song bước đầu có ý nghĩa "khởi động" rất quan trọng, là động lực mời gọi các nhà đầu tư đến Vĩnh Long.

Tính đến hết tháng 6/2006, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có 12 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng số vốn đầu tư là 42.686.641 USD. Số dự án đầu tư được cấp phép qua các năm thể hiện ở bảng 2-5 như sau:

Bảng 2-5: Dự án FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được cấp phép qua các năm

Năm	Số dự án mới cấp phép	Tổng vốn đầu tư (USD)
1993	2	4.351.641
1995	1	2.800.000
1998	1	400.000
2002	1	4.500.000
2003	1	20.000.000
2004	1	135.000
2005	1	1.100.000
6/2006	4	9.400.000
Tổng	12	42.686.641

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long

Số lượng dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép trên địa bàn tỉnh còn quá ít hầu như mỗi năm chỉ tăng 1 dự án cấp phép, thậm chí có năm không có dự án FDI nào đầu tư trên địa bàn tỉnh chẳng hạn như năm 1994, 1996 và liên tục 3 năm từ năm 1999 đến 2001. Tuy nhiên 6 tháng đầu năm 2006 số lượng dự án đầu tư có khả quan hơn các năm trước đó, cấp phép được 4 dự án. Quy mô các dự án đầu tư còn quá nhỏ chỉ có 5 dự án có vốn đầu tư trên 2 triệu USD. Vốn đầu tư trên mỗi dự án chênh lệch nhau quá nhiều, dự án có vốn đầu tư cao nhất là 20 triệu USD và dự án có vốn đầu tư thấp nhất chỉ có 135 ngàn USD.

Trong 12 dự án FDI được cấp phép thì hiện nay chỉ còn 10 dự án có hiệu lực hoạt động, 2 dự án đã bị rút giấy phép đầu tư, cụ thể các dự án bị rút giấy phép được thể hiện ở bảng 2-6

Bảng 2-6: Các dự án FDI bị rút giấy phép trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Tên dự án	Vốn đầu tư (USD)	Năm cấp giấy phép	Năm rút giấy phép
1. Công ty LD Gốm sứ Vĩnh Long	351.641	1993	2004
2. Công ty LD dụng cụ y tế VN - HQ	2.800.000	1995	2004
Tổng cộng	3.151.641		

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long

Các dự án đầu tư này chủ yếu là do hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Cụ thể đối với Công ty liên doanh Gốm sứ Vĩnh Long do công ty này mấy năm liền (từ năm 1998 - 2003) làm ăn thua lỗ, doanh nghiệp không có khả năng duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, do vậy Hội đồng quản trị của công ty đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp. Còn đối với Công ty liên doanh dụng cụ y tế Việt Nam - Hàn Quốc năm 2003 sản phẩm của công ty không xuất khẩu được do không cạnh tranh lại các doanh nghiệp trong nước vì vậy đã làm ảnh hưởng đến doanh thu của công ty, cho nên phía nhà đầu tư nước ngoài đã đề nghị bán phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cho bên Việt Nam.

2.2.2 Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề, lĩnh vực:

Tính đến 30/6/2006 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có 10 dự án FDI được cấp giấy phép đầu tư và hiện đang còn hiệu lực

Bảng 2-7: Các doanh nghiệp FDI theo ngành nghề, lĩnh vực trên địa bàn Vĩnh Long

Doanh nghiệp FDI	lĩnh vực SXKD	vốn đầu tư (USD)	vốn pháp định(USD)
1.Cty LD Ximăng Việt Hoa	sx xi măng	4.000.000	2.600.000
2.Cty thức ăn chăn nuôi Vân Tường	sx thức ăn gia súc	400.000	150.000
3.Cty TNHH thực phẩm Phú Quý	sx, chế biến nông sản thực phẩm XK	4.500.000	3.700.000
4.Công ty LD Tỷ Xuân	SXKD giày thể thao	20.000.000	6.000.000
5.Cty TNHH Rosa Planters VN	sx gốm, sành sứ XK	135.000	35.000
6. Công ty TNHH Quốc Thảo	sx hàng nông sản XK	1.100.000	850.000
7.Cty TNHH Acecook Việt Nam	sx mì ăn liền	5.000.000	5.000.000
8.Cty LD dinh dưỡng thủy sản Quốc tế	KD chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản	2.300.000	1.700.000
9. Cty TNHH Richtex Việt Nam	May mặc	1.000.000	700.000
10. Cty TNHH Quốc Thảo - VL	chế biến hàng nông sản	1.100.000	850.000
Tổng		39.535.000	21.585.000

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long

Các dự án FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chỉ mới đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp nhẹ với các ngành như: gốm, xi măng, giày da, thức ăn chăn nuôi, chế biến nông sản... Còn các ngành nghề khác có lợi thế của tỉnh như chế biến lương thực, thủy sản, nông nghiệp đều không có sự đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài. Điều này cho thấy chính sách ưu đãi nông nghiệp của tỉnh chưa hấp dẫn, lôi cuốn các dự án FDI vào tỉnh hoạt động: đến hết tháng 12/2005 cả nước có 675 dự án đầu tư được cấp phép ở lĩnh vực nông lâm nghiệp; 114 dự án đầu tư được cấp phép ở lĩnh vực nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, nhưng Vĩnh Long là tỉnh nông nghiệp lại chưa thu hút được dự án FDI nào vào các lĩnh vực nông nghiệp trên. Do đó, trong thời gian tới cần có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành như: công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản; nuôi trồng đánh bắt thủy sản; dịch vụ, du lịch...

2.2.3 Hình thức đầu tư

Các dự án FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đang còn hiệu lực theo hình thức đầu tư như sau:

Bảng 2-8: Dự án FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo hình thức đầu tư

Loại hình	số dự án	tỷ lệ trong tổng số dự án (%)	vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ lệ trong tổng vốn đầu tư (%)
100% vốn nước ngoài	6	60	12.135.000	30,7
Liên doanh	4	40	27.400.000	69,3
Tổng cộng	10	100	39.535.000	100

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long

Số dự án đầu tư theo hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng cao nhất (60%). Đây là hình thức đầu tư được nhà đầu tư nước ngoài ưa chuộng để chủ động trong quá trình sản xuất kinh doanh, bảo vệ độc quyền công nghệ sản xuất và kỹ thuật kiểm soát. Hiện nay hình thức 100% vốn nước ngoài ngày càng có xu thế mở rộng trên phạm vi cả nước (theo số liệu của Bộ Kế hoạch Đầu tư đến 31/12/2005 cả nước có 6.030 dự án còn hiệu lực thì có 4.504 dự án là hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài, chiếm 74,69%), bởi vì theo xu thế hội nhập kinh tế quốc tế các loại hình doanh nghiệp ngày càng bình đẳng với nhau trên thương trường, Luật đầu tư mới theo hướng không phân biệt đối xử trong nước và ngoài nước nên nhà đầu tư nước ngoài muốn được tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Tuy nhiên các dự án 100% vốn nước ngoài là các dự án nhỏ, vốn đầu tư không nhiều, tổng số vốn đầu tư là 12.135.000 USD, chiếm 30,7% trong tổng số vốn đầu tư.

Số dự án đầu tư theo hình thức liên doanh có 4 dự án, chiếm 40%. Có tỷ trọng vốn đầu tư cao 27.400.000 USD, chiếm 69,3% so với tổng vốn đầu tư. Hình thức liên doanh được địa phương rất quan tâm bởi thường dự án có vốn đầu tư lớn, mang tính chiến lược lâu dài và có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế xã hội của địa phương.

Như vậy, giai đoạn 1993 - 6/2006 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chỉ có hai hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài là hình thức 100% vốn nước ngoài và hình thức liên doanh. Trong thời gian tới lãnh đạo tỉnh cần tiếp tục mở rộng hai hình thức đầu tư hiện có, đồng thời quan tâm đến thu hút đầu tư ở các hình thức hợp tác kinh doanh, BOT,

BTO hay BT mà hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có dự án nào được thực hiện bằng các hình thức này. Được biết các hình thức đầu tư BOT, BTO, BT thường được áp dụng đối với các dự án xây dựng đường giao thông, nên trong giai đoạn đến 2010 phần đầu đưa Vĩnh Long lên thành thành phố loại 3 theo Nghị quyết của tỉnh thì các dự án đầu tư nước ngoài theo hình thức này rất cần thiết để thu hút, kêu gọi đầu tư.

2.2.4 Cơ cấu đầu tư theo đối tác nước ngoài

Bảng 2-9: Dự án FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo Quốc gia

Quốc gia	số dự án	tỷ trọng trong tổng số dự án (%)	Vốn đầu tư (USD)	tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư (%)
Trung Quốc	2	20	4.400.000	11,1
Đài Loan	3	30	25.500.000	64,5
Nhật	1	10	5.000.000	12,6
Tây Ban Nha	1	10	135.000	0,34
Mỹ	2	20	2.200.000	5,56
Malaysia	1	10	2.300.000	5,8
Tổng	10	100	39.535.000	100

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long

Trong các dự án FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, thì đối tác đầu tư đến từ 6 quốc gia, trong đó chủ yếu là các quốc gia láng giềng Đài Loan có 3 dự án với số vốn đầu tư là 25.500.000 USD, chiếm 64,5% trong tổng vốn đầu tư. Kế đến là Trung Quốc và Mỹ có 2 dự án nhưng quy mô nhỏ tổng vốn đầu tư dưới 5 triệu USD. Nhật có 1 dự án đầu tư, chiếm 12,6% trong tổng vốn đầu tư. Còn các quốc gia Tây Ban Nha, Malaysia đều có 1 dự án nhưng quy mô nhỏ. Điều này cho thấy Vĩnh Long chưa được nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, môi trường đầu tư chưa hấp dẫn các nhà đầu tư ở các quốc gia có nền kinh tế phát triển và tỉnh cũng chưa thu hút được nhiều dự án có vốn đầu tư lớn. Mà hiện nay 10 quốc gia có vốn đầu tư lớn nhất ở Việt Nam tính đến ngày 31/12/2005 thì đứng đầu là Đài Loan, kế đến là Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, British Virgin Islands, Pháp, Hà Lan, Malaysia, Thái Lan. Nhưng ở tỉnh Vĩnh Long lại chưa thu hút được các doanh nghiệp đến từ các quốc gia Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông, Pháp... Trong thời gian tới, chính quyền địa phương cần khai thác

tốt nguồn vốn FDI từ các quốc gia tiềm năng này, đồng thời trong quá trình Việt Nam gia nhập WTO tỉnh Vĩnh Long cần tranh thủ lôi kéo các nhà đầu tư đến từ các nước Châu Âu với những dự án đầu tư lớn. Tuy nhiên theo nhận xét chủ quan thì sẽ rất khó khăn để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến từ các quốc gia này nếu môi trường đầu tư không thật sự có tính hấp dẫn, thuyết phục cao đối với họ.

2.2.5 Tình hình thu hút FDI trong Khu công nghiệp và tuyến công nghiệp

Vĩnh Long có 2 khu công nghiệp: KCN Hòa Phú, KCN Bình Minh và một tuyến công nghiệp Cổ Chiên. Hiện tại KCN Hòa Phú cơ bản đã hoàn thành xong công tác giải tỏa, xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 và đã đi vào hoạt động, đang tiếp tục triển khai giai đoạn 2. Còn KCN Bình Minh và Tuyến công nghiệp Cổ Chiên đang san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và kêu gọi các nhà đầu tư

Bảng 2-10: Dự án FDI trong Khu, tuyến CN và ngoài Khu, tuyến CN

Chỉ tiêu	số dự án	tỷ trọng trong tổng số dự án (%)	vốn đầu tư (USD)	tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư (%)
Trong Khu, tuyến CN	4	40	28400000	71,8
Ngoài Khu, tuyến CN	6	60	11135000	28,2
Tổng cộng	10	100	39.535.000	100

Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Long

Trong 10 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, có 2 dự án nằm trong Khu công nghiệp Hòa Phú và 2 dự án nằm ở tuyến công nghiệp Cổ Chiên, đạt tỷ lệ 40% trên tổng số dự án; vốn đầu tư trong Khu, tuyến CN chiếm 71,8% trong tổng vốn đầu tư đăng ký. Số dự án đầu tư ngoài Khu, tuyến CN đạt 60% trên tổng số dự án, chiếm 28,2% tổng vốn đầu tư. Bình quân 1 dự án trong Khu, tuyến CN có vốn đầu tư là 7.100.000 USD/dự án, bình quân 1 dự án nằm ngoài Khu, tuyến CN có vốn đầu tư là 1.855.833 USD/dự án. Điều này cho thấy các dự án nằm trong Khu, tuyến CN có quy mô lớn hơn các dự án nằm bên ngoài.

Như vậy, chỉ có KCN Hoà Phú và tuyến công nghiệp Cổ Chiên là thu hút được dự án FDI, còn KCN Bình Minh thì vẫn chưa thu hút được dự án FDI nào.

Sau khi cầu Mỹ Thuận nối liền sông Tiền trên Quốc lộ 1A, tỉnh Vĩnh Long cũng đã qui hoạch và hình thành 3 Khu, tuyến công nghiệp. Trong đó, KCN Hoà Phú giai đoạn 1 hoạt động hiệu quả lấp đầy hơn 80% diện tích, đã thu hút được 12 DN với 2 dự án FDI. Đây là thành công không nhỏ của một tỉnh nông nghiệp đang trên đà chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, KCN Bình Minh nằm cạnh chân cầu Cần Thơ, sau 4 năm trời vẫn chưa thể đưa vào hoạt động do nhiều yếu tố: vướng về giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng khu tái định cư chậm, điều chỉnh hợp đồng theo chủ trương mới...

Các dự án FDI nằm bên ngoài nhiều hơn trong các Khu, tuyến CN và chủ yếu là nằm dọc theo các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Thị xã Vĩnh Long với các ngành nghề đặc trưng của tỉnh như: gốm sứ, xi măng, chế biến nông sản, may mặc... Sau khi trao đổi với các doanh nghiệp cũng như cán bộ Ban quản lý các KCN thì được biết ngoài lý do mà các doanh nghiệp không muốn vào các KCN là do công tác qui hoạch ở KCN Bình Minh và tuyến công nghiệp Cổ Chiên còn chậm, ngoài ra còn các lý do khác, chẳng hạn như: Công ty Xi măng Việt - Hoa và Công ty thực phẩm Phú Quý được xây dựng và đi vào hoạt động trước khi tỉnh qui hoạch và hình thành các KCN, hiện nay 2 DN này đang hoạt động có hiệu quả nên không muốn vào KCN vì sợ tốn kém chi phí di dời; Công ty TNHH Richtex Việt Nam thì muốn sử dụng nguồn lao động nông thôn; Công ty TNHH Rosa Planters VN và Công ty TNHH Quốc Thảo muốn gần nguồn nguyên liệu và thuận tiện đường bộ, đường thủy.

Như vậy tỉnh cần phải có các biện pháp tích cực hơn để qui hoạch và hình thành các khu, tuyến công nghiệp hoàn chỉnh, nhất là KCN Bình Minh để thu hút các dự án FDI vào nơi đây nhằm tránh tình trạng quy hoạch "treo", dự án "treo", không tạo được hiệu quả kinh tế, ngược lại còn gây khó khăn cho địa phương và đời sống người dân. Đồng thời cũng nên đầu tư cơ sở hạ tầng cho thật phù hợp như mở rộng nâng cấp các tuyến đường giao thông nối liền với các khu, tuyến công nghiệp, xây dựng Cảng, cống thoát nước, điện, nước... nhằm hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài để họ có ý định đầu tư ở các khu, tuyến công nghiệp của tỉnh hơn là ở bên ngoài, vì giá thuê đất ở ngoài bằng hoặc rẻ hơn giá thuê lại đất trong KCN (xem phụ lục 5)

2.2.6 Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Hiện tại tỉnh Vĩnh Long có 10 doanh nghiệp FDI đang còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư là 39.535.000 USD trong đó vốn pháp định là 21.585.000 USD, phía nước ngoài góp 18.903.000 USD, phía Việt Nam góp 2.682.000 USD.

Trong 10 doanh nghiệp FDI, thì đã có 6 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, còn 4 doanh nghiệp đang triển khai các thủ tục sau cấp phép đầu tư và đang chuẩn bị đi vào xây dựng (công ty Acecook Việt Nam, công ty LD dinh dưỡng thủy sản Quốc tế, công ty TNHH Richtex Việt Nam, công ty TNHH Quốc Thảo-VL). Đối với 6 doanh nghiệp đang đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì hiện nay có 4 doanh nghiệp đang tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả (công ty liên doanh ximăng Việt Hoa, công ty TNHH thực phẩm Phú Quý, công ty LD Tỷ Xuân, công ty TNHH ROSA PLANTERS), còn công ty Vân Tường đã tạm ngưng hoạt động và công ty TNHH Quốc Thảo đang sản xuất thử.

Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài có hiệu quả hơn các năm trước đó, thậm chí năm 2003 các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn không xuất khẩu sản phẩm, đến năm 2004, 2005 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp được củng cố và bắt đầu có sản phẩm bán nội địa và xuất khẩu. Đặc biệt 6 tháng đầu năm 2006 các doanh nghiệp đều tăng trưởng khá, cả về sản xuất sản phẩm lẫn doanh thu. Trong 4 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh thì có 3 doanh nghiệp xuất khẩu các sản phẩm: thực phẩm đóng hộp, gốm, hàng thủ công mỹ nghệ, giày da, sang các nước như Đài Loan, Mỹ, Anh, Úc, Tây Ban Nha, Ý, Pháp, Nhật, Hồng Kông, Mexico, Hà Lan... Riêng công ty Ximăng Việt - Hoa thị trường tiêu thụ nội địa nên sản phẩm các loại ximăng của công ty mở rộng ra các tỉnh khu vực ĐBSCL như: Đồng Tháp, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, An Giang... các loại sản phẩm của công ty đã được thị trường tín nhiệm và tiêu thụ mạnh.

Tuy nhiên trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp vẫn còn gặp phải những khó khăn, vướng mắc như nguồn nguyên liệu đầu vào không đáp ứng đủ cho sản xuất, còn thiếu công nhân lành nghề, hay do chưa ký được hợp đồng

thuê đất nên công ty chưa dám đầu tư nâng cấp thêm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hoặc nhu cầu vay vốn để mở rộng kinh doanh còn gặp khó khăn...

Qua phân tích thực trạng các doanh nghiệp FDI hoạt động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có nhận định về đặc điểm của các doanh nghiệp này như sau:

1-Các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đa số là doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn pháp định khoảng vài trăm ngàn USD cho đến 3 triệu USD, thậm chí có doanh nghiệp vốn pháp định khoảng 35.000 USD, chỉ có công ty liên doanh Tỷ Xuân là có vốn pháp định cao nhất 6 triệu USD, chính vì thế mà hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp này còn nhiều hạn chế.

2-Doanh nghiệp FDI chủ yếu thuộc ngành công nghiệp với các ngành nghề như xi măng, chế biến thực phẩm, giày da... là những ngành không có lợi thế của tỉnh, chỉ riêng 1 doanh nghiệp sản xuất gốm sứ được xem là ngành đặc thù của tỉnh nhưng quy mô quá nhỏ chỉ có 35.000 USD vốn pháp định. Trong khi đó Vĩnh Long là tỉnh nông nghiệp, có lợi thế về nông sản, thủy sản và trữ lượng đất sét để cung cấp cho ngành nghề gốm sứ, nhưng thực tế thì chưa có doanh nghiệp FDI nào đầu tư vào lĩnh vực chế biến lương thực, thủy sản hoặc đầu tư vào mặt hàng gốm với quy mô lớn. Điều này cho thấy, tỉnh Vĩnh Long chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến các nhà đầu tư nước ngoài, làm hạn chế khả năng thu hút đầu tư cũng như giải quyết đầu ra cho một số mặt hàng chủ lực của tỉnh như lúa, trái cây, cá tra, basa...

3-Doanh nghiệp FDI tập trung phần đông ở ngoài khu công nghiệp, tuyến công nghiệp và nằm rải rác ở các huyện, trong khi đó tỉnh đang đầu tư xây dựng 2 khu công nghiệp và một tuyến công nghiệp. Điều này làm giảm sức hấp dẫn từ các khu, tuyến công nghiệp của tỉnh đối với nhà đầu tư nước ngoài, bên cạnh đó gây khó khăn cho công tác quản lý, giám sát của các ngành, các cấp đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Vĩnh Long.

4-Đối tác nước ngoài của các liên doanh không phải là các tập đoàn lớn mạnh, có tên tuổi trên thế giới, nên chưa tạo nên sức mạnh lôi kéo các nhà đầu tư nước ngoài khác đến tìm hiểu và đầu tư

5-Đa số các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long hoạt động trong phạm vi số vốn đăng ký ban đầu, chỉ một vài doanh nghiệp điều chỉnh tăng vốn (ở năm

gần đây) nhưng không đáng kể, điều này nói lên tính ổn định và phát triển của doanh nghiệp chưa thật sự vững mạnh. Tuy nhiên bắt đầu năm 2005 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI bắt đầu có sự phát triển hơn các năm trước đó.

2.3 PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH VĨNH LONG

2.3.1 Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Vĩnh Long

Bảng 2-11: Tỷ trọng FDI trong GDP và tốc độ tăng FDI từ 2001 - 2005

ĐVT: triệu đồng

	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng SP trên địa bàn	4.602.46	5.153.078	5.618.772	6.748.496	8.018.462
Khu vực FDI	8	9.543	12.157	4.334	19.475
tỷ trọng trong GDP %	8.011	0,18	0,21	0,06	0,24
tốc độ tăng FDI (%)	-0,17	19,1	27,39	-64,3	349,3

Nguồn: số liệu phân tích từ Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2005

Trong giai đoạn từ năm 2001 - 2005 tổng sản phẩm trên địa bàn liên tục tăng nhưng ở khu vực FDI lại giảm vào năm 2004, tuy nhiên việc giảm này không có nghĩa là tình hình thu hút FDI bị giảm sút, mà nguyên nhân là do năm 2004 có 01 doanh nghiệp FDI bị rút giấy phép và 01 doanh nghiệp chuyển đổi hình thức sở hữu nên tổng sản phẩm ở khu vực này giảm so với các năm trước đó, đồng thời một số doanh nghiệp FDI đang trong thời gian triển khai dự án hoạt động nên chưa phát huy tác dụng. Đến năm 2005 các doanh nghiệp FDI dần đi vào ổn định nên tốc độ tăng FDI đạt cao nhất trong khoảng thời gian 2001 - 2005 và cũng là năm có tốc độ tăng GDP cao nhất. Điều này cho thấy tốc độ tăng của khu vực FDI cũng góp phần ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh.

Mặc dù hiện nay khu vực FDI chưa đóng góp nhiều cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhưng với giải pháp thu hút FDI hợp lý chắc chắn tỷ lệ đóng góp ở khu vực này sẽ được cải thiện.

2.3.2 Đóng góp cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh

Đầu tư trực tiếp nước ngoài chủ yếu tập trung ở lĩnh vực phát triển công nghiệp và từng bước góp phần làm chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành công nghiệp

Bảng 2-12: Tình hình phân bổ vốn trong ngành công nghiệp

DANH MỤC	1990	1995	2000	2005
TỔNG SỐ: trong đó	100	100	100	100
- Công nghiệp quốc doanh (%)	40,80	29,57	33,17	23,1
- Công nghiệp ngoài quốc doanh (%)	59,20	69,89	62,05	67,3
- Công nghiệp khu vực FDI (%)	-	0,54	4,78	9,6

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 1995 và năm 2005

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong các năm qua có chiều hướng tăng lên rõ rệt, năm 1995 tỷ trọng khu vực có vốn FDI chỉ chiếm 0,54% tỷ trọng của ngành công nghiệp, đến năm 2000 tăng lên 4,78% tỷ trọng của ngành công nghiệp và đến năm 2005 chiếm 9,6% tỷ trọng ngành công nghiệp. Sự tăng trưởng nhờ vào các dự án đầu tư mới đi vào hoạt động. So với các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai hoặc các tỉnh trong khu vực ĐBSCL cũng như của cả nước nói chung thì tỷ trọng này còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của Vĩnh Long. Tuy nhiên với sự tăng trưởng đi lên như thế, cho thấy dấu hiệu về tỷ trọng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở ngành công nghiệp sẽ tiếp tục tăng cao vào những năm tiếp theo.

Tuy xét về từng ngành thì còn nhiều vấn đề đặt ra, chẳng hạn như thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa góp phần làm chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp - thủy sản và dịch vụ - du lịch, điều đó đã làm hạn chế sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

2.3.3 Đóng góp cho kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh

Bảng 2-13: Kim ngạch xuất nhập khẩu của khu vực FDI tỉnh Vĩnh Long

Kim ngạch XNK	2000	2001	2002	2003	2004	2005
-Khu vực ĐTNN (USD)	484.000	278.000	147.000	0	1.572.000	11.410.734
-Tỷ trọng trong XK (%)	0,71	0,49	0,34		1,6	7,1
-Khu vực ĐTNN (USD)	506.000	590.000	687.000	770.000	7.196.000	8.048.000
-Tỷ trọng trong NK (%)	4,9	9,4	5,4	6,2	33,8	33,9

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2005

Kim ngạch xuất khẩu của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Vĩnh Long chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, thậm chí năm

2003 sản phẩm của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài không xuất khẩu được chỉ bán nội địa. Tuy nhiên bắt đầu từ năm 2004 một số doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh đã đi vào hoạt động nên tình hình xuất khẩu có khá hơn các năm trước, nhất là năm 2005 xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 7,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, tập trung vào các doanh nghiệp sản xuất giày thể thao, gốm sứ và thực phẩm đóng hộp. Trong 6 tháng đầu năm 2006 một số mặt hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tham gia xuất khẩu gần 9 triệu USD, đạt 78,8% so với năm 2005, đây là dấu hiệu tích cực cho tốc độ tăng trưởng kinh tế ở khu vực đầu tư nước ngoài. Theo tình hình hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì hiện nay sản phẩm của các doanh nghiệp chủ yếu là xuất khẩu (6/10 doanh nghiệp hiện có) và các doanh nghiệp này đang từng bước ổn định và có xu thế phát triển mạnh, vì vậy trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới, khả năng xuất khẩu ở các doanh nghiệp này sẽ có điều kiện phát huy, kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng lên góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh.

Còn về nhập khẩu của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng lên qua các năm nhưng tỷ trọng chiếm thấp, bắt đầu từ năm 2004, 2005 tỷ trọng trong khu vực này tăng lên đáng kể (tăng gấp 5 lần các năm trước đó), chủ yếu là nhập khẩu máy móc và nguyên nhiên liệu để sản xuất. Có lẽ nguyên nhân là do các doanh nghiệp nước ngoài đang đầu tư xây dựng và đi vào sản xuất. Tuy giá trị kim ngạch nhập khẩu ở các năm trước luôn cao hơn giá trị xuất khẩu nhưng việc nhập khẩu này là tích cực vì nó đầu tư vào máy móc thiết bị công nghệ và khả năng phát triển sản xuất nhằm gia tăng giá trị sản xuất trong từng ngành kinh tế. Từ năm 2005 các doanh nghiệp FDI dần đi vào hoạt động ổn định nên kim ngạch xuất khẩu tăng hơn kim ngạch nhập khẩu và hiện nay tỷ trọng này đang có xu hướng tăng dần, vì thế sẽ làm giảm cán cân thanh toán của tỉnh.

2.3.4 Góp phần tăng ngân sách nhà nước cho tỉnh

Nguồn thu ngân sách nhà nước của tỉnh trong những năm qua gặp nhiều khó khăn, do sự biến động của giá cả thị trường. Nguồn thu ngân sách của tỉnh chủ yếu là từ nguồn thu của xổ số kiến thiết (chiếm gần 30% nguồn thu của tỉnh). Điều đó cho thấy, sự tăng trưởng kinh tế của Vĩnh Long thiếu tính bền vững và ổn định lâu dài. Do đó những đóng góp của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thu ngân sách của

địa phương có ý nghĩa quan trọng, góp phần tăng thu ngân sách cho tỉnh thông qua các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác.

Bảng 2-14: Đóng góp của khu vực FDI trong ngân sách tỉnh Vĩnh Long

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Thu NSNN của tỉnh	414.593	473.627	481.107	545.200	763.980	878.598
Khu vực có vốn FDI	1.653	449	600	1.000	909	465
Tỷ trọng (%)	0,39	0,09	0,12	0,18	0,11	0,05

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp một khoản rất nhỏ cho ngân sách tỉnh Vĩnh Long, chiếm chưa tới 1% trên tổng thu ngân sách của tỉnh. Điều này một phần là do một số doanh nghiệp FDI mới đầu tư nên còn trong thời gian được miễn giảm thuế, một phần là do hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chưa cao nên phần nào hạn chế việc đóng góp ngân sách cho tỉnh. Vấn đề đặt ra cho tỉnh là cần phải lựa chọn nhà đầu tư có quy mô kinh doanh lớn, sản xuất ngành hàng phù hợp với thị trường để đủ sức cạnh tranh và mang lại hiệu quả cao, góp phần đóng góp cho ngân sách của tỉnh. Mặc dù, nguồn thu ngân sách ở khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài còn rất hạn chế, nhưng trong tương lai nguồn thu này có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương.

2.3.5 Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động

Bảng 2-15: Số lao động làm việc trong các dự án FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Năm	số lao động trong FDI	Số lao động toàn tỉnh	Tỷ trọng (%)
2003	269	546.937	0,049
2004	146	561.802	0,026
2005	2.657	578.991	0,458

Nguồn: Sở Lao động - TBXH tỉnh Vĩnh Long

Số lao động làm việc trong các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chiếm rất thấp, bắt đầu từ năm 2005 số lượng lao động tăng lên, đến thời điểm cuối năm 2005 các dự án FDI đã tạo việc làm cho 2.657 lao động, chiếm 0,45% số lao động trên toàn tỉnh. Đến tháng 6/2006 số lao động ở khu vực đầu

tư nước ngoài tăng 1.539 lao động, nâng tổng số lao động làm việc ở khu vực FDI lên 4.196 người, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn.

Thực tế các dự án FDI đã tác động rất lớn trong việc nâng cao thu nhập cho người lao động, bởi vì hiện nay nhà nước Việt Nam ấn định hai hệ thống mức lương tối thiểu áp dụng cho khu vực đầu tư nước ngoài gọi là doanh nghiệp FDI và khu vực doanh nghiệp vốn nội địa 100%, với mức lương tối thiểu 870.000 đồng ở doanh nghiệp FDI và 450.000 đồng ở các doanh nghiệp trong nước thì hai hệ thống về mức lương tối thiểu cách biệt nhau tới gần hai lần, cho nên hầu như thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp FDI thường cao hơn so với các doanh nghiệp trong nước. Với mức lương tối thiểu 870.000 đồng/tháng là khá cao so với mức sống ở tỉnh nên đây là lý do mà lao động thường có xu hướng chọn các doanh nghiệp FDI làm việc. Tuy nhiên theo phóng sự điều tra của Đài Phát thanh Truyền hình Vĩnh Long vào tháng 3/2006 thì trong 4 doanh nghiệp FDI đang hoạt động thì chỉ có 2 doanh nghiệp áp dụng theo mức lương mới, các doanh nghiệp còn lại thì chưa áp dụng lương mới cho công nhân lao động. Đây là vấn đề mà các cơ quan quản lý chức năng cần phải can thiệp để bảo vệ quyền lợi cho người lao động, tránh để xảy ra đình công như một số nơi khác, mà điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đầu tư của tỉnh.

2.3.6 Thúc đẩy tăng nhanh năng lực sản xuất, tạo thêm nhiều ngành nghề, tăng sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm, doanh nghiệp

Quá trình đầu tư, liên doanh của các công ty nước ngoài tại tỉnh Vĩnh Long tạo ra nhiều sản phẩm mới trên thị trường như: sản phẩm đóng hộp, mì gói, xi măng, giày da... góp phần đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp của tỉnh cũng như bước đầu giải quyết đầu ra các sản phẩm nông sản cho người dân. Chẳng hạn như Công ty thực phẩm Phú Quý ngoài việc đóng hộp các mặt hàng thực phẩm còn đóng hộp một số trái cây đặc thù của tỉnh như nhãn, chôm chôm... đã góp phần tăng sức mua các mặt hàng trái cây của tỉnh, ổn định giá bán hàng hóa cho bà con nông dân.

2.3.7 Góp phần phát triển cơ cấu hạ tầng kỹ thuật

Chính nhờ động lực thu hút đầu tư nước ngoài, lãnh đạo tỉnh đã quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, như: xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú, Khu công nghiệp Bình

Minh và tuyến công nghiệp Cỏ chiên; Tỉnh cũng đã quy hoạch KCN Mỹ Thuận thành khu thương mại dịch vụ và khu đô thị mới; hình thành các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở các huyện, thị xã; nâng cấp cảng Vĩnh Long có năng lực trao đổi hàng hóa 200.000 tấn/năm và tàu tải trọng từ 2.000 đến 3.500 tấn cập bến dễ dàng và chuẩn bị đề án xây dựng cảng Bình Minh phục vụ tàu có tải trọng từ 7.000 tấn đến 10.000 tấn, cũng như kho bãi để phục vụ cho khu công nghiệp Bình Minh, là nơi được xem là tâm điểm đầu tư của khu vực ĐBSCL; mở rộng và nâng cấp các tuyến đường trong nội ô thị xã...nhằm phù hợp và đủ sức cạnh tranh với các địa phương khác trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hiện tại ở tỉnh đang xây dựng nhà hàng và khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao nhằm đáp ứng chủ yếu cho khách nước ngoài.

Để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tìm hiểu và mạnh dạn bỏ vốn đầu tư vào địa bàn tỉnh Vĩnh Long, tỉnh đã cho thành lập trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư, nhằm thông tin, tuyên truyền, vận động để thu hút các nhà đầu tư và tư vấn, hướng dẫn giúp các nhà đầu tư trong việc lập các thủ tục cấp phép đầu tư và triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

Tỉnh cũng cho xây dựng trang web Vĩnh Long để giới thiệu tiềm năng, thế mạnh và các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư.

2.3.8 Góp phần vào việc đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính

Cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao tính minh bạch, công khai về chủ trương chính sách, làm cơ sở để các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm khi quyết định đầu tư. Cơ chế hành chính ở tỉnh đã được thực hiện như sau: Tất cả các nội dung có liên quan đến thủ tục thành lập, triển khai thực hiện dự án và các khó khăn, vướng mắc phát sinh cần xử lý được tập trung giải quyết theo cơ chế một cửa, nhà đầu tư không phải đi nhiều nơi. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý Nhà nước giải quyết hoặc phối hợp với các ngành giải quyết và tham mưu cho UBND tỉnh quyết định đối với các dự án đầu tư trong và ngoài nước nằm ngoài các Khu công nghiệp tập trung. Còn các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp tập trung do Ban quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Long làm đầu mối.

Chính vì thế thời gian cấp phép đầu tư được rút ngắn từ 1/3 đến 1/2 số ngày Chính phủ quy định, thể hiện thiện chí của tỉnh trong việc thu hút FDI.

2.3.9 Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực ở tỉnh Vĩnh Long

Vĩnh Long được xem là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực ở ĐBSCL, nơi đây có mạng lưới trường đào tạo chuyên nghiệp từ công nhân kỹ thuật đến đại học. Đặc biệt trong những năm gần đây theo chủ trương của tỉnh về đẩy mạnh thu hút đầu tư và chuẩn bị cho tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế nên việc đào tạo nguồn nhân lực rất được tỉnh chú trọng đầu tư, vì vậy số lượng Trường đào tạo, dạy nghề ở tỉnh đều tăng lên, các Trường dạy nghề và trung tâm đào tạo lao động được mở rộng khắp các huyện, thị xã; các Trường trung cấp chuyên nghiệp đều được nâng lên thành trường cao đẳng, đại học. Cơ sở hạ tầng và đội ngũ giáo viên cũng được tỉnh hỗ trợ đầu tư nên từng bước nâng dần hiệu quả đào tạo cả về số lượng lẫn chất lượng.

Theo số liệu mẫu điều tra của ngành Lao động - Thương binh xã hội tỉnh Vĩnh Long năm 2005 tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật chiếm 20,30% so với số người hoạt động kinh tế, tăng rất nhiều so với các năm trước đó (chẳng hạn năm 2001 chỉ chiếm 9,65%). Theo số liệu đánh giá năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh năm 2006 thì chỉ số về đào tạo lao động của tỉnh được đánh giá rất cao (đạt 7,96 điểm) chỉ thua Thành phố Đà Nẵng (9,6 điểm) và Đồng Nai (8,45 điểm), trong khi các tỉnh ở khu vực ĐBSCL thì chỉ tiêu này đạt rất thấp chẳng hạn như: Long An (4,85 điểm), Cần Thơ (5,56 điểm), Kiên Giang (3,89 điểm)... Đây là một dấu hiệu đáng phấn khởi cho việc đào tạo nguồn nhân lực ở địa phương rất cần được phát huy hơn nữa.

2.3.10 Bên cạnh những tác động tích cực, đầu tư trực tiếp nước ngoài còn có những tác động tiêu cực

➤ Không ai có thể phủ nhận rằng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vì vậy mà chính quyền địa phương đang tìm mọi cách để mời gọi các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu và hợp tác. Để tạo ra môi trường hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, tỉnh cũng đã quy hoạch các khu và tuyến công nghiệp, do đó phần nào cũng làm thiệt hại đến diện tích đất canh tác trên địa bàn tỉnh. Chẳng hạn như Bình Minh được xem là vùng đặc sản bưởi Năm roi nổi tiếng của tỉnh, để xây dựng khu công nghiệp Bình Minh tỉnh đã phải hy sinh một phần vùng bưởi nổi tiếng của tỉnh. Vì Bình Minh chuẩn bị trở thành thị xã nên việc quy hoạch KCN Bình Minh lại rất cần thiết trong thu hút đầu tư, với vị

trí nằm cạnh quốc lộ 1A gần cầu Cần Thơ rất thuận lợi cho vận chuyển bằng đường bộ và đường thủy, cách TP Cần Thơ 5 km mà nơi đây được xem là thị trường tiêu thụ lớn nhất vùng ĐBSCL, vì vậy KCN Bình Minh được xem là trung tâm của khu vực ĐBSCL có ưu thế chiến lược phát triển kinh tế và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên để KCN Bình Minh phát huy được hiệu quả như mong muốn, đòi hỏi phải có sự nỗ lực của các cấp lãnh đạo địa phương cũng như sự phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp, các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng và nhất là được sự đồng tình hợp tác của bà con nông dân trong diện tích đất quy hoạch để sớm hình thành và phát huy được vai trò của KCN Bình Minh trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng giảm dần tỷ trọng trong nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

➤ Vấn đề quy hoạch các khu, tuyến công nghiệp cũng làm ảnh hưởng đến tâm lý, đời sống của người dân trong diện tích đất bị quy hoạch và đôi khi cũng góp phần làm gia tăng các tệ nạn xã hội. Điều này được thấy rất rõ là một số người dân sống bằng nghề nông hoặc đánh bắt cá, khi phần đất bị quy hoạch họ được nhận tiền bồi hoàn và cũng đồng nghĩa là họ bị thất nghiệp và chờ đợi được nhận vào làm ở các công ty, xí nghiệp đầu tư trên khu đất này. Nhưng thời gian chờ đợi và xin được việc làm quả là khó khăn và không dễ dàng vì bản thân họ không có trình độ, tay nghề, trong khi có sẵn tiền trong tay một số người cứ tiêu xài, tham gia các tệ nạn xã hội và cuộc sống của họ sau này thật là bấp bênh. Với những trường hợp như thế này, về lâu dài thì tỉnh cần có cách giải quyết để không khéo vì mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mà làm nảy sinh các vấn đề tiêu cực trong xã hội.

➤ Khi các doanh nghiệp FDI đến đầu tư ở tỉnh thì việc khai thác các nguồn tài nguyên sẵn có như: cát để san lấp mặt bằng; đất sét để làm gốm sứ, xi măng;...là điều tất yếu, vì vậy việc cạn kiệt nguồn tài nguyên này là điều khó tránh khỏi, tỉnh nên có các biện pháp tổ chức và quản lý việc khai thác nguồn tài nguyên này một cách hợp lý và chặt chẽ hơn.

➤ Để thu hút nguồn vốn FDI, tỉnh đã phải áp dụng nhiều biện pháp ưu đãi tạo môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư như: chi phí hoa hồng, quảng cáo, xúc tiến thương mại...đã ảnh hưởng phần nào đến thu ngân sách của địa phương mà hiện tại nguồn thu ngân sách ở tỉnh còn rất hạn hẹp.

➤ Sự xuất hiện các doanh nghiệp FDI làm tăng tính cạnh tranh với các đơn vị nhỏ trên địa bàn tỉnh khi sản xuất cùng ngành hàng, mặt hàng và các đơn vị này phải chấp nhận cạnh tranh gay gắt, chấp nhận tổn kém để “đánh bại” đối thủ cạnh tranh.

2.4 PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

Từ những phân tích ở phần 2.1; 2.2 và 2.3, chúng tôi đưa ra những đánh giá theo tính chủ quan về các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo ma trận SWOT và đánh giá theo tính khách quan bằng ma trận EFE, ma trận IFE.

2.4.1 Phân tích các yếu tố bên trong

2.4.1.1 Những điểm mạnh:

SI: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được xây dựng trong những năm qua và hiện nay đang tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển của tỉnh như:

➤ Cơ sở hạ tầng như đường xá, cầu cảng, hệ thống thông tin liên lạc, điện, nước, nhà hàng, khách sạn....được tỉnh quan tâm đầu tư và từng bước đã có cải thiện đáng kể.

➤ Vĩnh Long có 2 Khu công nghiệp và 1 tuyến công nghiệp tập trung (KCN Hòa Phú, KCN Bình Minh và tuyến CN Cổ Chiên) đã và đang xây dựng cơ sở hạ tầng và đã có các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư là điều kiện thuận lợi để tiếp tục thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu và thực hiện các dự án đầu tư tại tỉnh Vĩnh Long. Hiện tại Tỉnh cũng đã quy hoạch KCN Mỹ Thuận thành khu thương mại dịch vụ và khu đô thị mới đang trong giai đoạn kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

➤ Tất cả các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh đều tiến hành quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho giai đoạn 2006 - 2015, trong đó xác định cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với qui mô nhỏ và vừa nhằm phát triển ngành nghề nông thôn. Chẳng hạn như: huyện Vũng Liêm đang xúc tiến quy hoạch chi tiết cụm CN - TTCN ở Trung Thành Đông với qui mô diện tích 52 ha; huyện Tam Bình đã xác định được 6 khu cụm CN - TTCN với qui mô 520 ha; huyện Trà Ôn xác định khu CN -

TTCN ở thị trấn với qui mô 100 ha. Các huyện còn lại cũng đang xúc tiến quy hoạch xác định khu, cụm CN - TTCN.

S2: Vĩnh Long có thể mạnh về nguồn nguyên liệu nông sản, thủy sản

Trong những năm qua, kinh tế nông nghiệp luôn chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế chung của cả tỉnh. Đa số các mục tiêu sản xuất nông nghiệp đều có mức tăng trưởng khá.

Thực hiện theo Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ lần thứ 7 "đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn...", ở tỉnh đã hình thành các vùng chuyên canh cây trồng đạt năng suất chất lượng khá cao như vùng lúa cao sản, bưởi 5 roi, cam sành, chuyên canh rau màu và nhiều mô hình sản xuất chuyên, đa canh được nhiều nông dân hưởng ứng và ứng dụng tiến bộ KHKT trong sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu dùng và tham gia xuất khẩu. Vĩnh Long đang cố gắng từ nay đến năm 2010 đưa diện tích trồng cây lâu năm chiếm 50% diện tích đất nông nghiệp, tiếp tục xây dựng và nhân rộng "cánh đồng 50 triệu đồng/ha/năm" trở lên đạt 80% diện tích cây hàng năm. Điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp phù hợp với đặc điểm của từng vùng sinh thái như: huyện Bình Minh cơ cấu 2 lúa 1 màu; Long Hồ, Tam Bình cơ cấu 2 lúa kết hợp nuôi cá; thị xã Vĩnh Long tập trung phát triển vườn cây ăn trái có giá trị cao, sản xuất rau màu sạch, hoa kiểng... Hướng dẫn nông dân tận dụng triệt để các phụ phẩm của nông nghiệp làm nấm, chế biến thức ăn chăn nuôi. Các huyện Bình Minh, Vũng Liêm và một số nơi quanh thị xã Vĩnh Long là những nơi chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngày như: lác, đậu, bắp, khoai lang, rau các loại....

Thủy sản ở Vĩnh Long khá phong phú, nguồn lợi thủy sản chủ yếu là tôm, cá nước ngọt. Thủy sản nuôi trồng có giá trị xuất khẩu cao gồm: tôm càng xanh, cá tai tượng, cá điêu hồng, cá tra, cá basa, cá bống tượng... Toàn tỉnh có trên 5.000 ha mặt nước đã được khai thác nuôi trồng thủy sản, tại các sông lớn nghề nuôi cá bè đang phát triển mạnh.

Chăn nuôi là ngành kinh tế quan trọng ở tỉnh đang khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại, phát triển đàn bò thịt, nâng tổng đàn đạt 85.000 con trở lên, nâng tổng đàn heo lên 500 ngàn con với chất lượng tốt.

S3: Mạng lưới giao thông thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa

Vĩnh Long nằm ở địa thế thuận lợi cho giao lưu với cả vùng, cả nước và quốc tế như: nằm trên trục lộ giao thông đường bộ từ TP Hồ Chí Minh đi Cần Thơ, đường thủy TP Hồ Chí Minh đi Cà Mau, toàn bộ lãnh thổ Vĩnh Long nằm giữa 2 sông lớn Tiền Giang và Hậu Giang là 2 cửa ngõ ra biển. Trong vài năm tới cầu Cần Thơ sẽ được hoàn thành, quốc lộ 1A sẽ được nâng cấp mở rộng, đường cao tốc TP Hồ Chí Minh sẽ nối đến bờ Bắc sông Tiền, cụm cảng Cần thơ... sẽ tạo điều kiện thuận lợi về giao thông thủy bộ đáp ứng cho nhu cầu vận chuyển hàng hoá trong và ngoài nước.

S4: Vĩnh Long là một trong những trung tâm đào tạo nhân lực ở ĐBSCL

Toàn tỉnh có 1 Trường Đại học Dân lập Cửu Long và 5 Trường Cao đẳng: Trường Cao đẳng kinh tế tài chính, Trường cao đẳng sư phạm kỹ thuật 4, Trường cao đẳng xây dựng Miền Tây, Trường cao đẳng cộng đồng, Trường cao đẳng Sư phạm Vĩnh Long và Trường trung cấp dược, Trường dạy nghề của tỉnh và Trường dạy nghề quân khu 9, trong tương lai xây dựng Trường Đại học Kiến Trúc. Hàng năm đào tạo hàng ngàn sinh viên, học viên ra trường với đầy đủ các ngành nghề, lĩnh vực. Cung cấp nguồn lao động dồi dào có tay nghề, có trình độ cho tỉnh, so với các tỉnh trong khu vực ĐBSCL nguồn lao động cung cấp hàng năm của tỉnh chỉ đứng sau TP Cần Thơ.

	<i>Năm học 2004-2005</i>	<i>Năm học 2005-2006</i>
<i>Tốt nghiệp đại học và cao đẳng</i>	535	1.901
<i>Tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp</i>	1.074	1.643
<i>Tốt nghiệp CN kỹ thuật và dạy nghề</i>	351	460
<i>Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long</i>		

S5: Các thủ tục cấp phép luôn được giải quyết kịp thời

Để thu hút nguồn vốn đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Vĩnh Long tiến hành thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế một cửa thông thoáng, giải quyết hồ sơ nhanh gọn, các thủ tục cấp phép luôn đúng thời gian qui định.

S6: Lãnh đạo tỉnh luôn quan tâm, hỗ trợ các dự án đầu tư trong suốt quá trình xây dựng và triển khai hoạt động

Khi có nhà đầu tư nước ngoài nào có ý định đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, lãnh đạo tỉnh luôn quan tâm tạo mọi điều kiện để hỗ trợ các nhà đầu tư trong

suốt quá trình hoạch định dự án, triển khai dự án cho đến khi dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.4.1.2 Những điểm yếu:

W1: Công tác quy hoạch các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh chưa tốt nên không hấp dẫn, tạo ấn tượng cho các nhà đầu tư nước ngoài tìm đến

Có thể nói rằng mặc dù thời gian qua tỉnh Vĩnh Long cũng như các tỉnh trong khu vực ĐBSCL đã rất tích cực cải thiện môi trường đầu tư nhưng hiệu quả thu hút đầu tư FDI đạt rất thấp và ngày càng giảm sút. Điều này đi ngược lại xu hướng chung của cả nước và hoàn toàn trái ngược khi các địa phương đang ngày càng nỗ lực kêu gọi đầu tư với nhiều chính sách thuận lợi. Mà sự yếu kém này đã được tác giả đánh giá ở mục c phần 1.5.2.2, tuy nhiên ở đây có thể khẳng định thêm là các tỉnh ĐBSCL có đặc điểm tự nhiên giống nhau, đều có thế mạnh về nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản...nên các dự án kêu gọi đầu tư gần như là giống nhau, chỉ khác nhau ở các chính sách ưu đãi đầu tư nhằm cạnh tranh nhau trong thu hút FDI. Điều này dẫn đến sự "phản ứng" từ các nhà đầu tư nước ngoài bởi họ không an tâm khi một khu vực mà kêu gọi quá nhiều dự án giống nhau, quá nhiều chính sách ưu đãi khác nhau...

Khả năng thu hút vốn FDI của khu vực ĐBSCL so với cả nước từ năm 2002 đến 2005

Năm 2002 toàn vùng thu hút được 117 triệu USD vốn FDI, chiếm 7,8% tổng vốn FDI cả nước. Năm 2003 là 100 triệu USD, chiếm 5,3% tổng vốn FDI cả nước. Năm 2004 thu hút 118 triệu USD, chiếm 2,8%. Năm 2005 chỉ thu hút 45 triệu USD, chiếm 1,16% cả nước.

Bài Phương Nam, báo Vĩnh Long ra ngày 21/9/2006

Thời gian qua tỉnh Vĩnh Long vẫn nằm trong tình trạng trên, các dự án kêu gọi đầu tư vẫn còn mở rộng ở tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, giáo dục, y tế...nên tính khả thi của các dự án chưa cao. Công tác hoạch định các dự án kêu gọi đầu tư chưa mang tính "đột phá" gắn kết với tiềm năng hiện có của tỉnh mà chủ yếu là do học tập kinh nghiệm của các tỉnh đi trước đã thành công trong thu hút FDI mà chưa có những ý tưởng mới, sâu sắc hơn trong việc hoạch định và xây dựng các dự án thu hút FDI nên phần nào hạn chế khả năng thu hút FDI vào tỉnh.

W2: Trình độ năng lực và tác phong làm việc của CBCC ở những đơn vị có liên quan đến lĩnh vực thu hút FDI còn hạn chế

Cán bộ Sở, Ban, ngành trình độ dịch vụ công còn hạn chế, chưa sẵn sàng đồng hành cùng doanh nghiệp. Đội ngũ làm công tác thu hút FDI chưa được đào tạo bài bản và còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Điều đó được nhận thấy là ở Ban Quản lý các khu công nghiệp, Sở Kế hoạch đầu tư và Trung tâm xúc tiến thương mại & đầu tư là 3 cơ quan có liên quan trực tiếp đến hoạt động thu hút FDI thì hầu như tất cả các cán bộ công chức chỉ được đào tạo trong nước và chỉ dừng lại ở trình độ đại học (chỉ riêng ở Ban quản lý các khu công nghiệp có 1 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh), trong đó rất ít người được đào tạo đúng chuyên môn. Mặt khác, số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ mà giỏi tiếng Anh thì rất hiếm hoặc cán bộ có trình độ đại học Anh Văn cũng hầu như chưa thông thạo về ngoại ngữ nên không có khả năng trao đổi trực tiếp với người nước ngoài mà những cán bộ này thì đa số là không được đào tạo thêm về chuyên môn nghiệp vụ, cho nên khi làm việc với người nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn về ngôn ngữ, hạn chế về trình độ chuyên môn. Điều này cho thấy trình độ năng lực và tác phong của cán bộ công chức chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển của tỉnh về thu hút FDI. Và đây là vấn đề bắt cập trong công tác đào tạo và tuyển dụng cán bộ công chức ở tỉnh cần phải được xem xét và quy hoạch cho phù hợp hơn.

W3: Công tác xúc tiến đầu tư đạt hiệu quả chưa cao

Mặc dù trong thời gian qua, tỉnh đã có nhiều biện pháp nhằm cải thiện hoạt động xúc tiến đầu tư, nhưng thực tế cho thấy hoạt động xúc tiến đầu tư vẫn chưa mang lại hiệu quả cao, số dự án FDI trên địa bàn tỉnh vẫn còn rất hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế của tỉnh. Điều đó được thể hiện ở một số khía cạnh sau:

➤ Tổ chức các chương trình xúc tiến, vận động các nhà đầu tư còn bị động, chung chung hiệu quả chưa cao. Chưa có các diễn đàn lớn để giới thiệu tiềm năng kinh tế của tỉnh, qua đó trao đổi, đối chất với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

➤ Tỉnh có chủ trương thu hút và phát triển các nguồn vốn đầu tư nước ngoài nhưng chưa có chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài mang tính bài bản.

➤ Việc đón tiếp các nhà đầu tư mới đến còn mang nặng hình thức chưa được chuẩn bị một cách kỹ lưỡng, các thông tin cung cấp cho các nhà đầu tư chưa phong phú và đa dạng nên không thu được nhiều tín hiệu tốt từ các nhà đầu tư sau khi họ đến tỉnh tìm kiếm cơ hội.

➤ Thời gian qua Tỉnh chỉ tổ chức công tác xúc tiến đầu tư ở trong nước chưa chủ động tổ chức xúc tiến đầu tư ở nước ngoài nên phần nào hạn chế trong việc lôi kéo các nhà đầu tư nước ngoài.

W4: Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho các dự án đầu tư

Mặc dù đã có nhiều cố gắng để cải thiện cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư, nhưng vẫn còn một số nguyên nhân khách quan và chủ quan làm ảnh hưởng đến khả năng thu hút FDI như:

➤ Vĩnh Long không có sân bay phục vụ cho công tác vận tải, chỉ có sân bay Trà Nóc của Cần Thơ cách các khu công nghiệp từ 30 - 40 km. Vì vậy công tác vận chuyển bằng phương tiện hàng không rất bất lợi. Mà hiện nay nhu cầu đi lại bằng máy bay rất được các nhà đầu tư nước ngoài ưa chuộng vì tiết kiệm được thời gian

➤ Hệ thống điện cung cấp cho sản xuất và đời sống ở Vĩnh Long chỉ dựa vào nguồn điện quốc gia nên sản lượng điện cung cấp cho các doanh nghiệp không được đảm bảo. Hệ thống nước, thông tin liên lạc về cơ bản đáp ứng tốt ở khu vực thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ, tuy nhiên khu vực nông thôn, nhất là các vùng sâu, vùng xa chưa được đầy đủ.

➤ Một số tuyến đường quốc lộ và tỉnh lộ chưa được mở rộng, chẳng hạn như chưa mở ra tuyến đường quốc lộ 1A mới không đi vào thị xã Vĩnh Long hoặc tuyến đường 53 đi xuống các huyện Mang Thít, Vũng Liêm chưa được đầu tư mở rộng nên mặt lộ rất hẹp khó khăn cho lưu thông hàng hóa.

➤ Hệ thống xử lý chất thải ở các khu công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng, đặc biệt là ở khu công nghiệp Hòa Phú các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng đến nay hệ thống kênh thoát nước vẫn không được đảm bảo gây ra tình trạng ngập úng các vườn cây và các hộ dân ở vùng lân cận làm ảnh hưởng đến điều kiện vệ sinh của nhân dân trong vùng, làm mất vẻ mỹ quan của khu công nghiệp.

W5: Đất đai là một trong những nguyên nhân (chủ quan và khách quan) đã làm hạn chế đến khả năng thu hút FDI vào tỉnh, điều này được thể hiện ở hai vấn đề sau:

➤ Đất chưa sẵn sàng cho hoạt động đầu tư:

- Quỹ đất của Nhà nước quản lý còn hạn chế, diện tích đất do các hộ dân quản lý và sử dụng chiếm hơn 94% diện tích đất trên toàn tỉnh, do vậy việc thu hồi đền bù

và giải phóng mặt bằng làm các nhà đầu tư ngần ngại. Do quỹ đất của địa phương rất hạn chế, vì vậy tìm một địa điểm thực hiện dự án đầu tư ở ngoài khu công nghiệp cho phù hợp là rất khó khăn.

- Công tác quy hoạch và xây dựng các khu tái định cư cho các hộ dân còn chậm, công tác giải tỏa đền bù và san lấp mặt bằng còn kéo dài dẫn đến việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng trong và ngoài các khu công nghiệp còn chậm, vì vậy ít nhiều làm ảnh hưởng đến thu hút đầu tư nước ngoài.

➤ Vùng đất tỉnh Vĩnh Long nói riêng và ĐBSCL nói chung được tạo bởi phù sa sông Tiền và sông Hậu cho nên nền đất yếu, chi phí xử lý móng trong xây dựng nhà cao tầng. Điều này làm cho chi phí đầu tư vào đất cao (có thể tiền thuê đất và chi phí đền bù giải tỏa thấp so với các vùng khác).

W6: Nguồn lao động chưa đáp ứng nhu cầu thu hút FDI

Mặc dù tỉnh tập trung nhiều trường Đại học, cao đẳng và dạy nghề nhưng số sinh viên tốt nghiệp ra trường chủ yếu là cử nhân và kỹ sư, trong khi đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài rất cần đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao. Với hệ thống các trường dạy nghề như hiện nay vẫn chưa đủ khả năng đào tạo đội ngũ lao động có tay nghề cao đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài.

Vĩnh Long có nguồn lao động dồi dào nhưng rất ít lao động có kỹ thuật hoặc có trình độ chuyên môn cao. Những người được đào tạo kỹ thuật giỏi, có học vị ở trong nước và ngoài nước cũng chưa muốn về phục vụ địa phương, vì thiếu ngành nghề, thiếu điều kiện vật chất để họ làm việc, chưa có chính sách đãi ngộ nhân tài, vì vậy nguồn nhân lực trình độ cao còn rất hạn chế. Theo số liệu thống kê đến tháng 6/2006 cả tỉnh chỉ có 101 thạc sĩ và 5 tiến sĩ. Số lao động có trình độ sau đại học chủ yếu là ở ngành nông nghiệp, giáo dục còn các ngành kinh tế và kỹ thuật đa số sinh viên ra trường ở lại làm việc tại các thành phố và khu công nghiệp lớn, đây là hiện tượng "chảy máu chất xám" của tỉnh trong mấy năm qua.

W7: Công tác hỗ trợ thông tin, xúc tiến thương mại cho các DN nước ngoài vẫn còn nhiều hạn chế

Tỉnh Vĩnh Long đã thành lập Trung tâm xúc tiến thương mại & đầu tư nhưng hiệu quả hoạt động của trung tâm chưa cao. Công tác chủ yếu của trung tâm là nhằm

thông tin, tuyên truyền, vận động để thu hút các nhà đầu tư và tư vấn, hướng dẫn giúp các nhà đầu tư trong việc lập các thủ tục cấp phép đầu tư, triển khai các dự án đầu tư. Còn các thông tin về thị trường trong nước và ngoài nước, hoặc các thông tin có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì chưa được Trung tâm cung cấp cho DN. Hiện nay Trung tâm vẫn chưa có các chương trình xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp FDI ở các thị trường nước ngoài mà công tác xúc tiến thương mại của tỉnh chủ yếu là tham gia các hội chợ thương mại trong nước hoặc xúc tiến thương mại bằng phương tiện truyền hình với những mặt hàng chủ lực của tỉnh như gốm sứ, hàng thủ công mỹ nghệ, nông sản... Tuy nhiên sản phẩm của các doanh nghiệp FDI thì đa phần là để xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài, chủ yếu là ở các nước Châu Âu.

2.4.1.3 Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong (IFE)

Tiến hành xây dựng ma trận IFE, chúng tôi gửi phiếu khảo sát đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên trong đến khả năng thu hút FDI cho các đồng chí am hiểu về lĩnh vực thu hút đầu tư (xem phụ lục 6). Số phiếu lấy ý kiến tham khảo từ 13 đồng chí, sau khi tổng hợp 13 ý kiến đánh giá, đối chiếu so sánh với những địa phương thành công và không thành công trong thu hút FDI để ấn định các mức quan trọng cụ thể cho từng yếu tố (xem kết quả đánh giá trong phần phụ lục 7).

Đồng thời chúng tôi gửi phiếu khảo sát đến các doanh nghiệp FDI ở tỉnh nhằm lấy ý kiến đánh giá của các nhà đầu tư nước ngoài để phân loại khả năng mạnh hay yếu cho các yếu tố đó (xem phụ lục 8). Số phiếu gửi đến 10 doanh nghiệp đang thực hiện đầu tư tại tỉnh Vĩnh Long, có 9 doanh nghiệp gửi phiếu phản hồi và 1 doanh nghiệp không phản hồi do đã ngưng hoạt động (xem kết quả trong phần phụ lục 9).

Bảng 2.16: Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong

Yếu tố bên trong chủ yếu	Mức quan trọng	Phân loại	Số điểm quan trọng
Đất đai sẵn sàng cho dự án đầu tư	0,1	2	0,2
Thời gian cấp phép đầu tư đúng qui định	0,08	4	0,32
Nguồn nguyên liệu, khoáng sản	0,08	3	0,24
Cơ sở hạ tầng đảm bảo cho đầu tư phát triển	0,09	3	0,27
Trình độ năng lực và tác phong làm việc của CBCCC có liên quan đến thu hút FDI	0,09	2	0,18
Trình độ năng lực lao động	0,09	3	0,27
Nguồn thông tin cung cấp cho DN	0,07	1	0,07
Mạng lưới lưu thông hàng hóa được đảm bảo	0,09	3	0,27
Hiệu quả xúc tiến đầu tư	0,07	2	0,14
Công tác xúc tiến thương mại cho DN	0,07	2	0,14
Hỗ trợ, giúp đỡ của lãnh đạo tỉnh trong quá trình xây dựng và triển khai hoạt động	0,08	4	0,32
Sức hấp dẫn từ việc quy hoạch các dự án kêu gọi đầu tư	0,09	2	0,18
Tổng cộng	1		2,6

Nguồn: tổng hợp từ DN FDI và các chuyên gia

Từ bảng phân tích ma trận các yếu tố bên trong, thấy rằng điểm yếu quan trọng nhất của tỉnh trong thu hút FDI là các yếu tố nguồn thông tin cung cấp cho DN. Điểm yếu ít nhất là đất đai; trình độ năng lực của CBCCC; hiệu quả xúc tiến đầu tư; xúc tiến thương mại cho DN và công tác quy hoạch các dự án kêu gọi đầu tư. Trong khi điểm mạnh nhất của tỉnh là thời gian cấp phép đầu tư đúng qui định và sự hỗ trợ, giúp đỡ của lãnh đạo tỉnh trong quá trình xây dựng dự án cho đến khi dự án đầu tư đã đi vào hoạt động. Điểm mạnh ít nhất là các yếu tố về nguồn nguyên liệu, khoáng sản cung cấp cho các dự án đầu tư; cơ sở hạ tầng đảm bảo cho đầu tư phát triển; chất lượng lao động; mạng lưới lưu thông hàng hóa được thuận tiện. Tuy nhiên sự sẵn sàng về đất đai có ảnh hưởng nhiều nhất đến thành công trong chiến lược thu hút FDI. Kế đến là sự ảnh hưởng của các yếu tố như: cơ sở hạ tầng; năng lực làm việc của cán bộ công chức; chất lượng lao động; mạng lưới lưu thông cũng như sự quan tâm hỗ trợ của lãnh đạo tỉnh trong suốt quá trình triển khai dự án. Số điểm quan trọng tổng cộng của các yếu tố bên trong là **2,6** cho thấy rằng địa phương ở mức trên trung bình về vị trí chiến lược trong hoạt động thu hút FDI.

Từ việc phân tích các yếu tố bên trong đã cho thấy, trong chiến lược thu hút FDI thì tỉnh Vĩnh Long có nhiều thế mạnh và cũng không ít những điểm yếu. Tuy nhiên nếu Vĩnh Long biết tận dụng những điểm mạnh đó đồng thời cố gắng khắc phục những điểm yếu thì chắc chắn trong thời gian tới Vĩnh Long sẽ có khả năng thu hút được nhiều dự án FDI hơn nữa.

2.4.2 Phân tích các yếu tố bên ngoài

2.4.2.1 Những cơ hội:

O1: Sự ổn định về chính trị - xã hội cùng với việc thực hiện đường lối đổi mới, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài ở nước ta là cơ hội mở ra nhiều triển vọng cho khả năng thu hút FDI vào tỉnh Vĩnh Long. Điều đó được thể hiện:

➤ Kinh tế cả nước phát triển với nhịp độ cao, chính trị ổn định và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Đây là điều kiện quan trọng mà Việt Nam đã có được, trong khi nền chính trị của các nước trong khu vực và trên thế giới ngày càng phức tạp.

➤ Trong mối quan hệ mở rộng với phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa nền kinh tế cả nước nói chung, tỉnh ta nói riêng có phần chịu tác động tích cực phát triển kinh tế thế giới và các nước trong khu vực.

➤ Sự chuẩn bị gia nhập WTO của Việt Nam đã tạo ra làn sóng đầu tư mới vào Việt Nam, đặc biệt là từ Nhật Bản, Mỹ và Singapore. Bên cạnh đó khi Việt Nam trở thành thành viên WTO sẽ tạo môi trường xuất khẩu thuận lợi, tránh tình trạng kiện tụng bán phá giá các mặt hàng thủy hải sản như đã xảy ra trước đây, mà tỉnh Vĩnh Long lại có lợi thế về thủy sản.

O2: Các chương trình, dự án phát triển ĐBSCL sẽ tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh

➤ Dưới tác động tích cực của Quyết định 173 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL và Nghị quyết 21 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL giai đoạn 2001 - 2010, trong tương lai không xa 13 tỉnh, thành vùng ĐBSCL sẽ có những bước phát triển mang tính đột phá, phát huy thế mạnh và tiềm năng, trở thành vùng kinh tế trọng điểm, phát triển ngang bằng với các vùng khác trong cả nước.

➤ Cầu Mỹ Thuận được đưa vào sử dụng mở ra một bước ngoặt mới tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường bộ và phát triển kinh tế của Vĩnh Long nói riêng và các tỉnh ĐBSCL nói chung. Cầu Cần Thơ đang trong giai đoạn khởi công xây dựng và dự kiến hoàn thành vào năm 2010, đây là cơ hội cho thị trấn Bình Minh phát triển thành đô thị và khu công nghiệp Bình Minh có một vị trí cực kỳ quan trọng trong việc phát triển kinh tế của tỉnh và trong khu vực. Chương trình mở rộng Quốc lộ 1A sẽ hoàn thành đoạn TPHCM-Cần Thơ vào cuối năm 2006; dự án đường cao tốc TPHCM - Trung Lương có thể hoàn thành vào cuối năm 2007; Sân bay quốc tế Cần Thơ có thể hoạt động vào đầu năm 2008, sẽ là cơ hội tốt để Vĩnh Long phát triển.

O3: Vĩnh Long nằm ở vị trí trung tâm ĐBSCL có điều kiện thuận lợi về tự nhiên

➤ Vĩnh Long là một trong 13 tỉnh ĐBSCL tiếp giáp với các tỉnh Tiền Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Bến Tre và Trà Vinh nên Vĩnh Long trở thành trung tâm của vùng nông sản và thủy sản dồi dào nhất khu vực miền Tây nam bộ, đặc biệt là bưởi, cam, quýt, nhãn, xoài, chôm chôm... cùng những loại thủy sản nước ngọt như tôm càng xanh, cá basa, cá tra... Vĩnh Long còn nổi tiếng với nhiều ngành nghề truyền thống nổi tiếng như gạch ngói, gốm sứ, chằm nón, thêu đan, dệt chiếu...

➤ Vĩnh Long có nguồn đất sét với trữ lượng trên 40 mét khối phục vụ cho việc sản xuất gạch ngói và gốm sứ với chất lượng cao và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ xuất khẩu. Có nguồn cát khá phong phú phục vụ san lấp mặt bằng và đặc biệt là có nguồn nước ngọt dồi dào quanh năm đáp ứng mọi yêu cầu của sản xuất và đời sống, trong đó có nguồn nước ngầm có thể làm cơ sở cho sản xuất nước khoáng.

O4: Vĩnh Long ban hành nhiều chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư cho các dự án FDI đầu tư trên địa bàn tỉnh

Tỉnh Vĩnh Long ở vị trí có một số mặt không thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài nên ngoài các quy định của Bộ Tài chính về tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển theo quyết định 189/2000/QĐ-BTC, tỉnh đã ban hành các chính sách ưu đãi về thuê đất trong và ngoài các khu công nghiệp như: đất ở nội thị, thị trấn và các phường TXVL từ 0,18 - 0,2 USD/m²/năm; đất không phải đô thị: 0,03 USD/m²/năm. Đất ở trong khu công nghiệp Bình Minh cho thuê với đơn giá: 0,024 USD/m²/năm (đất thô); ở khu

công nghiệp Hòa Phú và tuyến công nghiệp Cỏ Chiên: 0,2 USD/m²/năm (đất thuê lại), ngoài ra miễn giảm tiền thuê đất 11 năm theo qui định của Bộ Tài chính. Các chính sách ưu đãi về thuế như: tất cả các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đều được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp nhất là 10% và mức miễn giảm cao nhất là miễn 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Hỗ trợ toàn bộ chi phí lập các thủ tục đến khi được cấp giấy phép đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài, thưởng 0,2% giá trị dự án hoàn thành cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh có công trong việc kêu gọi, vận động các nhà đầu tư, giảm 50% chi phí quảng cáo trong 3 năm cho các doanh nghiệp kể từ khi dự án đi vào hoạt động cũng như hỗ trợ một phần kinh phí trong việc xúc tiến thương mại của doanh nghiệp. Với mục đích là tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất, hấp dẫn nhất để các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu và hợp tác.

O5: Vĩnh Long có nguồn lao động dồi dào với giá nhân công rẻ

Với hệ thống trường đào tạo hiện có ở tỉnh và với vị trí là trung tâm ĐBSCL nên nguồn lao động khá phong phú, bởi vì ngoài nguồn lao động hiện có ở tỉnh còn có thể thu hút từ các tỉnh xung quanh, đặc biệt là TP Cần Thơ.

Là tỉnh có nguồn lao động dồi dào nên giá nhân công rẻ hơn ở những khu vực khác, chẳng hạn lương bình quân của công nhân ở những doanh nghiệp FDI ở Vĩnh Long khoảng trên 1 triệu đồng/tháng, trong khi đó lương bình quân của công nhân ở các KCN lớn như TPHCM, Bình Dương, Đồng Nai khoảng trên 1,5 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên với mức lương trả cho công nhân thấp hơn ở những thành phố và địa phương khác nhưng họ vẫn chấp nhận làm việc cho các doanh nghiệp ở tỉnh, bởi do các nguyên nhân như sau:

- Vĩnh Long là tỉnh nông nghiệp nên số lao động ở nông thôn chiếm rất lớn, mà hiện nay nông nghiệp hóa nông thôn nên số lao động dôi dư từ khu vực này rất nhiều.

- Mức sống ở tỉnh Vĩnh Long thấp hơn các thành phố lớn như TP Hồ Chí Minh, TP Cần Thơ và một số tỉnh như Kiên Giang, Tiền Giang, Long An...nên dù giá nhân công có rẻ hơn nhưng họ vẫn đảm bảo được cuộc sống.

- Hàng năm ở tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 25.000-28.000 lao động, trong số đó đa phần là làm việc ở các KCN, KCX ở TP Hồ Chí Minh, Bình Dương,

Đồng Nai...vì ở Vĩnh Long không có điều kiện để họ làm việc. Do vậy, nếu ở tỉnh có nhu cầu với giá rẻ hơn thì người lao động vẫn chấp nhận vì họ được sống gần gia đình, không phải tốn kém các khoản chi phí thuê nhà, đi lại...

2.4.2.2 Những thách thức:

T1: Việt Nam gia nhập WTO, bên cạnh những tác động tích cực còn có nhiều thách thức trong việc thu hút FDI

Trước tác động tất yếu khách quan của quá trình toàn cầu hóa và sự hội nhập kinh tế quốc tế của cả nước nói chung và Vĩnh Long nói riêng...đòi hỏi các cơ quan quản lý kinh tế của tỉnh Vĩnh Long cần phải có sự nhận thức đầy đủ và chuẩn bị về tinh thần, con người cũng như vật chất để hội nhập.

T2: Môi trường pháp lý chưa hoàn thiện

Hệ thống luật pháp chính sách về đầu tư nước ngoài của nước ta tiếp tục được hoàn chỉnh theo hướng xóa bỏ phân biệt đối xử giữa đầu tư trong nước và ngoài nước, minh bạch hơn và phù hợp hơn với yêu cầu hội nhập. Tuy nhiên việc xây dựng văn bản còn chậm, cụ thể như Luật đầu tư đã có hiệu lực từ ngày 1/7/2005 nhưng đến nay vẫn chưa ban hành Nghị định hướng dẫn Luật đầu tư, hoặc chất lượng một số văn bản pháp luật chưa đạt yêu cầu, nội dung chưa phù hợp gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý nhà đầu tư nước ngoài như Nghị định 16/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật Xây Dựng...

Thời gian qua do sự cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài giữa các địa phương hết sức quyết liệt, ngay cả các địa phương thuộc vùng ĐBSCL cũng nhận ra sự cần thiết trong thu hút vốn FDI nên đã tạo môi trường hấp dẫn để mời gọi đầu tư. Vì vậy tỉnh đã ban hành quyết định 2642/2003/QĐ-UB về quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư của tỉnh Vĩnh Long, trong đó quy định miễn giảm tiền thuê đất trái với qui định của Chính phủ nhưng cũng không ngoài mục đích tăng cường khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cho phát triển. Tuy nhiên thực hiện quyết định số 1387/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đình chỉ hiệu lực thi hành các quy định về ưu đãi, khuyến khích trái luật do các tỉnh, thành ban hành nên tỉnh Vĩnh Long đã ban hành quyết định số 2104/2005/QĐ-UBND nhằm sửa đổi các quy định trái luật. Điều này làm bất mãn các nhà đầu tư khi phải thay đổi chế độ miễn giảm theo qui định và làm giảm lòng tin ở các nhà đầu tư tiềm năng khác.

T3: Cạnh tranh trong thu hút FDI hiện nay giữa các địa phương trong cả nước cũng như trong khu vực ĐBSCL diễn ra hết sức quyết liệt. Vì vậy trong điều kiện hiện nay để thu hút được các dự án FDI là một thách thức đối với Vĩnh Long

➤ Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh còn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân của các tỉnh trong khu vực, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Trong khi các địa phương khác phát triển hơn, quyết liệt hơn đã thu hút các dự án FDI về đó.

➤ Vĩnh Long là một địa bàn nằm giữa 2 trung tâm lớn là Thành phố Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh nên bị sức hút mạnh mẽ về đối tác và nguồn vốn đầu tư cũng như lực lượng lao động có trình độ học vấn cao và tay nghề cao.

➤ Cầu Mỹ Thuận và cầu Cần Thơ mở ra một triển vọng phát triển kinh tế nhưng đồng thời là một thách thức đối với Vĩnh Long. Nhà đầu tư có ghé lại Vĩnh Long hay đi tiếp thêm một bước nữa đến các tỉnh có vùng nguyên liệu nông, thủy, hải sản như Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, còn tùy thuộc vào sức hút của chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh Vĩnh Long.

➤ Tiềm năng thế mạnh của tỉnh chủ yếu dựa vào sự phát triển và đi lên từ ngành nông nghiệp, thủy sản, trữ lượng đất sét, ít hoặc không có những tài nguyên, khoáng sản quý hiếm tạo nguồn nguyên liệu cho phát triển các ngành công nghiệp và tạo sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Mà hiện nay lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ít hấp dẫn các nhà đầu tư hơn các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ.

T4: Các địa phương đang ra sức sắp xếp bộ máy hành chính gọn, nhẹ, cải cách hành chính theo hướng “một cửa tại chỗ” đang là vấn đề đặt ra đối với tỉnh Vĩnh Long

Thực tế cho thấy các địa phương thu hút nhiều dự án FDI đều là những địa phương thực hiện rất tốt công tác cải cách hành chính, chẳng hạn như TPHCM, Bình Dương..., bởi vì tâm lý các nhà đầu tư nước ngoài họ thích đầu tư nơi mà mọi chính sách đều trong sạch, minh bạch, thủ tục hành chính đơn giản không qua nhiều cấp quản lý. Mặc dù thời gian qua Vĩnh Long đã nỗ lực thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý nhà nước theo hướng gọn, nhẹ, thực hiện công tác cải cách hành chính trên toàn tỉnh nhưng hiệu quả đạt được vẫn chưa cao.

T5: Khó khăn trong việc giới thiệu, lôi kéo các nhà đầu tư tiềm năng vào tỉnh

Trong quá trình toàn cầu hóa như hiện nay, để lôi kéo được các nhà đầu tư tiềm năng đến với tỉnh là điều rất khó bởi vì:

➤ Hiện tại trên địa bàn tỉnh chỉ có 10 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà hầu hết là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đến từ các nước láng giềng như Đài Loan, Trung Quốc nên phần nào hạn chế trong việc mời gọi các nhà đầu tư khác đến đầu tư tại tỉnh Vĩnh Long.

➤ Khu vực kinh tế tư nhân ở tỉnh chưa phát triển mạnh mẽ nên chưa đủ tiềm năng liên kết với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2.4.2.3 Ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài (EFE)

Tương tự như mục 2.4.1.3 chúng tôi tổng hợp những ý kiến từ phiếu khảo sát của các chuyên gia và những doanh nghiệp FDI để đánh giá một cách khách quan các yếu tố bên ngoài

Bảng 2.17: Ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài

Yếu tố bên ngoài chủ yếu	Mức quan trọng	Phân loại	Số điểm quan trọng
Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên	0,1	3	0,3
Môi trường ổn định và trật tự an toàn XH	0,12	4	0,48
Tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế	0,1	2	0,2
Nguồn lao động	0,11	3	0,33
Môi trường pháp lý	0,11	2	0,22
Cải cách thủ tục hành chính	0,1	2	0,2
Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư	0,1	3	0,3
Khu vực kinh tế tư nhân	0,08	2	0,16
Giới thiệu, lôi kéo từ các nhà đầu tư hiện tại	0,08	2	0,16
Cạnh tranh khốc liệt trong thu hút đầu tư	0,1	2	0,2
Tổng cộng	1		2,55

Nguồn: tổng hợp từ DN FDI và các chuyên gia

Từ bảng phân tích ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài, thấy rằng các yếu tố: môi trường ổn định và trật tự an toàn xã hội; môi trường pháp lý; nguồn lao động là yếu tố môi trường quan trọng nhất ảnh hưởng đến thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy vậy ở tỉnh hiện tại đang đeo đuổi các chiến lược thu hút FDI nhằm tận dụng có hiệu quả yếu tố môi trường ổn định và trật tự an toàn XH; vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên; các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và nguồn lao động dồi dào ở tỉnh. Các yếu tố như tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh; khu vực kinh tế tư nhân; cải cách hành chính; sự cạnh tranh khốc liệt trong thu hút đầu tư ở các địa phương; môi trường pháp lý hoặc là

sự giới thiệu, lôi kéo của các nhà đầu tư FDI hiện tại đang là thách thức đối với địa phương trong việc tăng cường thu hút FDI trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên các chiến lược thu hút FDI thì lại không xét đến các ảnh hưởng của khu vực kinh tế tư nhân; việc giới thiệu lôi kéo từ các nhà đầu tư hiện tại, cũng như ảnh hưởng không nhiều đến vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên; tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế; các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; cạnh tranh trong thu hút đầu tư; các chính sách cải cách hành chính. Tổng số điểm quan trọng của các yếu tố bên ngoài là **2,55** ở mức trung bình, cho thấy tỉnh Vĩnh Long có khả năng phản ứng với môi trường bên ngoài ở mức độ tương đối.

Phân tích các yếu tố bên ngoài, có thể nói trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay tỉnh Vĩnh Long có khả năng vượt qua được những thách thức và nắm bắt những cơ hội đang đến để đẩy mạnh thu hút FDI.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Thời gian qua tình hình thu hút FDI của cả nước ngày càng phát triển mạnh, nhưng khả năng thu hút FDI ở tỉnh Vĩnh Long đạt được còn rất thấp. Từ năm 1993 đến nay trên địa bàn tỉnh chỉ thu hút được 12 dự án FDI, trong đó chỉ có 10 dự án còn hiệu lực hoạt động, các dự án này chưa góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, tuy nhiên có ý nghĩa rất lớn là điểm “khởi động” cho thu hút FDI vào Vĩnh Long trong những năm tiếp theo.

Qua việc đánh giá khách quan và chủ quan các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài trong chiến lược thu hút FDI, giúp chúng ta xác định được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong thu hút FDI ở tỉnh Vĩnh Long để từ đó đề ra các giải pháp khắc phục những điểm yếu và ứng phó với những thách thức nhằm đẩy mạnh khả năng thu hút FDI vào tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới sẽ được trình bày trong chương tiếp theo (chương 3).

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

3.1 MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ CƠ SỞ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1 Mục tiêu đề xuất các giải pháp

- Đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, yếu kém trong thu hút FDI được trình bày ở phần 2.4 để từ đó tổ chức hoạt động thu hút FDI ở tỉnh Vĩnh Long đạt hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu huy động vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 2006 - 2010 dự kiến là 1.212 tỷ đồng.

- Đề xuất các kiến nghị với Trung ương nhằm góp phần tác động, hỗ trợ đến các giải pháp thực hiện tốt hơn trong quá trình thu hút FDI.

3.1.2 Quan điểm đề xuất các giải pháp

- Các giải pháp đề xuất nhằm giải quyết những điểm yếu kém, phát huy điểm mạnh, đồng thời khắc phục những tồn tại cũng như tận dụng những cơ hội trong hoạt động thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Các giải pháp phải tạo ra môi trường đầu tư thật hấp dẫn mà mà cần phải chú ý đến các yếu tố quan trọng đối với nhà đầu tư là sự thông thoáng của bộ máy hành chính, mức độ thực hiện cam kết đầu tư hạ tầng, môi trường xã hội, sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp...bởi vì trong môi trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay nếu không tạo môi trường hấp dẫn thì Vĩnh Long sẽ khó đẩy mạnh thu hút FDI.

- Các giải pháp mang tính khả thi cao, tạo cơ sở cho các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm bỏ vốn đầu tư tại tỉnh.

- Hoạt động thu hút đầu tư phải mang tính hội nhập khu vực và thế giới.

3.1.3 Cơ sở đề xuất các giải pháp

3.1.3.1 Xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới và khu vực

- Tình hình chính trị mất ổn định diễn ra ngày càng nhiều trên thế giới và khu vực, tạo sự lo sợ cho các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy xu hướng các nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư ở quốc gia có nền chính trị ổn định.

- Theo nhận định hiện nay trên thế giới đang có dòng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào các nước đang phát triển, nhất là các nền kinh tế có tốc độ phát triển cao. Các tập đoàn lớn đang điều chỉnh chiến lược đầu tư dài hạn theo hướng phân bổ nguồn vốn đầu tư trước đây tập trung ở một số nước lớn sang các nước lân cận. Đây là điều kiện thuận lợi ở nước ta, nhất là khi môi trường kinh doanh đầu tư ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện, hình ảnh Việt Nam và mối quan tâm của cộng đồng các nhà đầu tư đối với nước ta ngày càng được cải thiện rất tích cực.

- Những rủi ro vì tập trung đầu tư quá lớn vào Trung Quốc đã buộc các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các tập đoàn lớn điều chỉnh chiến lược đầu tư dài hạn, trong đó có việc phân bổ nguồn vốn đầu tư sang một số nước khác trong khu vực, trong đó Việt Nam là nước được nhiều tập đoàn quốc gia quan tâm. Thêm vào đó những yếu tố không thuận trong quan hệ Trung - Nhật đã tác động mạnh mẽ tới việc phân bổ nguồn vốn đầu tư của Nhật Bản theo mô hình Trung Quốc + 1. Điều này đã tạo điều kiện mới cho Việt Nam. Tuy nhiên cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước tiếp tục diễn ra gay gắt, trong đó có Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan và Singapore. Mặc dù đã xuất hiện xu hướng phân bổ đầu tư từ Trung Quốc sang một số nước khác nhưng với lợi thế về thị trường rộng lớn và các yếu tố thuận lợi về kết cấu hạ tầng thì Trung Quốc vẫn là nước đang phát triển thu hút đầu tư nước ngoài nhiều nhất.

- Giá nhiều loại nguyên liệu thô trên thế giới gia tăng mạnh mẽ kích thích nguồn vốn đầu tư nước ngoài đổ vào các nền kinh tế đang phát triển nơi có nhiều tài nguyên thiên nhiên. Điều này kích thích đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam.

3.1.3.2 Xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam

- Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam có tác động tích cực đến hoạt động đầu tư nước ngoài, như việc Việt Nam chuẩn bị gia nhập WTO tạo ra làn sóng đầu tư từ các tập đoàn xuyên quốc gia nhằm phân bổ rủi ro. Các hoạt động đối ngoại tích cực như APEC, ASEAN và Việt Nam tham gia ký trên một trăm Hiệp định thương mại kinh tế song phương và đa phương, là tiền đề đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập nhanh với khu vực và thế giới.

- Chủ trương tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục được khẳng định trong các văn kiện của Đảng, nhất là từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

- Việt Nam tăng cường cải thiện môi trường đầu tư kể cả môi trường pháp lý, cải cách thủ tục hành chính, nâng cấp cơ sở hạ tầng, chống tham nhũng và đào tạo cán bộ... cũng như ban hành Chỉ thị 13/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp nhằm tạo chuyển biến mới trong công tác thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đã góp phần tháo gỡ nhiều rào cản đối với đầu tư nước ngoài, làm cho môi trường đầu tư thông thoáng và hấp dẫn hơn. Cùng với việc thực hiện chương trình hành động Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản, sáng kiến kết nối kinh tế Việt Nam-Singapore.

3.1.3.3 Cơ sở thực tiễn

Khi đề xuất giải pháp, chúng tôi quán triệt các nội dung đã phân tích ở Chương 2 về thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Vĩnh Long từ năm 1993 đến 6/2006. Các giải pháp sẽ nhằm khai thác những điểm mạnh, những cơ hội mà tỉnh Vĩnh Long đã đạt được trong thời gian qua, đồng thời khắc phục những điểm yếu, những thách thức đang tồn tại như:

- Công tác quy hoạch các dự án FDI chưa tốt nên tính hiệu quả từ những dự án chưa cao, từ đó làm cho các nhà đầu tư nước ngoài ngần ngại khi có dự định đầu tư.

- Trình độ năng lực và tác phong của cán bộ công chức làm công tác FDI trong các cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng theo yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thời gian qua tỉnh Vĩnh Long cũng đã tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nhưng hiệu quả đạt được vẫn chưa cao.

- Cơ sở hạ tầng rất được tỉnh quan tâm đầu tư nhưng so với một số địa phương khác như tỉnh Bình Dương, Hải Phòng, Kiên Giang... thì cơ sở hạ tầng ở tỉnh Vĩnh Long còn yếu chưa đáp ứng cho nhu cầu thu hút các dự án FDI lớn

- Công tác cải cách thủ tục hành chính đã được tỉnh triển khai thực hiện nhưng hiệu quả còn thấp, chưa thật sự là “*một cửa tại chỗ*”. Công tác quản lý còn chồng chéo, qua nhiều cấp, nhiều ngành.

- Việc giao đất cho các nhà đầu tư còn chậm chạp, vì vậy đã làm nản lòng một số nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó còn có sự hạn chế về thông tin, hạn chế trong công tác xúc tiến thương mại, cũng như chất lượng lao động chưa cao...

Từ những tồn tại đó, chúng tôi đề ra những giải pháp nhằm góp phần cải thiện tốt hơn môi trường đầu tư của tỉnh, nâng cao khả năng cạnh tranh trong thu hút FDI.

3.2 CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

3.2.1 Thực hiện tốt công tác quy hoạch các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

3.2.1.1 Quan điểm đề xuất giải pháp:

- Quy hoạch dự án phải có tính khả thi cao, mang lại hiệu quả cho nền kinh tế và cho các nhà đầu tư.

- Các dự án phải phù hợp với đặc điểm tự nhiên và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Vĩnh Long.

- Các dự án không gây thiệt hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, di tích lịch sử, văn hóa và ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

3.2.1.2 Nội dung giải pháp:

Vĩnh Long là tỉnh nông nghiệp với vị trí là trung tâm ĐBSCL, vì vậy để phát huy hiệu quả các dự án kêu gọi FDI cần phải thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất: Xây dựng quy hoạch các ngành, lĩnh vực kêu gọi đầu tư hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh

➤ Xây dựng quy hoạch các ngành ưu tiên cho hoạt động thu hút FDI

- Ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu hiện có tại địa phương và khu vực ĐBSCL như: nông sản, thủy hải sản, các loại rau màu, trái cây

- Ngành thủ công nghiệp như gốm sứ, chiếu, thảm cói, dệt thủ công, thêu, đan... xuất khẩu. Mà ngành này có lợi thế về lao động và nguyên liệu tại chỗ

- Ngành phát triển du lịch sông nước, du lịch xanh nhằm tận dụng được nguồn lao động nông thôn dồi dào ở tỉnh và khai thác được thế mạnh của vùng sông nước

- Dự án xây dựng các trung tâm thương mại, các chợ đầu mối nông sản thủy sản

- Các dự án chuyển giao khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp; dự án sản xuất giống cây trồng các loại

- Các dự án nuôi trồng thủy sản nước ngọt như cá tra, cá ba sa...

- Dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng quy hoạch các ngành khuyến khích đầu tư nước ngoài

- Ngành sản xuất ra những sản phẩm hoặc dịch vụ có công nghệ tiên tiến, có sức cạnh tranh trên thị trường, tỷ lệ xuất khẩu cao

- Ngành sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện tử; ngành cơ khí, sửa chữa chế tạo các thiết bị động cơ

- Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

- Dự án đầu tư xây dựng các hệ thống ngân hàng thương mại

- Các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều lao động

- Các ngành không nên khuyến khích đầu tư nước ngoài

Ngoài những lĩnh vực cấm đầu tư theo Luật Đầu tư của Việt Nam như những hoạt động đầu tư gây thiệt hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, di tích lịch sử, văn hóa và môi trường sinh thái... nên hạn chế cấp phép đầu tư cho một số ngành như: ngành sản xuất rượu, bia nếu không hướng về xuất khẩu. Bởi vì ngành này đem lại lợi nhuận cao cho DN và nộp ngân sách nhiều cho tỉnh nhưng về lâu dài thì ngành này không có hiệu quả cho nền kinh tế.

Thứ nhì: Thực hiện quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực kết hợp với quy hoạch phát triển vùng

Trong điều kiện hiện nay ở tỉnh hình thành 2 khu công nghiệp và 1 tuyến công nghiệp, đồng thời đang quy hoạch khu đô thị thương mại, các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở khắp 7 huyện, thị xã. Đây là chiến lược huy động các nguồn vốn đầu tư cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh là rất cần thiết. Tuy nhiên cần phải xem xét quy hoạch phát triển các vùng sao cho phù hợp với quy hoạch các ngành, lĩnh vực kêu gọi đầu tư là vấn đề cần quan tâm.

Quy hoạch phát triển vùng cần lưu ý đến các vấn đề sau:

➤ Tùy theo vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên ở các khu, tuyến công nghiệp mà kêu gọi các dự án đầu tư sao cho phù hợp, không nên kêu gọi trùng lặp các dự án ở các khu, tuyến công nghiệp. Chẳng hạn như:

- KCN Hòa Phú có lợi thế nằm gần trung tâm thị xã và nằm dọc theo quốc lộ 1A nên kêu gọi các ngành sản xuất ra những sản phẩm hoặc dịch vụ có công nghệ tiên tiến, có sức cạnh tranh trên thị trường; ngành sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện tử; ngành cơ khí, sửa chữa chế tạo các thiết bị động cơ; các ngành sử dụng nhiều lao động...

- KCN Bình Minh nằm gần chân cầu Cần Thơ nên rất có lợi thế về giao thông thủy, bộ; đất đai màu mỡ, phì nhiêu rất thích hợp cho phát triển hoa màu, trái cây đặc sản như bưởi, cam...; vị trí KCN Bình Minh cách trung tâm TP Cần Thơ 5 km, nơi đây được xem là tâm điểm của khu vực ĐBSCL nên có lợi về thu mua nguồn nguyên liệu sẵn có của vùng. Cho nên cần kêu gọi các các dự án chuyên giao khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp; dự án sản xuất giống cây trồng các loại; ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm như: nông sản, thủy hải sản, các loại rau màu, trái cây; dự án xây dựng các chợ đầu mối nông sản thủy sản.

- Tuyến công nghiệp Cổ Chiên nằm dọc theo sông Tiền và sông Măng, cặp theo tỉnh lộ 57 có lợi thế về khoáng sản cát, đất sét và nơi đây có làng nghề thủ công truyền thống nên cần phát huy thế mạnh hiện có của vùng này bằng các dự án kêu gọi các ngành sản xuất gạch ngói, gốm sứ và các ngành tiểu thủ công nghiệp như chiếu, thảm cói, dệt thủ công, thêu, đan... xuất khẩu; các ngành công nghiệp nặng như ximăng, luyện kim...

➤ Đối với các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở các huyện, thị xã thì không nên quy hoạch cùng lúc, việc quy hoạch các cụm CN-TTCN cần xem xét cân đối cho phù hợp với điều kiện phát triển từng vùng, không nhất thiết mỗi huyện, thị xã đều có cụm CN-TTCN mà chỉ nên quy hoạch một số huyện thị như thị xã Vĩnh Long, huyện Bình Minh, huyện Vũng Liêm (hai huyện này tiếp giáp với TP Cần Thơ và tỉnh Trà Vinh), để tránh tổn hại nhiều đến đất sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững.

➤ Quy hoạch khu đô thị- thương mại-dịch vụ Mỹ Thuận nằm dưới chân cầu Mỹ Thuận (cách cầu Mỹ Thuận 850 m) với diện tích 226 ha, hiện tại khu quy hoạch này vẫn còn là quy hoạch treo trong mấy năm qua, làm thiệt hại rất nhiều đến sản xuất nông nghiệp và cho đến nay đã thực hiện xong việc giải tỏa đền bù nhưng vẫn chưa mời gọi được nhà đầu tư nào cho nên cần xem xét lại quy hoạch dự án có khả thi hay không. Đây là vấn đề mà cần phải lưu ý khi quy hoạch đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh, tránh tình trạng quy hoạch quá nhiều đất dự trữ sẽ ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất và các hoạt động khác của nhân dân. Trước khi quy hoạch nên xây dựng kế hoạch mục tiêu cụ thể với những giải pháp khả thi để kêu gọi đầu tư nếu thấy có hiệu quả khả quan thì hãy quy hoạch đất, kêu gọi đầu tư đến đâu thì quy hoạch đến đó để tránh bị rơi vào tình trạng quy hoạch treo từ năm này qua năm khác.

➤ Đối với các bãi bồi, cồn đất ở các cù lao huyện Long Hồ, Vũng Liêm; các tuyến sông lớn như sông Tiền, sông Măng nên quy hoạch các dự án nuôi trồng thủy sản.

➤ Tận dụng thế mạnh từ các vườn cây ăn quả ở các xã cù lao sông Tiền và ven sông Hậu, sông Măng, chợ nổi Trà Ôn với những di tích văn hóa lâu đời như Văn Thánh Miếu, Văn Xương Các, chùa Tiên Châu, đền Công Thần... để quy hoạch phát triển ngành du lịch ở tỉnh.

Thứ ba: Thực hiện quy hoạch phát triển các nguồn nguyên liệu sẵn có đáp ứng cho các dự án đầu tư

Để phát huy hiệu quả của đầu tư trực tiếp nước ngoài cần xây dựng quy hoạch phát triển các ngành kinh tế hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh. Quy hoạch phát triển kinh tế địa phương có thể theo các hướng sau:

➤ Về lâu dài, chúng ta cần tiến hành qui hoạch chi tiết về sản xuất nông nghiệp trên cơ sở nông hóa thô nhường, vùng sinh thái, thủy lợi ở từng địa bàn, từng vùng được xác định và trên cơ sở qui hoạch kinh tế xã hội mà bố trí cơ cấu trồng trọt, nuôi trồng thủy sản phù hợp theo từng vùng. Hình thành vùng lúa cao sản, đặc sản đáp ứng cho nhu cầu xuất khẩu; quy hoạch phát triển các vùng chuyên canh cây ăn trái đặc sản của tỉnh như bưởi năm roi, cam sành, nhãn, chôm chôm... có giá trị kinh tế cao; quy

hoạch các vùng bãi bồi, mặt nước, sông hồ cho phát triển nghề nuôi cá bè, nuôi cá trên sông, hồ...đáp ứng cho nhu cầu chế biến.

➤ Các trung tâm Giống, trung tâm Khuyến nông mở rộng hợp tác với các cơ quan nghiên cứu khoa học (Viện, Trường) để tiếp nhận các thành tựu khoa học, công nghệ kịp thời chuyển giao tri thức và kỹ năng sản xuất trong nhân dân phục vụ thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, cải tiến nuôi trồng thủy sản. Hình thành các chương trình khuyến nông trọng điểm như hệ thống canh tác, cơ cấu mùa vụ, cách mạng sinh học, chuyển giao kỹ thuật trong nuôi trồng để ổn định và mang lại hiệu quả trên các vùng sản xuất, thu hút sự đồng tình của nông dân tham gia phát triển bền vững sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

➤ Từng bước quy hoạch các nguồn nguyên liệu sẵn có của tỉnh, tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản nhất là cát, đất sét để tạo nguồn nguyên liệu về lâu dài cho các dự án đầu tư nước ngoài.

3.2.1.3 Lợi ích dự tính đạt được từ giải pháp:

Trong giải pháp này, chúng tôi mong muốn khi quy hoạch các dự án đầu tư phải có sự kết hợp đồng bộ của 3 yếu tố đó là: cần phải quy hoạch các ngành, lĩnh vực nào cần thiết cho thu hút đầu tư và phải kết hợp chặt chẽ các ngành, lĩnh vực đó với quy hoạch các vùng sao cho hợp lý khoa học, trên cơ sở đó quy hoạch phát triển các nguồn nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu của dự án đầu tư. Các dự án kêu gọi đầu tư nếu đáp ứng cả 3 yếu tố trên thì sẽ mang lại hiệu quả cao, tạo cảm giác an tâm cho nhà đầu tư nước ngoài khi có ý định bỏ vốn đầu tư.

Với giải pháp này sẽ mang lại lợi ích cho cả 3 bên: địa phương - nhà đầu tư - nông dân:

- Với địa phương thì thu hút được nhiều dự án đầu tư vào cho tỉnh
- Nhà đầu tư thì thu được nhiều lợi nhuận từ hiệu quả của dự án
- Nhà nông thì giải quyết được đầu ra cho nông sản, thủy sản được ổn định

3.2.2 Nâng cao năng lực và tác phong của cán bộ công chức làm công tác đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các cơ quan quản lý nhà nước

3.2.2.1 Quan điểm đề xuất giải pháp

Trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, yếu tố con người cũng rất quan trọng, đóng vai trò chi phối, điều tiết và lôi kéo các nhà đầu tư. Con người ở đây chính là nhân lực trong các cơ quan có liên quan trực tiếp đến đầu tư nước ngoài.

Đôi khi với môi trường đầu tư hấp dẫn đã thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu nhưng với tác phong làm việc thiếu tính chuyên nghiệp nên đôi khi nhà đầu tư đã từ chối đầu tư, tạo những ấn tượng không tốt cho các nhà đầu tư tiềm năng khác muốn đến tìm hiểu và hợp tác. Vì vậy rất cần đội ngũ cán bộ làm công tác ở những cơ quan có liên quan đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thì phải có chuyên môn, am hiểu về đầu tư, giỏi về ngoại ngữ, đồng thời phải có tác phong làm việc công nghiệp phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay.

3.2.2.2 Nội dung giải pháp:

Thứ nhất: Phải thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ đang làm việc ở các cơ quan có liên quan đến thu hút FDI

➤ Mở các lớp tập huấn ngắn hạn về cải cách thủ tục hành chính theo tiêu chuẩn ISO 9001, về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các lớp anh văn chuyên ngành... để cho cán bộ, nhân viên khắc phục sự tụt hậu về kiến thức và góp phần nâng cao trình độ chuyên môn bắt kịp tốc độ phát triển của lĩnh vực này trong thời đại toàn cầu quá.

➤ Mạnh dạn cử một số cán bộ có khả năng làm việc được đi đào tạo đại học, sau đại học trong và ngoài nước về các ngành có liên quan đến lĩnh vực đầu tư để thời gian tới xây dựng một đội ngũ cán bộ xứng tầm làm công tác thu hút đầu tư nói chung và đầu tư trực tiếp nước ngoài nói riêng.

➤ Tuyển chọn một số cán bộ công chức có năng lực chuyên môn giỏi nhưng không biết tiếng Anh cử sang nước ngoài để học Anh Văn theo chương trình 6 tháng hoặc một năm (mặc dù tốn kém chi phí đào tạo ở nước ngoài nhưng hiệu quả rất cao hơn học trong nước mất nhiều thời gian nhưng hiệu quả đạt được không bằng). Đồng thời những cán bộ công chức có trình độ ngoại ngữ, có khả năng giao tiếp giỏi với người nước ngoài mà chưa có chuyên môn nghiệp vụ thì nên cử họ đi học thêm về chuyên môn thuộc lĩnh vực đầu tư.

➤ Ngoài số cán bộ được quy hoạch đào tạo, cần có chính sách khen thưởng xứng đáng cho cán bộ công chức trong tinh cố gắng học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn như thạc sĩ, tiến sĩ.

➤ Qua thời gian công tác, những cán bộ công chức có năng lực yếu kém trong chuyên môn phải được đưa đi đào tạo ngay hoặc nếu không cải thiện được thì nên bố trí công tác ở các lĩnh vực khác không liên quan đến thu hút đầu tư nước ngoài.

Thứ nhì: Phải tổ chức, sắp xếp CBCC và tuyển dụng CBCC đúng trình độ chuyên môn

➤ Khi bố trí cán bộ làm lãnh đạo, trưởng phó các phòng ban ở các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực thu hút FDI thì phải là người được đào tạo bài bản, đúng chuyên ngành, có chuyên môn cao đặc biệt là phải biết ngoại ngữ.

➤ Bố trí sắp xếp cán bộ phải thật công tâm phân minh, dựa vào năng lực, trình độ chuyên môn của chính bản thân họ, đừng nặng nề về thành phần gia đình hoặc đòi hỏi về kinh nghiệm, thâm niên. Tránh bè phái cục bộ trong công tác quy hoạch đào tạo cán bộ chủ chốt

➤ Trích một phần ngân sách địa phương để có những chính sách ưu đãi nhằm động viên khuyến khích những cán bộ thiếu năng lực về hưu sớm, mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ có trình độ, có nhiệt tình.

➤ Khi có nhu cầu tuyển dụng cán bộ công chức nên tổ chức thi tuyển một cách khách quan để nhận những người có trình độ, có năng lực công tác tốt. Bên cạnh đó nên có chính sách “chiêu hiền đãi sĩ” để thu hút nhân lực có chuyên môn cao ở tỉnh hoặc ở các địa phương khác về công tác trong các sở, ban, ngành của tỉnh.

Thứ ba: Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong sạch, có tác phong công nghiệp

➤ Các cán bộ công chức phải được giáo dục tư tưởng, nhận thức về tầm quan trọng trong việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế xã hội, để từ đó mỗi người có ý thức trách nhiệm hơn trong công tác nhiệm vụ được giao.

➤ Hoàn thiện bộ máy tổ chức ở các đơn vị đi đôi với công tác khoán quỹ lương để giúp cán bộ tăng thu nhập chính đáng khiến họ có động lực tự nâng trình độ và nhiệt tình phục vụ trong làm việc.

➤ Những cán bộ có các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, tham nhũng, gây khó khăn cho các nhà đầu tư nước ngoài phải được chấn chỉnh, xử lý ngay để các cán bộ khác rút kinh nghiệm.

➤ Mạnh dạn sa thải hoặc luân chuyển công tác đối với những cán bộ cửa quyền, hách dịch, đặt vụ lợi cá nhân lên trên công việc.

➤ Có chính sách khen thưởng kịp thời cho những cán bộ công chức làm việc giỏi, có tính sáng tạo trong chuyên môn nhằm khích thích họ phát huy hơn nữa.

3.2.2.3 Lợi ích dự tính đạt được từ giải pháp

Thực hiện cơ chế chính sách tốt hay không là do cán bộ công chức làm việc ở các cơ quan quản lý sở, ban, ngành của tỉnh. Nhiều khi các nhà đầu tư không muốn đầu tư vào địa phương đó không phải là do chính sách đầu tư thiếu hấp dẫn mà do cán bộ quản lý trình độ yếu, khó khăn với doanh nghiệp, đòi hỏi những chi phí "không chính thức". Do vậy nếu giải pháp này được thực hiện tốt thì đội ngũ cán bộ công chức đều có trình độ năng lực chuyên môn, có khả năng làm việc trực tiếp với người nước ngoài, từ đó công việc giải quyết nhanh gọn, khoa học và đạt hiệu quả cao, làm cho các nhà đầu tư cảm thấy an tâm hơn khi đầu tư dự án bởi vì họ nghĩ rằng bên cạnh họ còn có đội ngũ cán bộ công chức có năng lực, có trình độ luôn hết lòng sát cánh cùng họ trong hoạt động kinh doanh, điều này tạo được ấn tượng tốt cho các nhà đầu tư để họ giới thiệu, lôi kéo các nhà đầu tư khác.

3.2.3 Đẩy mạnh hơn nữa công tác xúc tiến đầu tư

3.2.3.1 Quan điểm đề xuất giải pháp:

- Xúc tiến đầu tư phải linh hoạt bằng nhiều hình thức, có chất lượng và đạt hiệu quả cao.

- Xúc tiến đầu tư phải nhằm quảng bá, giới thiệu Vĩnh Long còn rất nhiều tiềm năng thế mạnh chưa được đầu tư khai thác và sẵn sàng tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu và hợp tác.

- Tận dụng các cơ hội xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cũng như của Chính phủ để có kế hoạch xúc tiến cho địa phương.

3.2.3.2 Nội dung đề xuất giải pháp:

Thứ nhất: Tiếp tục tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về tiềm năng thế mạnh và những chính sách thu hút đầu tư

Thời gian qua tỉnh cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu trang Web, đĩa CD, tài liệu về tiềm năng và cơ hội đầu tư, tổ chức và tham gia các cuộc hội thảo, hội chợ trong tỉnh và khu vực. Tuy nhiên các công tác này vẫn còn yếu kém, không chuyên nghiệp. Hiện tại tỉnh cũng đã xây dựng xong trang web <http://www.vinhlong.gov.vn> nhưng thông tin còn nghèo nàn. Các tài liệu giới thiệu đến các nhà đầu tư nước ngoài chưa phản ánh hết những tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, các dự án kêu gọi đầu tư còn chung chung chưa phong phú và hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài.

Để thực hiện tốt công tác này cần phải tập trung vào những điểm như sau:

➤ *Tập trung tuyên truyền, quảng bá sâu rộng hơn nữa bằng các hình thức:*

- Giao lưu, kết nghĩa với các thành phố, địa phương trong và ngoài nước. Mở phòng trưng bày giới thiệu về tiềm năng, đất nước, con người ở các trung tâm lớn trong và ngoài nước.

- Nâng cao chất lượng và đa dạng các tài liệu và ấn phẩm giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, các thông tin về đầu tư, các lĩnh vực ưu tiên đầu tư để cung cấp trực tiếp cho các buổi hội nghị, hội thảo về đầu tư, các buổi đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài tại tỉnh.

- Giới thiệu tiềm năng, các dự án kêu gọi đầu tư ở tỉnh thông qua tập san, báo chí, phương tiện truyền thông trong và ngoài nước.

- Tiến tới nên mở Chi nhánh Trung tâm xúc tiến thương mại & Đầu tư của Vĩnh Long tại TP Hồ Chí Minh và Hà Nội. Chi nhánh Trung tâm này ngoài các chức năng nhiệm vụ quảng bá, giới thiệu tiềm năng thế mạnh và cơ hội đầu tư của tỉnh, nơi đây còn có thể giới thiệu những sản phẩm của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư và nâng cấp mới Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư của tỉnh Vĩnh Long, ngoài chức năng thông tin, tuyên truyền, vận động để thu hút các nhà đầu tư, hướng dẫn giúp các nhà đầu tư trong việc lập các thủ tục cấp phép đầu tư như hiện nay mà cần phải biến nơi đây trở thành nơi quảng bá tiềm năng của Vĩnh Long như

các cơ hội đầu tư và thương mại của tỉnh. Nơi đây nên có phòng chiếu phim đạt tiêu chuẩn quốc tế để tiếp các du khách, thương nhân, các nhà đầu tư đến với tỉnh; và nên thiết lập trang Web dành cho lĩnh vực thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước và giới thiệu xúc tiến thương mại sản phẩm cho các doanh nghiệp (có cả tiếng Việt và tiếng Anh). Các thông tin phải được đăng tải liên tục hàng ngày, nội dung phải phong phú đề cập đến các vấn đề liên quan đến thu hút đầu tư như: các khu, tuyến công nghiệp của tỉnh kêu gọi đầu tư, ngành nghề đầu tư, các tiềm năng thế mạnh của từng khu, tuyến công nghiệp, nguồn nguyên liệu hiện có, về cơ sở hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư... cũng như giới thiệu các sản phẩm của các DN đang hoạt động ở Vĩnh Long.

➤ *Thực hiện phương châm “lấy nhà đầu tư cũ giới thiệu quảng bá, kêu gọi nhà đầu tư mới”*

Lãnh đạo tỉnh cùng các đơn vị có liên quan đến đầu tư như Ban Quản lý các khu công nghiệp, Sở kế hoạch đầu tư... tổ chức các cuộc họp định kỳ 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm một lần với các nhà đầu tư nước ngoài để lắng nghe những ý kiến nhận xét đóng góp về môi trường đầu tư của tỉnh từ các nhà đầu tư hoặc cùng nhà đầu tư trao đổi giải quyết các vấn đề còn khó khăn, bức xúc mà các nhà đầu tư đang gặp phải trong quá trình hoạt động doanh nghiệp. Khi nhà đầu tư có những tình cảm tốt đối với tỉnh, nhất định sẽ giới thiệu với các nhà đầu tư khác.

➤ *Họp mặt hàng năm đối với các Việt kiều*

Vào dịp tết nguyên đán hàng năm lãnh đạo tỉnh nên tổ chức họp mặt các Việt kiều về thăm quê hương, ngoài việc thăm hỏi, chúc mừng, lãnh đạo tỉnh báo cáo tình hình kinh tế xã hội của tỉnh, những thành tựu và những khó khăn hạn chế, các chính sách ưu đãi đầu tư và kêu gọi Việt Kiều vì sự phát triển của tỉnh nhà mà tìm hiểu đầu tư hoặc giới thiệu đầu tư cho tỉnh.

Thứ nhì: Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư

Ở nước ta nói chung và tỉnh Vĩnh Long nói riêng công tác xúc tiến đầu tư còn yếu, chưa mang tính chuyên nghiệp. Để khắc phục những hạn chế này cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

➤ Trước tiên là cần phải nâng cao hơn nữa trình độ và nhận thức của cán bộ công chức làm công tác xúc tiến đầu tư bằng các hình thức như:

- Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư của tỉnh cần phải nỗ lực tìm kiếm và tuyển dụng những nhân viên có trình độ và năng lực trong công tác xúc tiến đầu tư. Bên cạnh đó cần phải xây dựng chương trình đào tạo và phát triển nhân lực ở tại trung tâm. Chương trình này tập trung vào hai lĩnh vực: đào tạo chuyên môn và đào tạo các kỹ năng giao tiếp để có những nhân viên giỏi là yếu tố quan trọng trong việc kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài.

- Đưa các cán bộ nhân viên làm công tác xúc tiến đầu tư đi học hỏi trao đổi kinh nghiệm ở các tỉnh, thành phố thu hút nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài như: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai...

➤ Hàng năm Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư cần xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác xúc tiến đầu tư (kế hoạch này có thể mời các nhà chuyên gia tư vấn) sau đó tiến hành một cách bài bản, tránh trường hợp tổ chức các diễn đàn kêu gọi đầu tư kém chất lượng hay quá sơ sài điều này sẽ làm giảm sức hấp dẫn đến môi trường đầu tư của tỉnh.

➤ Khi các đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến tìm hiểu và có ý định đầu tư, lãnh đạo tỉnh phải đặc biệt quan tâm, giới thiệu các dự án khả thi cần kêu gọi đầu tư và có thể mời đoàn đi xuống địa bàn để tìm hiểu trực tiếp. Tiếp theo cán bộ xúc tiến đầu tư phải đeo bám quyết liệt các nhà đầu tư đó để vận động, tư vấn cho họ.

➤ Hiện tại một số tỉnh, thành như Bình Dương, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh... đã làm rất tốt công tác xúc tiến đầu tư nên Vĩnh Long trong điều kiện còn khó khăn về kinh phí, về năng lực mà muốn hoạt động xúc tiến đạt được hiệu quả cao thì không dễ dàng gì. Vì thế, Vĩnh Long nên tìm cách hợp tác xúc tiến đầu tư với các tỉnh, thành này để có cơ hội học hỏi và đỡ tốn kém cho chi phí hoạt động.

➤ Tranh thủ tháp tùng các phái đoàn cấp cao của Đảng, Chính phủ ta đi thăm, làm việc với các nước để tổ chức các cuộc hội thảo giới thiệu môi trường đầu tư cho địa phương, mời các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước phát biểu tại các cuộc hội thảo nhằm xây dựng hình ảnh tốt về sự quan tâm của Chính phủ đối với đầu tư nước ngoài.

➤ Xây dựng nguồn kinh phí ổn định phục vụ công tác xúc tiến đầu tư. Bởi vì nếu có nguồn kinh phí ổn định và tương đối thì lãnh đạo tỉnh sẽ có cơ hội đi kêu gọi đầu tư ở trong và ngoài nước. Hình thức này rất tốn kém nhưng mang lại hiệu quả rất

cao, chẳng hạn như tỉnh Bình Dương đã đi xúc tiến đầu tư ở nước Mỹ và đã mang về cho địa phương rất nhiều dự án đầu tư. Riêng đối với tỉnh Bình Định để thu hút đầu tư các đồng chí lãnh đạo tỉnh Bình Định "không chịu" ngồi chờ các nhà đầu tư đến gọi mình, đích thân các ông Chủ tịch, phó Chủ tịch UBND tỉnh ôm cặp đi các nơi làm "tiếp thị" từ Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội đến Singapore, Philippines, Trung Quốc...⁽¹³⁾. Tuy nhiên Vĩnh Long là tỉnh còn mới trong vấn đề thu hút đầu tư nước ngoài nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác xúc tiến đầu tư, cho nên để làm được điều này đòi hỏi lãnh đạo tỉnh và cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư phải có sự nỗ lực rất lớn cả về tiền bạc, năng lực và trình độ chuyên môn...

➤ Lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2006 - 2010 với các ngành nghề, các lĩnh vực ưu tiên đầu tư, khuyến khích đầu tư (trình bày trong giải pháp 3.2.1) Giao cho Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư cùng các ngành, các huyện thị triển khai xây dựng các dự án.

3.2.3.3 Lợi ích dự tính đạt được từ giải pháp

Theo nhận định của chúng tôi, thời gian qua tình hình thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và cả ĐBSCL đạt rất thấp, điều đó không có nghĩa là do nơi đây không có tiềm năng kinh tế mà ngược lại do chúng ta chưa giới thiệu hết những tiềm năng đó, nhiều nhà đầu tư nước ngoài cứ nhìn thấy nơi đây là vùng bị ngập lũ thường xuyên, dân trí thấp, mức sống người dân thì nghèo hơn các vùng khác nên họ rất e dè khi có ý định đầu tư vào đây. Lợi ích từ công tác xúc tiến đầu tư là rất lớn bởi vì trong xu thế hiện nay nguồn vốn đầu tư trên thế giới đang có xu hướng chảy về các nước đang phát triển với môi trường chính trị ổn định và kinh tế phát triển như Việt Nam, mà hiện tại chúng ta chưa khai thác hết nguồn vốn đầu tư dồi dào này. Vì vậy nếu chúng ta làm tốt công tác xúc tiến đầu tư thì chắc chắn rằng ngày càng có nhiều nhà đầu tư nước ngoài sẽ biết đến Vĩnh Long với những tiềm năng thế mạnh chưa được đầu tư khai thác và khả năng thu hút nguồn vốn FDI sẽ được tăng lên. Tuy nhiên, với xu thế toàn cầu hoá sự cạnh tranh trong thu hút nguồn vốn FDI ngày càng trở nên khốc liệt hơn, cho nên để thực hiện tốt giải pháp này là một thách thức đặt ra đối với địa phương.

3.2.3.4 Những khó khăn khi thực hiện giải pháp này:

Khi triển khai thực hiện giải pháp này, chúng ta gặp không ít khó khăn trong vấn đề kinh phí cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Bởi vì thời gian qua nguồn thu ngân sách từ các dự án FDI là rất ít, vì vậy để lập quỹ xúc tiến đầu tư là rất khó khăn cho tỉnh (hiện tại Vĩnh Long cũng còn là một tỉnh thuần nông nên nguồn thu ngân sách hàng năm của tỉnh cũng không nhiều). Mà muốn làm tốt công tác xúc tiến đầu tư thì phải tốn nhiều kinh phí (trong phần nội dung giải pháp có đề cập đến). Đây là khó khăn lớn nhất mà chúng ta có thể khắc phục bằng cách huy động các nguồn vốn nhân rộng trong dân như mua trái phiếu, tiết kiệm các khoản chi thường xuyên trong ngân sách của tỉnh để cung cấp cho quỹ xúc tiến đầu tư nhằm đáp ứng cho hoạt động xúc tiến đầu tư đạt hiệu quả hơn.

3.2.4 Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa cơ sở hạ tầng

3.2.4.1 Quan điểm đề xuất giải pháp:

- Cơ sở hạ tầng phải được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, hợp lý, đảm bảo tính hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Cơ sở hạ tầng phải đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư nước ngoài.

3.2.4.2 Nội dung giải pháp:

Các giải pháp, chính sách chủ yếu nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở tỉnh là:

- Cần phải đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng ở các khu công nghiệp và tuyến công nghiệp, bởi vì có khu công nghiệp, tuyến công nghiệp với cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh và được sự ưu đãi hỗ trợ của địa phương sẽ dễ dàng lôi cuốn các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy tỉnh cần ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng ở các khu công nghiệp và coi đây là điều kiện tiên quyết.
- Tiếp tục xây dựng mạng lưới điện trung thế, hạ thế cho các khu đô thị mới, các khu công nghiệp và nâng cấp, cải tạo lưới điện cho các đô thị.
- Mở rộng mạng lưới bưu điện đến hầu hết các vùng nông thôn sâu trong tỉnh.
- Khẩn trương kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải ở các khu, tuyến công nghiệp, không để xảy ra tình trạng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo tốt vệ sinh môi trường ở nơi đây.

➤ Bằng nguồn vốn ngân sách, đầu tư xây dựng các đường vành đai quanh thị xã, các đường giao thông đô thị mới theo quy hoạch thị xã Vĩnh Long thành thành phố trực thuộc tỉnh (đô thị loại 3). Đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng thị trấn Cái Vồn thành thị xã (đô thị loại 4), trung tâm xã Tân Quới thành thị trấn (đô thị loại 5). Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tỉnh lộ mới, mở rộng nâng cấp các tỉnh lộ hiện có.

➤ Xúc tiến quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng các công trình cầu, đường, khu trung tâm thương mại, khu hành chính, trung tâm văn hóa, giáo dục, y tế...theo Nghị quyết tỉnh Đảng bộ giai đoạn 2005 - 2010 đề ra.

3.2.4.3 Lợi ích dự tính đạt được từ giải pháp:

Cơ sở hạ tầng được đảm bảo là cơ sở thúc đẩy đầu tư, bởi vì có cơ sở hạ tầng tốt sản phẩm và dịch vụ mới lưu thông nhanh chóng, chi phí trung gian giảm, vốn đầu tư đem lại hiệu quả cao hơn và nhanh hơn nên thu được nhiều lợi nhuận hơn. Đây là mục tiêu mà các nhà đầu tư đặt ra khi đầu tư dự án.

3.2.5 Thực hiện tốt chính sách “5 sẵn sàng”

Để đẩy mạnh thu hút FDI cần thực hiện tốt chính sách “5 sẵn sàng”

3.2.5.1 Sẵn sàng về thông tin:

Khi các doanh nhân nước ngoài muốn tìm hiểu về môi trường đầu tư của tỉnh thì Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư của tỉnh có nhiệm vụ cung cấp mọi thông tin cho nhà đầu tư và nếu có vấn đề nào mà nhà đầu tư chưa hiểu thì cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư phải giải thích đồng thời lắng nghe những dự định nguyện vọng của nhà đầu tư để cùng họ hoạch định những dự án có tính khả thi.

Đối với các DN FDI đang hoạt động sản xuất kinh doanh ở tỉnh thì Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư cần phải cung cấp kịp thời các thông tin có liên quan đến lĩnh vực đầu tư của các DN này như: thông tin về thị trường, hàng hóa, khách hàng tiêu dùng...Mặc dù ở các DN đều có bộ phận làm chức năng này nhưng nếu cung cấp được như vậy sẽ tạo được ấn tượng tốt đối với các DN và họ cảm thấy được tỉnh quan tâm khi đầu tư tại Vĩnh Long.

3.2.5.2 Sẵn sàng về đất đai:

Trước đây có một số tập đoàn kinh tế lớn như tập đoàn Singapore khi xuống tỉnh tìm hiểu và cũng có ý định đầu tư nhưng do khâu giao đất đai cho nhà đầu tư quá

chậm đã làm nản lòng và họ rút lui không muốn đầu tư nữa. Vì vậy, tỉnh cần phải chủ động tạo quỹ đất khi nhà đầu tư cần là có ngay. Để làm được điều đó cần thực hiện tốt hai vấn đề sau:

Thứ nhất: Với các nhà đầu tư, thường chi phí lớn nhất là đầu tư mặt bằng, mua quyền sử dụng đất. Tuy nhiên khi được hướng dẫn vào thuê đất trong khu công nghiệp, nhiều khi họ không muốn. Một mặt là do tâm lý sợ vào khu công nghiệp sẽ chịu nhiều khoản chi phí cao, mặt khác do muốn theo ý thích của họ. Do vậy ước muốn của nhiều nhà đầu tư là có đất riêng để thuê. Do đó để thu hút được vốn đầu tư nước ngoài, tỉnh cần tạo quỹ đất công để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể thuê khi đầu tư dự án như:

- Quy hoạch đất đã được duyệt nhưng cần được chi tiết hoá về khu vực dành cho phát triển công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Từ đó chấm dứt việc xây dựng nhà cửa, công trình vĩnh cửu trên đất đó, góp phần giảm chi phí giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất.

- Tuy không nhiều nhưng tỉnh hiện có một số đất đai, trụ sở, nhà ở. Do vậy tỉnh cần rà soát, bố trí, sắp xếp hợp lý sẽ dôi dư ra một số diện tích trụ sở, đất đai. Hoán đổi các diện tích dư thừa nhỏ lẻ thành diện tích lớn để dành cho thuê hay sử dụng cho xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Cho phép nhà đầu tư nước ngoài được mua quyền sử dụng đất, thuê đất của tư nhân trong tỉnh.

Thứ nhì: Nhiều dự án đầu tư có chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư, hồ sơ thủ tục đền bù phức tạp và khi triển khai thực hiện thường gặp khó khăn do phải điều chỉnh tăng giá đền bù nên đã kéo dài thời gian thực hiện dự án làm nản lòng các nhà đầu tư. Cho nên công tác quy hoạch đất cho các khu, tuyến công nghiệp cần phải tiến hành nhanh chóng. Để giải quyết tốt vấn đề này cần thực hiện như sau:

- Trước tiên các Báo, Đài phải thường xuyên tuyên truyền về tầm quan trọng của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Vĩnh Long để từng người dân nhận thức đúng đắn vai trò và ý nghĩa của thu hút

đầu tư nước ngoài, để từ đó bà con có ý thức chấp hành chủ trương chính sách của nhà nước và không gây khó dễ trong vấn đề quy hoạch đất.

➤ Các khu công nghiệp, tuyến công nghiệp nếu được quy hoạch, nhà nước cần ưu tiên tập trung vốn để giải quyết dứt điểm vấn đề đền bù, giải tỏa tránh tình trạng kéo dài việc đền bù giải tỏa hoặc khi đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp, tuyến công nghiệp người dân gây áp lực đi tăng giá đền bù gây khó khăn trong vấn đề cho thuê đất sau này.

➤ Giám sát và kiểm tra việc đền bù giải tỏa mặt bằng theo đúng tiến độ, giải quyết khiếu nại và thắc mắc của các hộ dân.

➤ Tổ chức thi công nhanh cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dời dân đến xây dựng nhà ở ổn định cuộc sống.

➤ Khẩn trương kêu gọi các nhà đầu tư đến xây dựng cơ sở hạ tầng ở các phần đất đã giải tỏa xong trong khu công nghiệp, tuyến công nghiệp.

3.2.5.3 Sẵn sàng về lao động: nguồn lao động phải dồi dào, đủ về chất để cung cấp cho các nhà đầu tư khi có nhu cầu về lao động. Công nhân là người trực tiếp làm ra sản phẩm, nên tay nghề yếu tất nhiên chất lượng sản phẩm không đảm bảo sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy mà địa phương nào có ưu thế về lao động sẽ có cơ hội thuận lợi hơn để thu hút đầu tư.

Để có nguồn lao động đủ về số lượng và đạt về chất lượng, sẵn sàng đáp ứng cho các nhà đầu tư nước ngoài khi có nhu cầu thì cần làm tốt các vấn đề sau:

➤ Đào tạo, tái đào tạo nghề phổ thông

- Để đảm bảo đủ lao động qua đào tạo có nghề nghiệp chuyên môn cao cung cấp cho các doanh nghiệp nước ngoài, tỉnh phải có chính sách đầu tư nâng chất các Trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề ở tỉnh và các huyện, thị cả về quy mô, trang thiết bị dạy nghề, năng lực và trình độ của giáo viên.

- Tỉnh cần có chính sách vận động và tạo điều kiện cho những người lao động có đất bị quy hoạch hiện đang bị thất nghiệp được học nghề tại các trung tâm dạy nghề để sau này xin làm ở các doanh nghiệp nước ngoài nhằm đảm bảo cuộc sống cho họ.

➤ Đào tạo đội ngũ lao động có tri thức và tay nghề cao

- Hình thành một số trung tâm huấn luyện cao cấp để phát triển theo chiều sâu của đội ngũ lao động có hàm lượng chất xám hay kỹ năng tay nghề cao. Đào tạo lao động này nhằm phục vụ các ngành công nghệ mũi nhọn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa; làm việc trong các doanh nghiệp yêu cầu lao động có chất lượng cao. Trung tâm hoạt động theo phương thức đào tạo theo đơn đặt hàng của người sử dụng lao động.

- Các Trường chuyên nghiệp và các Trung tâm dạy nghề ở tỉnh nên liên kết với các trường có uy tín về chất lượng đào tạo để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao kiến thức cho đội ngũ lao động tri thức cũng như kỹ năng tay nghề cao cho đội ngũ lao động kỹ thuật đang làm việc tại địa phương.

➤ Nâng cao chất lượng làm việc của các trung tâm, dịch vụ giới thiệu việc làm:

Hiện tại ở tỉnh có các trung tâm dịch vụ việc làm đảm nhiệm nhưng hầu hết là hiệu quả thấp không phù hợp với mong muốn các nhà đầu tư nước ngoài. Cho nên cần phải tổ chức, sắp xếp lại bộ máy làm việc trong các cơ quan tư vấn dịch vụ giới thiệu việc làm để các đơn vị này làm việc mang tính chuyên nghiệp hơn về cung cấp lực lượng lao động cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

➤ Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện luật lao động:

Các cơ quan chức năng của tỉnh phải luôn theo dõi tình hình lao động trong các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh, nắm tình hình đời sống của công nhân lao động như: mức thu nhập, điều kiện làm việc, các chế độ đãi ngộ... để bảo vệ quyền lợi cho công nhân lao động, hạn chế thấp nhất tình trạng đình công, bãi công và kiện cáo của công nhân, tạo một môi trường lao động đẹp hơn trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài.

3.2.5.4 Sẵn sàng giúp đỡ

Lập đường dây nóng giữa UBND mà đại diện là Sở Kế hoạch Đầu tư với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, trong đó có các doanh nghiệp FDI. Thông qua đường dây này, lãnh đạo tỉnh nắm được các yêu cầu của các doanh nghiệp để hỗ trợ họ giải quyết các vướng mắc khi cần thiết.

UBND tỉnh cũng chỉ đạo cho Sở Kế hoạch Đầu tư cùng với các cơ quan, ban, ngành cử cán bộ theo dõi hỗ trợ các doanh nghiệp FDI hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi.

3.2.5.5 Sản sàng xúc tiến thương mại

Xúc tiến thương mại nhằm tạo điều kiện cho hoạt động bán hàng của doanh nghiệp được thuận lợi hơn để họ cảm thấy an tâm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của mình.

Những giải pháp hỗ trợ xúc tiến thương mại của tỉnh Vĩnh Long đối với các doanh nghiệp FDI:

➤ Xúc tiến thương mại các mặt hàng, sản phẩm của các doanh nghiệp FDI thông qua trang web của trung tâm xúc tiến thương mại & Đầu tư và thông qua các Chi nhánh Trung tâm xúc tiến thương mại-đầu tư của Vĩnh Long tại TP Hồ Chí Minh và Hà Nội (được nêu trong phần đầu nội dung thứ nhất giải pháp 3.3.3)

➤ Tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, cần được chuẩn bị kỹ càng đảm bảo tính hiệu quả. Nếu như không có khả năng tổ chức hội chợ, triển lãm hàng hóa cho các doanh nghiệp ở quy mô đầu tư lớn thì có thể tận dụng các cơ hội xúc tiến thương mại của Cục Xúc tiến thương mại & Đầu tư (Bộ Thương mại) để xin tham gia xúc tiến thương mại hoặc có thể liên kết hợp tác với các tỉnh, thành để cùng nhau tổ chức các diễn đàn lớn mà đỡ tốn kém nhiều chi phí.

➤ Tỉnh nên chủ động thiết lập mối quan hệ gắn bó với các tổ chức xúc tiến nước ngoài đang đóng trên lãnh thổ Việt nam, qua đó có thể khai thác thị trường, tìm kiếm các đối tác thương mại và đầu tư thông qua các tổ chức này hoặc có thể thông qua các tổ chức này để xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp.

3.2.5.6 Lợi ích dự tính đạt được từ giải pháp này:

Để thực hiện được giải pháp này, chúng ta phải thực hiện tốt 5 vấn đề về đất đai, nguồn thông tin, nguồn lao động, xúc tiến thương mại, sự quan tâm giúp đỡ của tỉnh. Tuy nhiên nếu giải pháp này được thực hiện tốt thì môi trường đầu tư của tỉnh được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá rất cao, bởi vì các nhà đầu tư nước ngoài không đặt nặng vấn đề về lợi thế từ các yếu tố ưu đãi như giảm giá cho thuê đất, giảm thuế, hạ giá dịch vụ...mà đa số các nhà đầu tư nước ngoài đều mong muốn mọi việc được đáp ứng kịp thời cho dự án đầu tư của họ. Trong 5 vấn đề trên, sự sẵn sàng về đất đai là cần thiết nhất, bởi vì đối với các nhà đầu tư nước ngoài thì nguồn tài chính rất mạnh, cho nên khi họ triển khai thực hiện dự án rất thuận lợi và nhanh chóng nhưng có

thể do sự “chậm chạp” trong khâu giao đất sẽ làm họ nản lòng và rút lui ngay. Vì vậy sự sẵn sàng cho 5 vấn đề trên là rất cần thiết tạo sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

3.2.6 Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cải cách các thủ tục hành chính về đầu tư nước ngoài

3.2.6.1 Quan điểm đề xuất giải pháp:

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nhằm xây dựng cơ chế, chính sách quản lý gọn, nhẹ, trong sạch và tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Cải cách hành chính nhằm xây dựng cơ chế, quy trình quản lý hành chính đơn giản, khoa học, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp.

3.2.6.2 Nội dung đề xuất giải pháp:

Theo kinh nghiệm thực tế cho thấy, đối với các địa phương như tỉnh Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công tác này rất tốt nên đã thu hút rất nhiều dự án đầu tư về cho địa phương. Vì vậy, để thu hút nhiều dự án FDI, tỉnh Vĩnh Long cần cố gắng nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý nhà nước và tiếp tục thực hiện tốt cải cách hành chính theo các nội dung như sau:

Thứ nhất: Tăng cường công tác tổ chức và quản lý nhà nước các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tập trung vào các vấn đề:

➤ Tăng cường công tác cải tiến tổ chức và quản lý Nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay theo hướng thường trực UBND tỉnh quản lý thống nhất song có sự phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, quyền hạn và trách nhiệm đối với một số cơ quan ban, ngành trong việc tham gia thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

➤ Các cấp, các ngành, địa phương có liên quan đến thu hút FDI phải nêu cao vai trò, trách nhiệm trong quá trình giải quyết vấn đề theo cấp thẩm quyền của mình.

➤ Thành lập Hội đồng tư vấn đầu tư trực tiếp nước ngoài gồm Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc các sở ngành có liên quan. Hội đồng tư vấn đầu tư có đủ thẩm quyền giải quyết các vướng mắc của các nhà đầu tư trong thời gian ngắn nhất và trong phạm vi quy định của luật mà không phải bàn bạc, xin phép ý kiến.

➤ Hội đồng tư vấn đầu tư trực tiếp nước ngoài tổ chức giao ban thường kỳ nhanh gọn, giải quyết ngay các vướng mắc trong quá trình đầu tư; quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp như: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thủ tục cấp phép và triển khai thực hiện dự án, xuất nhập khẩu hàng hóa, thị trường tiêu thụ...

Thứ nhì: Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng “một cửa tại chỗ”:

➤ Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa cùng với các hoạt động tư vấn xúc tiến thương mại và đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để làm đầu mối quản lý, hỗ trợ, tư vấn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Các Sở, ban, ngành và địa phương cần áp dụng ngay mô hình quản lý chất lượng ISO 9001 trong quản lý nhà nước và dịch vụ quản lý nhà nước để giúp bộ máy quản lý hành chính gọn nhẹ, hợp lý hơn, thủ tục hành chính đơn giản hơn.

➤ Công khai hóa các thủ tục hành chính một cách rõ ràng, cụ thể cho các nhà đầu tư thực hiện.

➤ Nên tập trung về một đầu mối quản lý các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, giao cho Ban Quản lý các khu công nghiệp hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư nhằm tránh chồng chéo trong việc quản lý, không phát huy hết sức mạnh, để các dự án nhanh chóng được triển khai. Đồng thời để các nhà đầu tư nước ngoài không phải lúng túng trong việc làm các thủ tục đăng ký, cấp phép kinh doanh là không biết phải đến liên hệ nơi nào...(vì như hiện nay các dự án nằm trong khu công nghiệp thì Ban Quản lý các khu công nghiệp quản lý và cấp phép kinh doanh, còn các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thì Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý và cấp phép kinh doanh).

➤ Xây dựng quy chế đăng ký kinh doanh thay vì chế độ cấp giấy phép như hiện nay đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh hoạt động thuộc quyền quản lý của tỉnh (vì theo lộ trình thực thi Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ đầu năm 2004, các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào các khu công nghiệp chuyển sang chế độ đăng ký thành lập doanh nghiệp tương tự như doanh nghiệp tư nhân), vì đến hết năm 2011 (10 năm sau khi Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ có hiệu lực) trừ một số dự án đặc biệt, còn lại bãi bỏ cấp giấy phép đầu tư đối với những dự án đầu tư nước ngoài chuyển sang chế độ đăng ký đầu tư. Việc chủ động xây

dụng quy chế đăng ký đầu tư phù hợp với yêu cầu quản lý của địa phương có ý nghĩa quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh. ⁽¹⁴⁾

3.2.6.3 Lợi ích dự kiến đạt được từ giải pháp:

Nếu chúng ta thực hiện tốt giải pháp này sẽ tạo nên môi trường làm việc theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh được dễ dàng hơn, đồng thời các doanh nghiệp được đối xử bình đẳng như nhau, tránh tình trạng doanh nghiệp nào “chạy” giỏi thì được ưu tiên hơn các doanh nghiệp khác. Giải pháp này góp phần làm cho môi trường đầu tư của tỉnh được trong sạch, minh bạch hơn dưới cái nhìn của các nhà đầu tư nước ngoài.

3.2.7 Tạo lập thị trường hấp dẫn đầu tư:

Ngoài các giải pháp được nêu ở phần trên, tỉnh Vĩnh Long cũng nên tạo lập thị trường hấp dẫn đầu tư ở lĩnh vực tiền thuê đất, thuế, hỗ trợ về các dịch vụ. Mặc dù các yếu tố này không quan trọng lắm nhưng cũng góp phần không nhỏ đến thu hút FDI trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, để tạo lập thị trường hấp dẫn đầu tư, trước mắt tỉnh cần tập trung thực hiện các vấn đề như sau:

a. Tiền thuê đất

➤ Trong khu công nghiệp: Đối với khu công nghiệp được đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, trong phạm vi quyền hạn của tỉnh có thể áp dụng mức giá thấp nhất trong khung giá do Chính phủ qui định. Với các khu công nghiệp chưa hoàn chỉnh nếu nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, sau đó tỉnh hoàn trả trong thời gian nhất định kèm theo lãi suất thông thường.

➤ Ngoài khu công nghiệp: Mức giá chung thấp hơn trong khu công nghiệp và tùy thuộc vào tình hình cụ thể mà áp dụng mức giá thuê đất khác nhau. Với các dự án đòi hỏi vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nhiều thì áp dụng mức giá thuê đất thấp hơn những dự án phải đầu tư cơ sở hạ tầng ít.

➤ Với vùng khó khăn, xa đô thị, xa trục lộ giao thông tùy theo tình hình cụ thể của từng dự án mà có thể miễn hoàn toàn hoặc thu tiền sử dụng đất không đáng kể (trong phạm vi cho phép của Chính phủ).

b. Ứng dụng các chính sách khuyến khích đầu tư và chính sách thuế

➤ Ngoài các chính sách ưu đãi về thuế theo qui định của Chính phủ. Tỉnh cần phải lập quỹ khuyến khích đầu tư để hỗ trợ cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước được vay một phần vốn không lãi. Quỹ hỗ trợ đầu tư huy động từ các nguồn ngân sách tạm thời còn nhàn rỗi, vốn đầu tư ban đầu của ngân sách, vốn hỗ trợ phát triển của các tổ chức quốc tế...

➤ Các sắc thuế do Luật thuế quy định, tỉnh không có quyền thay đổi nhưng tỉnh có thể ưu đãi giảm một phần thuế cho các dự án đầu tư mới dưới hình thức đầu tư cho ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất.

➤ Đối với các dự án trong bước đầu hoạt động còn gặp nhiều khó khăn về thị trường, giá cả, hàng hóa thì có thể ưu tiên cho các dự án này được nộp chậm các khoản thuế theo thời gian nhất định.

c. Trong thực hiện cấp phép đầu tư như hiện nay cần qui định cụ thể thời gian cấp phép cho từng loại dự án phân cấp, đồng thời có sự phối hợp tốt giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp với các ngành chức năng như Tài nguyên môi trường, Thuế, Điện lực, Cấp nước, phòng cháy chữa cháy... trong việc giải thích các thông tin cần thiết khi nhà đầu tư nước ngoài yêu cầu.

Tỉnh cũng nên có chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư bằng cách kéo điện, nước đến hàng rào các nhà đầu tư, chứ không phải như hiện nay là chỉ đến hàng rào các khu công nghiệp. Giải pháp này được các tỉnh miền trung làm rất tốt và đã mang lại hiệu quả trong thu hút đầu tư mà Vĩnh Long cũng cần phải học tập.

3.2.8 Các giải pháp khác

Ngoài các giải pháp đã nêu ở phần trên, những giải pháp sau đây cũng góp phần hỗ trợ trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, chẳng hạn như:

➤ Tỉnh cần có kế hoạch, định hướng phát triển các thành phần kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ để hỗ trợ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh, bởi vì các ngành công nghiệp phụ trợ, các nguồn nguyên liệu đầu vào... là rất cần thiết đối với các dự án đầu tư.

➤ Tỉnh xây dựng kế hoạch hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế đang kinh doanh những mặt hàng chủ lực như: tìm kiếm nguồn vốn

để bảo lãnh cho các doanh nghiệp vay vốn với lãi suất ưu đãi để đầu tư đổi mới công nghệ; hỗ trợ xúc tiến thương mại; hỗ trợ tìm kiếm thị trường... để cho các doanh nghiệp này hoạt động có hiệu quả. Và trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp này có cơ hội kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài liên kết liên doanh để tạo thêm sức mạnh cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước.

➤ Vĩnh Long nằm ở trung tâm ĐBSCL, là vùng có cây ăn trái lớn, nguồn thủy sản dồi dào và là nơi có nghề gốm mỹ nghệ phát triển nhất vùng, nếu biết phát huy vị trí hiện có thì tỉnh sẽ trở thành trung tâm thương mại nông sản, thủy sản và các sản phẩm độc đáo của vùng. Cho nên thực hiện quy hoạch phát triển các hoạt động thương mại dịch vụ là rất cần thiết. Để làm được điều này tỉnh cần quy hoạch quỹ đất xây dựng các trung tâm thương mại, chẳng hạn như: trung tâm thương mại nông sản, trung tâm thương mại thủy sản... và ở mỗi trung tâm có khu cho các tập đoàn kinh doanh siêu thị bán buôn và bán lẻ, biến nơi đây trở thành nơi phân phối hàng hóa cho toàn khu vực ĐBSCL. Với giải pháp này tỉnh vừa có thể thu hút các dự án nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực thương mại vừa tạo lòng tin cho các doanh nghiệp nước ngoài trong việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu hoặc tiêu thụ sản phẩm làm ra.

➤ Khi các dự án đầu tư vào tỉnh thì sẽ có nhu cầu về vốn. Mà nhu cầu về vốn chủ yếu là vốn vay ngân hàng, điều này sẽ mở ra một nhu cầu vốn lớn mà các ngân hàng cần đáp ứng, cho nên các ngân hàng thương mại ở Vĩnh Long cần củng cố lại hoạt động kinh doanh theo hướng hiện đại hơn; áp dụng các công nghệ tin học tiên tiến để thực hiện các dịch vụ gia tăng phục vụ khách hàng như: Home banking, Internet banking... mở rộng dịch vụ thanh toán thẻ, máy rút tiền tự động ATM để phát huy lợi thế cạnh tranh của mình. Hiện tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh chưa vay vốn với các ngân hàng thương mại ở tỉnh mà vay vốn ở các ngân hàng nước ngoài tại TP Hồ Chí Minh do có quan hệ sẵn của phía đối tác nước ngoài, vì vậy tỉnh cũng cần có chính sách kêu gọi thu hút các ngân hàng nước ngoài đến mở chi nhánh.

Kiến nghị các đơn vị có liên quan

✧ Kiến nghị với Chính phủ

➤ Trong thời gian qua nhiều địa phương đã ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư vượt qua thẩm quyền cho phép, làm cho chính sách đầu tư nước ngoài của nước ta

thiếu nhất quán trên phạm vi cả nước và dẫn tới cạnh tranh thu hút đầu tư không lành mạnh. Vì vậy Chính phủ nên yêu cầu các địa phương rà soát, sửa đổi, bãi bỏ ngay các quy định về ưu đãi đầu tư theo như Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 29/12/2005 của Chính phủ đã được ban hành, đồng thời kiểm tra và xử phạt những địa phương có những chính sách ưu đãi đầu tư sai quy định để đảm bảo tính thống nhất về chính sách ưu đãi đầu tư nhằm tạo nên một môi trường đầu tư thật sự lành mạnh ở từng địa phương trong cả nước.

➤ Thời gian tới, Chính phủ cần phải tập trung đầu tư vào khu vực ĐBSCL, đặc biệt là đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng. Đồng thời cần phải có sự chỉ đạo thống nhất giữa Trung ương và địa phương để tạo nên sự thu hút đồng bộ cho cả khu vực ĐBSCL, tránh xảy ra tình trạng từng địa phương cứ đua nhau kêu gọi đầu tư, gây nên sự cạnh tranh không lành mạnh lẫn nhau, ảnh hưởng đến sức hấp dẫn của khu vực này.

✧ Kiến nghị với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

➤ Triển khai thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư, ban hành các Nghị định và thông tư hướng dẫn 2 luật trên, đồng thời tuyên truyền tập huấn, phổ biến nội dung 2 luật và các văn bản có liên quan cho các cán bộ quản lý từ Trung ương đến địa phương để sớm đưa Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư vào thực hiện một cách đồng bộ và nhất quán.

➤ Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, hội chợ nhằm giới thiệu về tiềm năng vùng ĐBSCL cũng như các cơ hội đầu tư ở nơi đây để tỉnh Vĩnh Long có điều kiện quảng bá, giới thiệu tiềm năng thế mạnh trong thu hút đầu tư.

➤ Tỉnh Vĩnh Long là tỉnh nông nghiệp, tốc độ phát triển kinh tế chưa cao, ngân sách địa phương còn hạn hẹp nên gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, do đó ngoài chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp theo Quyết định 183 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên xem xét tính thêm mức hỗ trợ đầu tư cho tỉnh Vĩnh Long.

✧ Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo

Với những lợi thế của tỉnh trong việc giáo dục và đào tạo trong thời gian qua, những năm sắp tới Bộ Giáo dục và Đào tạo nên quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thành

"vùng đất học" và có những chính sách hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, chính sách đào tạo để nâng chất lượng đào tạo ở các trường trong tỉnh, nhằm cung cấp nguồn nhân lực cho tỉnh nói riêng cũng như cho khu vực ĐBSCL nói chung.

✧ ***Kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh xã hội***

Trong hoạt động đầu tư nước ngoài thời gian qua và hiện nay đã nảy sinh một số vấn đề phức tạp, trong đó đặc biệt nổi lên là vấn đề đình công tại thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh phía Nam. Ngoài các nguyên nhân như một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện đúng quy định của luật pháp về lao động, kéo dài thời gian học nghề, không thực hiện đúng chế độ bảo hiểm xã hội còn có nguyên nhân đòi tăng lương tối thiểu không được đáp ứng trong một thời gian dài. Vì vậy, kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh xã hội kết hợp với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cần có những chính sách, biện pháp cụ thể hơn để buộc các doanh nghiệp có vốn nước ngoài phải thực hiện đúng các quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động tránh trường hợp xảy ra đình công từ phía công nhân lao động mà điều này sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến môi trường đầu tư của nước ta nói chung cũng như các địa phương trong thu hút đầu tư.

✧ ***Kiến nghị UBND tỉnh Vĩnh Long***

Kiến nghị Lãnh đạo tỉnh chỉ đạo, triển khai các nội dung được nêu trong phần giải pháp.

Kết luận chương 3

Kết quả thu hút FDI ở tỉnh Vĩnh Long rất hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh cũng như so với nhu cầu huy động vốn nhằm thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới. Chính vì thế chúng ta cần phải nhìn nhận một cách khách quan và chủ quan về môi trường đầu tư cũng như những chính sách hấp dẫn đầu tư trên địa bàn tỉnh, để từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trong giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 2006 - 2010 ở Vĩnh Long, bài viết này tập trung chủ yếu vào 8 giải pháp cần được xem xét và chỉ đạo thực hiện để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thu hút FDI ở tỉnh Vĩnh Long. Đồng thời cũng đề xuất các kiến nghị đối với Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan nhằm góp phần tác động, hỗ trợ các giải pháp thực hiện tốt hơn trong quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tuy nhiên với những giải pháp, kiến nghị được nêu ra ở đây, điều quan trọng là thực thi các vấn đề đó như thế nào còn phụ thuộc vào nhận thức cũng như khả năng nhìn nhận vấn đề của các cấp lãnh đạo tỉnh trong chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế xã hội ở Vĩnh Long trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Qua quá trình phân tích từ cơ sở lý luận đến thực tiễn, chúng ta nhận thấy rằng việc thu hút FDI là vấn đề rất có ý nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế ở các quốc gia dù là quốc gia phát triển, đang phát triển hoặc chậm phát triển.

Đối với nước ta nguồn vốn FDI có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Sau gần 20 năm triển khai thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, nguồn vốn FDI đã góp phần tích cực trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế... Chính vì thế với chủ trương của Đảng và Nhà nước, mỗi địa phương cần phải có trách nhiệm trong việc thu hút FDI để phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và của toàn xã hội trong đó không loại trừ tỉnh Vĩnh Long.

Là một tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, Vĩnh Long vừa có những lợi thế riêng vừa phải đương đầu với những khó khăn của một tỉnh nông nghiệp, vì vậy việc hoạch định chính sách thu hút đầu tư là một việc vô cùng khó khăn và quan trọng đối với tỉnh trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Và cũng từ thực tiễn hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở địa phương thời gian qua cho thấy, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn không ít những tồn tại, vướng mắc cần phải nhận biết để có những giải pháp, định hướng nhằm tháo gỡ, giải quyết hữu hiệu hơn nữa.

Khi tiến hành viết về đề tài này, chúng tôi hy vọng rằng những nội dung được trình bày trong đề tài sẽ góp phần thiết thực vào việc thu hút FDI để phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên, vấn đề thu hút FDI là một lĩnh vực rất rộng lớn, liên quan đến nhiều vấn đề, nhiều lĩnh vực, vì vậy những giải pháp được nêu lên ít nhiều mang tính chủ quan của tác giả, có lẽ khi thực hiện sẽ gặp không ít khó khăn, bất cập. Rất mong nhận được sự góp ý từ các Thầy Cô, nhà khoa học cũng như những ai quan tâm đến đề tài này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. SÁCH, ÁN PHẨM, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

- [1]. Fredr David (2006), "*Khái luận về quản trị chiến lược*", NXB Thống Kê 3/2006
- [2]. GS.TS. Võ Thanh Thu, TS.Ngô Thị Ngọc Huyền, KS Nguyễn Cương (2004), "*Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài*", NXB Thống Kê năm 2004.
- [3]. GS.TS. Võ Thanh Thu (2005), "*Nghiên cứu xây dựng chiến lược, đề xuất giải pháp thực hiện chương trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Vĩnh Long đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020*", Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh
- [4]. Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương (2005), "*Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*", Hà Nội 3/2005
- [5]. Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (2006), "*Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2006*"
- [6]. Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long, "*Niên giám thống kê Vĩnh Long 2000, 2003, 2005*"
- [7]. UBND tỉnh Vĩnh Long (2002), "*Vĩnh Long - cơ hội đầu tư*"
- [8]. UBND tỉnh Vĩnh Long (2001), "*Chương trình thu hút và thực hiện các nguồn vốn đầu tư nước ngoài và ngoài tỉnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2001 - 2005*"

B. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- [1]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2005), "*Báo cáo về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài năm 2005*"
- [2]. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Long (2005), "*Báo cáo tổng kết công tác năm 2005 và chương trình công tác năm 2006*"
- [3]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), "*Nghị định số 24/2000/NĐ-CP, quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*"
- [4]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), "*Nghị định số 27/2003/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*"
- [5]. Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long (2005), "*Báo cáo tổng kết công tác Thuế 5 năm (2000 - 2005)*"

- [6]. Sở Công nghiệp tỉnh Vĩnh Long (2005), "*Báo cáo tình hình phát triển CN - TTCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2001 - 2005 và định hướng kế hoạch 2006 - 2010*"
- [7]. Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Vĩnh Long (2006), "*Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long 6 tháng đầu năm 2006*"
- [8]. Thủ tướng Chính phủ (2001), "*Chỉ thị số 19/2001/CT-TTg ngày 28/8/2001 về tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả đầu tư nước ngoài tại Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005*"
- [9]. Thủ tướng Chính phủ (2005), "*Chỉ thị số 13/2005/CT-TTg ngày 8/4/2005 về một số giải pháp nhằm tạo chuyển biến mới trong công tác thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*"
- [10]. Thủ tướng Chính phủ (2001), "*Nghị quyết số 09/2001/NQ-CP ngày 28/8/2001 về tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài thời kỳ 2001 - 2005*"
- [11]. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2006), "*Văn kiện Đại hội VIII Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2005 - 2010)*"
- [12]. Trung tâm Khuyến Nông tỉnh Vĩnh Long (2005), "*Chương trình Khuyến công tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2006 - 2010*"
- [13]. UBND tỉnh Vĩnh Long (2003), "*Quyết định số 2642/2003/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư của tỉnh Vĩnh Long*"
- [14]. UBND tỉnh Vĩnh Long (2005), "*Quyết định số 2104/2005/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc thay thế quyết định số 2642/2003/QĐ-UB*"
- [15]. UBND tỉnh Vĩnh Long (2006), "*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long 6 tháng đầu năm 2006*"
- [16]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1996), "*Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*"
- [17]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), "*Luật đầu tư nước ngoài năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam số 18/2000/QH10*"
- [18]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), "*Luật Đầu tư*"

C. BÁO, TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH

- [1]. Đăng Bảy (2006), "*ĐBSCL: thu hút đầu tư cần có một chiến lược thống nhất*", Báo Phụ nữ Việt Nam số 96 ra ngày 11/8/2006
- [2]. TS Kim Dung, "*Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng*", Báo Nhân dân ra ngày 22/8/2006.
- [3]. TS. Nguyễn Ngọc Định (2003), "*Cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*", Tạp chí Phát triển kinh tế số 157 tháng 11/2003.
- [4]. TS. Nguyễn Thị Liên Hoa (2003), "*Xây dựng một hệ thống chỉ tiêu đánh giá khả năng và hiệu quả thu hút vốn ĐTTNN*", Tạp chí điện tử: Phát triển kinh tế tháng 11/2003.
- [5]. GS.TS. Hồ Đức Hùng (2004), "*Phát triển công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*", Tạp chí điện tử: Phát triển kinh tế tháng 9/2004.
- [6]. Hồ Hùng (2004), "*Thay đổi tư duy để thu hút đầu tư*", Thời báo kinh tế Sài Gòn ra ngày 22/7/2004
- [7]. Nguyễn Thúy Hương, Trưởng phòng Tổng hợp chính sách, Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, "*Một vài nét về vốn FDI trong 6 tháng đầu năm 2006 và thời gian tới*", website Bộ Kế hoạch & Đầu tư.
- [8]. PGS.TS Đan Đức Hiệp (2005), "*Nhìn lại tiến trình thu hút vốn FDI tại Hải Phòng*", Báo Đầu tư ra ngày 11/5/2005
- [9]. Đức Hiếu (2006), "*Cơ hội để quảng bá hình ảnh ĐBSCL*", Thời báo Ngân hàng số 77 ra ngày 27/6/2006.
- [10]. Hải Luận (2006), "*Bình Định - vùng kinh tế trọng điểm quốc gia*", Báo Phụ nữ Việt Nam số 51 ra ngày 28/4/2006
- [11]. Văn Thiên Lộc (2006), "*Giai đoạn 2006 - 2010 thu hút đầu tư phát triển 3 nhóm ngành công nghiệp chủ chốt*", Báo Sài Gòn Giải phóng ra ngày 3/2/2006.
- [12]. LV (theo Price waterhouse Coopers)(2005), "*Việt Nam - Quốc gia có sức hấp dẫn đầu tư thương mại mạnh nhất*", Báo Sài Gòn Giải phóng ra ngày 14/10/2005.
- [13]. Phương Nam (2006), "*Đề công nghiệp ĐBSCL cất cánh*", Báo Vĩnh Long số thứ năm ra ngày 21/9/2006.

- [14]. PGS.TS.Nguyễn Trường Sơn (2006), "*Đặc điểm và động thái tăng trưởng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam hiện nay*", Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 110 tháng 8/2006.
- [15]. TS. Vũ Anh Tuấn (2004), "*Phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất những vấn đề đặt ra*", Tạp chí điện tử: Phát triển kinh tế tháng 2/2004.
- [16]. Nguyễn Tư (2006), "*Vài suy nghĩ về phát triển nguồn nhân lực theo tinh thần Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ VIII nhiệm kỳ 2005 - 2010*", tạp chí thông tin công tác tư tưởng-Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long, 4/2006.
- [17]. PGS.TS Phương Ngọc Thanh (2003), "*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: tồn tại và kiến nghị*", tạp chí Phát triển kinh tế số 157 tháng 11/2003.
- [18]. PGS.TS Trần Ngọc Thơ (2005), "*Làm thế nào để có thể thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài*", Tạp chí điện tử: Phát triển kinh tế tháng 2/2005.
- [19]. GS.TS. Võ Thanh Thu (2005), "*Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2004: thực trạng và kiến nghị giải pháp*", Tạp chí điện tử: Phát triển kinh tế tháng 1/2005.
- [20]. Khánh Việt (2006), "*Xử lý đình công tại các KCN,KCX: cần đột phá vào những điểm nóng*", Báo Phụ nữ Việt Nam số 90 ra ngày 28/7/2006

D. INTERNET

- [1]. Báo Đầu tư <http://www.vir.com.vn>
- [2]. Bộ Tài chính <http://www.mof.gov.vn>
- [3]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư <http://www.mpi.gov.vn>
- [4]. Bộ Thương mại <http://www.mot.gov.vn>
- [5]. Tạp chí Phát triển kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP HCM <http://www.ueh.edu.vn>
- [6]. Tạp chí kinh tế phát triển, Trường ĐH quốc dân Hà Nội <http://www.neu.edu.vn>
- [7]. Thời báo kinh tế Việt Nam <http://www.vnecnomy.com.vn>
- [8]. TP Cần Thơ <http://www.cantho.gov.vn>
- [9]. tỉnh Bình Dương <http://www.binhduong.gov.vn>
- [10]. tỉnh Long An <http://www.longan.gov.vn>
- [11]. tỉnh Tiền Giang <http://www.tiengiang.gov.vn>
- [12]. tỉnh Vĩnh Long <http://www.vinhlong.gov.vn>

Phụ lục 1: CÁC ĐỊA PHƯƠNG THU HÚT NHIỀU VỐN FDI Ở VIỆT NAM 1988-2005**(tính tới ngày 31/12/2005 - chỉ tính các dự án còn hiệu lực)**

Địa phương	số dự án	tỷ trọng (%)	TVĐT (USD)	tỷ trọng (%)
TP Hồ Chí Minh	1.869	31	12.239.898.606	23,99
Hà Nội	654	10,85	9.319.622.815	18,27
Đồng Nai	700	11,61	8.494.859.254	16,65
Bình Dương	1.083	17,96	5.031.857.583	9,86
Bà Rịa – Vũng tàu	120	1,99	2.896.444.896	5,68
Hải phòng	185	3,07	2.034.582.644	3,99
Dầu khí	27	0,45	1.891.191.815	3,71
Vĩnh Phúc	95	1,58	773.943.472	1,52
Long An	102	1,69	766.080.839	1,50
Hải Dương	77	1,28	720.072.061	1,41
Thanh Hóa	17	0,28	712.525.606	1,40
Quảng Ninh	76	1,26	574.684.030	1,13
Khác	1.025	17	5.562.182.627	11
Tổng cộng	6.030	100	51.017.946.248	100

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và đầu tư**Phụ lục 2: ĐẦU TƯ FDI Ở VIỆT NAM THEO NGÀNH 1988-2005****(tính tới ngày 31/12/2005 - chỉ tính các dự án còn hiệu lực)**

Chuyên ngành	Số dự án	TVĐT (USD)	Vốn pháp định (USD)
Công nghiệp	4.053	30.040.965.617	13.355.301.115
CN dầu khí	27	1.891.191.815	1.384.191.815
CN nhẹ	1.693	8.470.890.198	3.817.492.569
CN nặng	1.754	13.528.255.775	5.359.057.777
CN thực phẩm	263	3.139.159.903	1.359.449.661
Xây dựng	316	4.011.467.926	1.435.109.293
Nông, lâm nghiệp	789	3.774.878.343	1.631.140.826
Nông-Lâm nghiệp	675	3.465.982.163	1.495.963.445
Thủy sản	114	308.896.180	135.177.381
Dịch vụ	1.188	16.202.102.288	7.698.540.445
GTVT-Bưu điện	166	2.924.239.255	2.317.066.195
Khách sạn-Du lịch	164	2.864.268.774	1.247.538.654
Tài chính-Ngân hàng	60	788.150.000	738.895.000
Văn hoá-Y tế-Giáo dục	205	908.322.251	386.199.219
XD Khu đô thị mới	4	2.551.674.000	700.683.000
XD Văn phòng-Căn hộ	112	3.936.781.068	1.378.567.108
XD hạ tầng KCX-KCN	21	1.025.599.546	382.669.597
Dịch vụ khác	456	1.203.067.394	546.921.672
Tổng số	6.030	51.017.946.248	22.684.982.386

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và đầu tư

Phụ lục 3: 10 NƯỚC CÓ VỐN FDI CAO NHẤT 1988-2005
(tính tới ngày 31/12/2005 - chỉ tính các dự án còn hiệu lực)

Nước, vùng lãnh thổ	Số dự án	tỷ trọng (%)	TVĐT (USD)	tỷ trọng (%)
Đài Loan	1.422	23,58	7.769.027.127	15,23
Singapore	403	6,68	7.610.672.977	14,92
Nhật Bản	600	9,95	6.289.749.999	12,33
Hàn Quốc	1.064	17,65	5.337.858.695	10,46
Hồng Kông	360	5,97	3.727.943.431	7,31
British Virgin Islands	251	4,16	2.692.708.280	5,28
Pháp	164	2,72	2.171.243.593	4,26
Hà Lan	62	1,03	1.996.039.210	3,91
Malaysia	184	3,05	1.571.072.072	3,08
Thái Lan	130	2,16	1.456.109.156	2,85
Khác	1.390	23,05	10.395.521.708	20,37
Tổng cộng	6.030	100	51.017.946.248	100

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và đầu tư

Phụ lục 4: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THEO HTĐT 1988-2005
(tính tới ngày 31/12/2005 - chỉ tính các dự án còn hiệu lực)

Hình thức đầu tư	Số dự án	TVĐT (USD)	Vốn pháp định (USD)
100% vốn nước ngoài	4.504	26.041.421.663	11.121.222.138
Liên doanh	1.327	19.180.914.141	7.425.928.291
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	184	4.170.613.253	3.588.814.362
BOT	6	1.370.125.000	411.385.000
Công ty cổ phần	8	199.314.191	82.074.595
Công ty quản lý vốn	1	55.558.000	55.558.000
Tổng số	6.030	51.017.946.248	22.684.982.386

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và đầu tư

Phụ lục 5: GIÁ THUÊ ĐẤT Ở TỈNH VĨNH LONG

	Đơn giá cho thuê một năm (USD/m ² /năm)	Đơn giá cho thuê cả giai đoạn (chưa tính giảm % do nộp trước theo QĐ 189 của Bộ Tài Chính)		
		5 năm (USD/m ² /năm)	10 năm (USD/m ² /năm)	50 năm (USD/m ² /năm)
1. Thuê đất trong KCN Hòa Phú	0,50	1,82	3,46	10,00
- Thuê lại đất	0,20	0,73	1,39	4,00
- Phí cơ sở hạ tầng	0,30	1,09	2,08	6,00
2. Thuê đất thô				
- Các phường, thị xã, các tuyến CN Cổ Chiên	0,20	0,73	1,39	4,00
- Các xã TX Vĩnh Long và nội thị các thị trấn	0,18	0,65	1,25	3,60
- Đất không phải đô thị còn lại	0,03	0,11	0,21	0,60
- Đất hoang hóa (USD/ha/giai đoạn)	50,00	181,81	346,38	999,96
- Mặt nước sông hồ (USD/ha/giai đoạn)	75,00	272,72	519,57	1.499,93
3. Thuê đất thô trong KCN Bình Minh				0,024

Nguồn: Ấn phẩm Vĩnh Long "Cơ hội - Đầu tư"

Phụ lục 6:**PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG THU HÚT FDI Ở TỈNH VĨNH LONG**

Để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài "**các giải pháp tăng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2006 - 2010**", chúng tôi thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các đồng chí ở các sở ngành, các đơn vị có liên quan đến thu hút đầu tư, cũng như những đồng chí am hiểu về lĩnh vực thu hút đầu tư. Căn cứ vào những đánh giá của các đồng chí sẽ là cơ sở để chúng tôi phân tích ma trận EFE và ma trận IFE trong chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh

Phiếu khảo sát với những nội dung sau:

1. Xin đồng chí vui lòng đánh giá các yếu tố bên ngoài theo mức độ ảnh hưởng đến quyết định thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở tỉnh Vĩnh Long. Sử dụng thang điểm chấm (từ 1 đến 4), tương ứng như sau:

rất quan trọng (4 điểm)**ít quan trọng (2 điểm)****quan trọng (3 điểm)****không quan trọng (1 điểm)**

Yếu tố bên ngoài	Điểm			
	4	3	2	1
1/ Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên				
2/ Môi trường ổn định và trật tự an toàn XH				
3/ Tốc độ tăng trưởng và phát triển của tỉnh				
4/ Nguồn lao động				
5/ Môi trường pháp lý				
6/ Cải cách thủ tục hành chính				
7/ Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư				
8/ Khu vực kinh tế tư nhân				
9/ Giới thiệu, lôi kéo từ các nhà đầu tư hiện tại				
10/ Cạnh tranh khốc liệt trong thu hút đầu tư				

2. Xin đồng chí vui lòng đánh giá các yếu tố bên trong theo mức độ ảnh hưởng đến quyết định thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở tỉnh Vĩnh Long. Sử dụng thang điểm chấm (từ 1 đến 4), tương ứng như sau:

rất quan trọng (4 điểm)

ít quan trọng (2 điểm)

quan trọng (3 điểm)

không quan trọng (1 điểm)

Yếu tố bên trong	Điểm			
	4	3	2	1
1/ Đất đai				
2/ Thời gian cấp phép đầu tư				
3/ Nguồn nguyên liệu, khoáng sản				
4/ Cơ sở hạ tầng đảm bảo cho đầu tư phát triển				
5/ Trình độ năng lực và tác phong làm việc của CBCC có liên quan đến thu hút FDI				
6/ Trình độ năng lực lao động				
7/ Nguồn thông tin cung cấp cho DN				
8/ Mạng lưới giao thông				
9/ Công tác xúc tiến đầu tư				
10/ Công tác xúc tiến thương mại cho DN				
11/ Hỗ trợ, giúp đỡ của lãnh đạo tỉnh trong quá trình xây dựng và triển khai hoạt động				
12/ Sức hấp dẫn từ các dự án kêu gọi đầu tư				

Xin chân thành cảm ơn đồng chí

Phụ lục 7: KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẾN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CỦA TỈNH VĨNH LONG

Sau khi chúng tôi gửi phiếu khảo sát đánh giá về môi trường đầu tư cho 13 đồng chí am hiểu về lĩnh vực thu hút đầu tư để tham khảo ý kiến đánh giá về tầm quan trọng của các yếu tố bên ngoài và các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến thu hút FDI trên địa bàn tỉnh (xem phụ lục 6). Chúng tôi tổng hợp 13 ý kiến được đánh giá như sau: (trong đó: 4 được đánh giá là rất quan trọng; 3 là quan trọng; 2 là ít quan trọng; 1 là không quan trọng)

*** Mức độ quan trọng của các yếu tố bên ngoài**

Yếu tố \ NKS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	TC	TB
yếu tố 1	3	3	4	2	3	4	3	3	2	3	2	3	4	39	0,10
yếu tố 2	3	4	4	3	4	4	4	3	4	4	2	4	3	46	0,12
yếu tố 3	3	4	2	3	2	3	3	4	3	3	2	3	3	38	0,10
yếu tố 4	4	3	3	3	4	3	4	3	3	4	4	4	3	45	0,11
yếu tố 5	3	4	3	4	3	3	4	3	3	4	4	4	3	45	0,11
yếu tố 6	3	3	4	2	3	3	3	3	2	3	3	3	4	39	0,10
yếu tố 7	4	3	3	4	2	3	3	3	2	3	3	2	4	39	0,10
yếu tố 8	3	3	2	2	2	3	2	3	2	2	2	3	3	32	0,08
yếu tố 9	4	3	2	2	2	3	2	3	2	2	2	3	3	33	0,08
yếu tố 10	4	3	3	3	2	3	3	3	2	3	4	3	2	38	0,10
Tổng cộng														394	1,00

Ghi chú: thứ tự các yếu tố bên ngoài ở bảng tương ứng với thứ tự các yếu tố bên ngoài ở phụ lục 6

*** Mức độ quan trọng của các yếu tố bên trong**

Yếu tố \ NKS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	TC	TB
yếu tố 1	3	4	3	4	4	4	3	3	4	4	4	4	4	48	0,10
yếu tố 2	4	3	2	3	4	3	2	3	3	3	2	4	4	40	0,08
yếu tố 3	3	3	2	4	1	4	3	4	4	3	4	3	3	41	0,08
yếu tố 4	3	4	4	3	4	3	4	3	3	4	3	4	3	45	0,09
yếu tố 5	4	4	3	4	3	4	3	3	4	3	4	3	4	46	0,09
yếu tố 6	4	3	3	3	4	3	4	4	3	4	3	4	3	45	0,09
yếu tố 7	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	2	3	2	36	0,07
yếu tố 8	3	4	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	46	0,09
yếu tố 9	4	3	3	3	3	2	2	3	2	3	3	3	2	36	0,07
yếu tố 10	3	3	3	2	3	2	2	3	3	3	3	3	3	36	0,07
yếu tố 11	3	4	3	4	2	3	3	3	3	3	3	4	3	41	0,08
yếu tố 12	3	4	4	4	4	3	3	3	3	4	4	3	4	46	0,09
Tổng cộng														506	1,00

Ghi chú: thứ tự các yếu tố bên trong ở bảng tương ứng với thứ tự các yếu tố bên trong ở phụ lục 6

Phụ lục 8: PHIẾU KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP FDI Ở TỈNH VĨNH LONG

Để phục vụ cho việc nghiên cứu các giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2006 - 2010, chúng tôi thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các nhà quản lý doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh thông qua phiếu điều tra với những nội dung như sau:

1. Vui lòng đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của quý vị tại tỉnh Vĩnh Long. (vui lòng đánh dấu vào các ô được chọn)

- Môi trường ổn định và an toàn trật tự
- Mong muốn mở rộng thị trường, thu lợi nhuận
- Sử dụng nguồn lao động dồi dào
- Khám phá nguồn nguyên liệu
- Mạng lưới giao thông thuận tiện
- Hưởng lợi từ các ưu đãi đầu tư hấp dẫn
- Tiện ích giải trí
- Các nhân tố khác

2. Nguồn thông tin từ đâu để quý vị cân nhắc và quyết định đầu tư vào tỉnh Vĩnh Long (vui lòng đánh dấu vào các ô được chọn)

- Trong các hội thảo, xúc tiến đầu tư của tỉnh hoặc Chính phủ
- Tra cứu từ website tỉnh Vĩnh Long
- Được các nhà đầu tư khác giới thiệu
- Theo các đoàn đầu tư đến tỉnh tìm hiểu
- Từ các ấn phẩm, sách báo hoặc từ các chương trình giới thiệu quảng cáo
- Các trường hợp khác

3. Khi làm việc với các cơ quan nhà nước có liên quan, quý vị đánh giá như thế nào về khả năng làm việc của các cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước: (vui lòng đánh dấu vào một trong các ô được chọn)

khả năng	tuyệt vời	tốt	trung bình	yếu
a. Kỹ năng quản lý				
b. Chất lượng, trình độ làm việc				
c. Khả năng ngôn ngữ giao tiếp				
d. Tác phong làm việc				
e. Tính trung thực trong làm việc				
f. Đòi hỏi, yêu sách gây khó khăn				

4. Thủ tục và thời gian cấp giấy phép đầu tư cho dự án có làm quý vị hài lòng không? (vui lòng đánh dấu vào một trong các ô được chọn)

- rất hài lòng hài lòng ít hài lòng không hài lòng

5. Theo nhận xét của quý vị thì thủ tục hành chính ở tỉnh có thật sự là "một cửa tại chỗ" hay không? (vui lòng đánh dấu vào một trong các ô được chọn)

- có tương đối không

Phụ lục 9:**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ 9 DN FDI ĐƯỢC KHẢO SÁT Ở TỈNH VĨNH LONG**

Số phiếu chúng tôi gửi đến 10 doanh nghiệp FDI đang thực hiện đầu tư tại tỉnh Vĩnh Long, có 9 doanh nghiệp gửi phiếu phản hồi và 1 doanh nghiệp không phản hồi do đã ngưng hoạt động. Sau khi thu thập ý kiến đánh giá từ phiếu khảo sát (xem phụ lục 8), chúng tôi tổng hợp được như sau:

(trong đó 4: được đánh giá rất mạnh; 3: được đánh giá mạnh; 2: được đánh giá tương đối; 1: được đánh giá yếu)

	4	3	2	1
Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên	1/9 ^(*)	6/9	2/9	
Môi trường ổn định và trật tự an toàn XH	9/9			
Tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế			9/9	
Nguồn lao động	1/9	7/9	1/9	
Môi trường pháp lý		2/9	5/9	2/9
Cải cách thủ tục hành chính			9/9	
Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư	7/9		2/9	
Khu vực kinh tế tư nhân			8/9	1/9
Giới thiệu, lôi kéo từ các nhà đầu tư hiện tại	5/9			4/9
Cạnh tranh khốc liệt trong thu hút đầu tư		1/9	8/9	
Đất đai sẵn sàng		5/9	3/9	1/9
Thời gian cấp phép đầu tư đúng qui định	9/9			
Nguồn nguyên liệu, khoáng sản	2/9		5/9	2/9
Cơ sở hạ tầng đảm bảo cho đầu tư phát triển		6/9	3/9	
Trình độ năng lực và tác phong làm việc của CBCC có liên quan đến thu hút FDI		1/9	7/9	1/9
Trình độ năng lực lao động	1/9	6/9	1/9	1/9
Nguồn thông tin cung cấp cho DN				9/9
Mạng lưới lưu thông hàng hóa được đảm bảo		6/9	3/9	
Hiệu quả xúc tiến đầu tư		7/9		2/9
Công tác xúc tiến thương mại cho DN		1/9	1/9	7/9
Hỗ trợ, giúp đỡ của lãnh đạo tỉnh trong quá trình xây dựng và triển khai hoạt động	8/9	1/9		
Sức hấp dẫn từ các dự án kêu gọi đầu tư		1/9	8/9	

(*) 1/9 được giải thích là: có 01 doanh nghiệp FDI trong số 09 doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh tham gia khảo sát, đánh giá yếu tố: *vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên* ở tỉnh Vĩnh Long *rất mạnh*.

Phụ lục 10: Nội dung xây dựng ma trận EFE và ma trận IFE

Phân tích ma trận các yếu tố bên ngoài và các yếu tố bên trong là cơ sở để chúng ta thấy rằng những chiến lược mà địa phương đề ra có tận dụng được các cơ hội hoặc tránh được các mối đe dọa bên ngoài hay không, đồng thời đánh giá được điểm mạnh hoặc điểm yếu trong chiến lược thu hút FDI

Ⓜ Ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài (EFE) nhằm đánh giá các thông tin chính trị, kinh tế, xã hội, cạnh tranh...có thể làm lợi hoặc gây hại đến thu hút đầu tư trong tương lai. Để xây dựng ma trận đánh giá yếu tố bên ngoài nhằm xác định các cơ hội và nguy cơ từ bên ngoài là thiết yếu cho sự thành công trong thu hút đầu tư. Chúng tôi tiến hành năm bước trong việc phát triển một ma trận đánh giá yếu tố bên ngoài

1. Lập danh mục các yếu tố có vai trò quyết định đối với sự thành công như đã nhận diện trong quá trình kiểm tra các yếu tố từ bên ngoài; bao gồm các yếu tố cả những vận hội và mối đe dọa ảnh hưởng đến thu hút FDI ở tỉnh Vĩnh Long

2. Phân loại tầm quan trọng từ 0,0 (không quan trọng) đến 1,0 (rất quan trọng) cho mỗi yếu tố. Mức phân loại được xác định bằng cách so sánh những địa phương thành công với những địa phương không thành công trong thu hút FDI, đồng thời tham khảo ý kiến của các nhà lãnh đạo tỉnh cũng như những người am hiểu về lĩnh vực thu hút đầu tư. Tổng số các mức phân loại được ấn định cho các nhân tố này bằng 1,0

3. Phân loại từ 1 đến 4 cho mỗi yếu tố quyết định sự thành công để cho thấy cách thức mà các nhà đầu tư hiện tại phản ứng với yếu tố này, trong đó 4 là phản ứng tốt, 3 là phản ứng trên trung bình, 2 là phản ứng trung bình và 1 là phản ứng ít. Các mức này dựa trên đánh giá của các nhà đầu tư nước ngoài hiện tại

4. Nhân tầm quan trọng của mỗi nhân tố với loại của nó để xác định số điểm về tầm quan trọng

5. Cộng tổng số điểm về tầm quan trọng cho mỗi nhân tố để xác định tổng số điểm quan trọng cho địa phương

Ⓜ Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong (IFE) nhằm đánh giá những mặt mạnh và yếu quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư. Để từ đó hoạch định những chiến lược tận dụng những điểm mạnh bên trong và cải thiện những điểm yếu. Tương tự ma trận EFE, ma trận IFE được phát triển theo 5 bước:

1. Liệt kê các yếu tố thành công then chốt như đã được xác định. Sử dụng tất cả các yếu tố bên trong, bao gồm cả những điểm mạnh và điểm yếu

2. Phân loại tầm quan trọng bằng cách phân loại từ 0,0 (không quan trọng) tới 1,0 (quan trọng nhất) cho mỗi yếu tố. Tầm quan trọng được phân loại cho mỗi yếu tố nhất định cho thấy tầm quan trọng tương đối của yếu tố đó đối với sự thành công trong thu hút FDI. Không kể yếu tố chủ yếu đó là điểm mạnh hay điểm yếu bên trong. Tổng cộng của tất cả các mức độ quan trọng này bằng 1,0

3. Phân loại từ 1 đến 4 cho mỗi yếu tố, biểu thị yếu tố đó thể hiện khả năng mạnh hay yếu ảnh hưởng đến sự quyết định đầu tư, trong đó điểm yếu lớn nhất (phân loại bằng 1), điểm yếu nhỏ nhất (phân loại bằng 2), điểm mạnh nhỏ nhất (phân loại bằng 3), điểm mạnh lớn nhất (phân loại bằng 4)

4. Nhân mỗi mức độ quan trọng của mỗi yếu tố với loại của nó để xác định số điểm quan trọng cho mỗi yếu tố

5. Cộng tất cả số điểm quan trọng cho mỗi yếu tố để xác định số điểm quan trọng tổng cộng của địa phương

Phụ lục 11: CÁC ĐỒNG CHÍ LẤY Ý KIẾN KHẢO SÁT

1. Đ/c Nguyễn Văn Nghiệp, Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Công nghiệp
2. Đ/c Võ Quốc Việt, Phó Ban quản lý các khu công nghiệp
3. Đ/c Thiệu Ngọc Tâm, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh
4. ThS. Nguyễn Văn Cồn, Trưởng phòng Kinh tế ngành, Văn phòng UBND tỉnh
5. ThS. Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Khoa - Trường cao đẳng Kinh tế tài chính tỉnh
6. ThS Trương Thị Nhi, Trưởng khoa - Trường cao đẳng Kinh tế tài chính tỉnh
7. ThS Lê Hoàng Phúc, Phó Khoa - Trường cao đẳng Kinh tế tài chính tỉnh
8. ThS Dương Văn Bé Sáu, Phó Giám đốc Ngân hàng công thương tỉnh
9. ThS Nguyễn Trọng Nghiệp, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh
10. Đ/c Nguyễn Ngọc Dung, Chuyên viên Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh
11. Đ/c Nguyễn Văn Hoàng, Chuyên viên nghiên cứu Văn phòng UBND tỉnh
12. ThS Hồng Mạnh Kim, Chuyên viên nghiên cứu UBND tỉnh
13. Đ/c Nguyễn Kim Loan, Chuyên viên Trung tâm xúc tiến thương mại & Đầu tư .